

CHIẾN TRANH

TIỀN TỆ

PHẦN I



BACHVIETBOOKS COPYRIGHT

CHIẾN TRANH TIỀN TỆ

CURRENCY WARS

Ai thực sự là người giàu nhất thế giới?

Bản quyền tiếng Việt © BachvietBooks

Cuốn sách được dịch và xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Công ty cổ phần Sách Bách Việt và Song Hong Bing.

HUO BI ZHAN ZHENG

Author: Song Hong Bing

Vietnamese edition copyright © by BachvietBooks Jsc., Vietnam

This edition published by arrangement with Song Hong Bing, China

ALL RIGHTS RESERVED

.....

BachvietBooks giữ bản quyền tiếng Việt của cuốn sách này trên phạm vi toàn thế giới.
Ng nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức nếu không được sự đồng ý của BachvietBooks.



Liên hệ các vấn đề chung: info@bachvietbooks.com.vn

Liên hệ về bản thảo, xuất bản: publication@bachvietbooks.com.vn

Liên hệ về phát hành, kinh doanh: sales@bachvietbooks.com.vn

SONG HONG BING

Hồ Ngọc Minh dịch

CHIẾN TRANH TIỀN TỆ

PHẦN I



CURRENCY WARS

Ai thực sự là người giàu nhất thế giới?

Tái bản lần thứ ba



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

MỤC LỤC



LỜI GIỚI THIỆU

CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG 7

CHƯƠNG 8

CHƯƠNG 9

CHƯƠNG 10

Phụ Lục I

Phụ Lục 2

7

11

Gia tộc Rothschild - Cường quyền duy nhất ở châu Âu

51

Cuộc chiến tranh trăm năm giữa ngân hàng quốc tế và Tổng thống Hoa Kỳ

105

Cục dự trữ Liên bang Mỹ: Ngân hàng trung ương tư hữu

155

Chiến tranh và suy thoái:
Mùa bội thu của ngân hàng quốc tế

197

"Chính sách mới" của tiền tệ giá rẻ

237

Câu lạc bộ tinh anh thống trị thế giới

283

Cuộc chiến tranh cuối cùng của đồng tiền đích thực

325

Chiến tranh tiền tệ không tuyên mà chiến

381

Hiểm họa của đồng đô-la Mỹ và tầm quan trọng của vàng

433

Mưu chuyện lâu dài

471

Trung Quốc mở cửa thị trường tài chính

487

Võ nợ công trái Mỹ và siết chặt thanh khoản toàn cầu



LỜI GIỚI THIỆU

Ngay từ nhỏ, chúng ta đã có khái niệm về tiền bạc. Chúng ta hân hoan chờ đón những đồng tiền mừng tuổi mới cong mỗi dịp năm hết Tết đến. Lớn lên, bước vào con đường mưu sinh, chúng ta lại mong muốn kiếm thật nhiều tiền, vì khái niệm tiền bạc nhiều khi gắn liền với sự thành công trong cuộc sống.

Tuy nhiên, rất ít người trong chúng ta hiểu được nguồn gốc tiền bạc cũng như sự sinh tồn và phát triển của đồng tiền. Vì sao những tờ giấy có in hình những con số lại có giá trị đến thế, nhưng cũng với tờ giấy đó, chúng ta gần như không mua nổi món hàng có giá trị trong giai đoạn khủng hoảng tiền tệ siêu cấp. Phần lớn chúng ta thường nghĩ rằng, sự hiện diện của đồng tiền trong cuộc sống là một lẽ đương nhiên, như không khí hay nước vậy.

Cho đến khi đọc cuốn Chiến tranh tiền tệ, chúng ta mới chợt giật mình nhận ra một điều kinh khủng rằng, đằng sau những tờ giấy chúng ta chi tiêu hàng ngày là cả một thế lực ngầm đáng sợ – một thế lực bí ẩn với quyền lực siêu nhiên có thể điều khiển cả thế giới rộng lớn này. Chiến tranh tiền tệ đề cập đến một cuộc chiến khốc liệt, không khoan nhượng và dai dẳng giữa một nhóm nhỏ các ông trùm tài chính – đứng đầu là gia tộc Rothschild – với các thể chế tài chính kinh tế của nhiều quốc gia. Đó là một cuộc chiến mà đồng tiền là súng đạn và có mức sát thương thật sự ghê gớm.

Nhóm tài phiệt ngân hàng này đã tạo ra một cơ chế kiểm soát nguồn cung ứng tiền tệ xuyên quốc gia, thực hiện các chính sách bơm tiền vào các nền kinh tế đang tăng trưởng để rồi chích nổ bong bóng kinh tế nhằm thu lợi. Nguồn tài sản họ thu được có thể là dầu khí, bất động sản, nền công nghiệp quốc phòng, đất nông nghiệp... Tất cả có thể được quy đổi thành vàng hay tiền mặt tùy theo vận trù của họ. Kết quả là sau mỗi lần “xén lông cừu”, các nhà tài phiệt này lại giàu có hơn, uy lực hơn trên thị trường tài chính quốc tế.

Việt Nam vừa mới hội nhập vào nền kinh tế thế giới và mặc dù đồng tiền chưa được chuyển đổi tự do, nguồn vốn đầu tư quốc tế còn hạn chế nhưng tình trạng lạm phát kinh tế, hiện tượng bong bóng trên thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản đang xuất hiện và đang tạo ra tình trạng bất ổn trong đời sống xã hội. Theo ước tính, trong vòng mấy tháng cuối năm 2006 và đầu năm 2007 đã có tới 10 tỉ đô-la Mỹ được rót vào thị trường chứng khoán, kéo theo hơn 350 nghìn tỉ đồng của các nhà đầu tư trong nước nhập cuộc. Bơm một lượng vốn quá lớn thị trường chứng khoán và bất động sản gây ra hiện tượng bong bóng và lạm phát cao, Chính phủ buộc phải thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ. Và đây cũng là lúc các tổ chức tài chính nước ngoài thu hồi vốn đầu tư khiến thị trường chứng khoán mau chóng suy sụp và thị trường bất động sản đi vào giai đoạn đóng băng nặng nề nhất. Chỉ tính trong vòng 40 ngày cuối quý I/2008, thị trường chứng khoán mất tới 347 điểm, tương đương 100 nghìn tỉ đồng, nghĩa là bình quân mỗi ngày có 1.000 tỉ đồng “bay hơi.” Nếu tính theo mốc giá ngày 12/3/2007 thì nhiều công ty đã “rớt giá” 70 - 80%, gây ra khoản thua lỗ hơn 300 nghìn tỉ đồng. Quả thật, đây là một thảm họa đối với các nhà đầu tư. Hiện tượng này mới xảy ra lần đầu tại Việt Nam, tuy nhiên, rất ít người biết rằng, kịch bản này đã được dàn dựng thành công tại nhiều nước trên thế giới.

Bên cạnh việc phơi bày những âm mưu của các nhà tài phiệt thế giới trong việc tạo ra những cơn “hạn hán” hay “bão lũ” về tiền tệ nhằm thu lợi, cuốn sách cũng đề cập đến sự phát triển của các định chế tài chính thế giới – những cơ cấu tài chính đáp ứng nhu cầu phát triển vũ bão của nền kinh tế toàn cầu. Hoạt động sản xuất kinh doanh hiện đại và hoạt động dịch chuyển dòng vốn xuyên quốc gia là hai bộ phận cấu thành nền kinh tế toàn cầu mà bất cứ quốc gia nào nếu tách riêng ra cũng khó lòng phát triển. Như vậy, vấn đề không phải là việc cắt đứt mối quan hệ với dòng vốn quốc tế vốn được điều khiển bởi các tập đoàn tài chính khổng lồ, mà là làm thế nào để sử dụng nguồn vốn ngoại lực một cách có hiệu quả trong sự phối hợp với các nguồn lực nội tại nhằm tạo ra sự phồn vinh cho nền kinh tế nước nhà.

Gấp cuốn sách lại, có thể bạn đọc sẽ có nhiều tâm trạng khác nhau. Đối với một số người, đó có thể là sự sợ hãi thế lực tài chính quốc tế và cảm giác bất an về sự chi phối của thế lực này. Với số khác thì đó có thể là một cảm giác thú vị khi khám phá ra sự thật trần trụi để từ đó có cách nhìn nhận khác nhằm xây dựng cho mình những kế hoạch đầu tư một cách hiệu quả nhất. Và cho dù bạn có lo sợ hay cảm thấy tò mò, thú vị thì Chiến tranh tiền tệ cũng là một cuốn sách đáng đọc. Một cuốn sách bổ ích cho các chuyên gia quản lý tài chính, các nhà quản trị doanh nghiệp, các nhà đầu tư nhỏ, các giáo viên giảng dạy về tài chính – ngân hàng cũng như sinh viên các trường kinh tế.

TS. Đinh Thế Hiển

Giám đốc Viện Nghiên cứu Tin học & Kinh tế Ứng dụng

CHƯƠNG 1



GIA TỘC ROTHSCCHILD CƯỜNG QUYỀN DUY NHẤT Ở CHÂU ÂU





*Chỉ cần khống chế được quyền phát hành tiền
tệ của một quốc gia, tôi sẽ không phụ thuộc vào
bất cứ thứ pháp luật nào do ai đặt ra¹*



MAYER ROTHSCHILD

Cho đến nay, Bill Gates vẫn được giới truyền thông không ngừng ca tụng và coi là người đàn ông giàu nhất hành tinh với khối tài sản khổng lồ. Nếu tin rằng đó là sự thật thì có nghĩa là bạn đã bị lừa dối. Bởi vì bạn sẽ chẳng bao giờ tìm thấy bóng dáng của các ông trùm thật sự giàu có trên bảng xếp hạng những người giàu nhất hành tinh này. Còn giới truyền thông phương Tây thì đã bị những thế lực “vô hình” của các ông trùm khóa miệng.

Cho đến ngày nay, gia tộc Rothschild vẫn theo đuổi ngành ngân hàng. Tuy nhiên, nếu bắt chợt hỏi 100 người dân Bắc Kinh hay Thượng Hải, bạn sẽ thấy rằng, có đến 99 người biết rất rõ về Ngân hàng Hoa Kỳ, trong khi chẳng một ai biết Ngân hàng Rothschild là ngân hàng nào.

Vậy rốt cuộc, Rothschild là ai? Nếu một người làm việc trong ngành tài chính mà chưa từng nghe đến cái tên Rothschild thì không khác nào một người lính không biết Napoleon, sinh viên ngành vật lý không biết Einstein. Cái tên Rothschild hết sức xa lạ đối với đa số

¹ G. Edward Griffi, *Những âm mưu từ đảo Jekyll* (The Creature from Jekyll Island), American Media, Westlake Village, 2002.

người dân Trung Quốc (cũng như với người Việt Nam). Tuy nhiên, gia tộc này có một sức ảnh hưởng rất lớn đối với quá khứ, hiện tại và tương lai của người dân Trung Quốc cũng như người dân khắp nơi trên thế giới. Thông qua sự đối lập giữa tầm ảnh hưởng và mức độ nổi tiếng của gia tộc Rothschild với thế giới ngày nay, ta có thể thấy khả năng giấu mình của dòng họ này cao siêu đến mức nào.

Rốt cuộc thì dòng họ Rothschild có bao nhiêu tài sản? Đây vẫn là điều bí mật của thế giới. Theo tính toán sơ bộ thì con số đó là vào khoảng 500 tỉ đô-la!²

Rốt cuộc thì bằng cách nào mà dòng họ Rothschild sở hữu khối tài sản khổng lồ như vậy? Đây là câu chuyện mà chương đầu tiên này sẽ giải bày cùng bạn.

Sự kiểm soát chặt chẽ trong nội bộ gia tộc, các thao tác ngấm ngầm trong bóng tối, sự hiệp đồng chính xác như một chiếc đồng hồ, việc thu thập tin tức luôn đi trước thị trường, lý trí lạnh lùng tuyệt đối, tham vọng vô hạn đối với quyền lực và tiền bạc, sự nhìn nhận thấu đáo đối với tiền tài và sự giàu có cũng như khả năng dự đoán thiên tài đã giúp dòng họ Rothschild xây dựng một vương quốc tài chính rộng lớn và hùng mạnh nhất trong lịch sử loài người, cho dù vương quốc đó đã từng nằm trong vòng xoáy khốc liệt và tàn bạo của tài chính, chính trị và chiến tranh suốt hơn hai trăm năm qua.

² Morton (1962) chú thích rằng, tài sản của gia tộc Rothschild ước tính vào khoảng trên 6 tỉ đô-la Mỹ vào năm 1850. Con số này có thể không có ý nghĩa gì trong thời đại bây giờ, tuy nhiên, hãy thử nghĩ một chút về giá trị của sản nghiệp đó sau 156 năm (tính đến năm 2006). Nhưng, nếu thử tính 6 tỉ đô-la này trong mối quan hệ với tỉ suất ROI - tỉ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư - và thường dao động từ 4% đến 8%) thì chúng ta có thể thấy được rằng, khối tài sản của gia tộc Rothschild lớn thế nào:

2,7 nghìn tỉ đô-la Mỹ (4%)
12,1 nghìn tỉ đô-la Mỹ (5%)
53,2 nghìn tỉ đô-la Mỹ (6%)
230,2 nghìn tỉ đô-la Mỹ (7%)
982,3 nghìn tỉ đô-la Mỹ (8%)

ATERLOO CỦA NAPOLEON VÀ KHẢI HOÀN MÔN CỦA ROTHSCHILD

Nathan là con trai thứ ba và cũng là người gan dạ, thông minh nhất trong số năm anh em gia tộc Rothschild. Năm 1798, Nathan được cha mình điều chuyển từ Frankfurt đến Anh để khai phá lĩnh vực ngân hàng của dòng họ Rothschild. Nathan là một chuyên gia ngân hàng có lòng dạ thâm sâu và cách hành xử quyết đoán, chưa từng có ai thực sự hiểu thế giới nội tâm của ông ta. Do có tài năng thiên bẩm đáng kinh ngạc về tài chính cùng những thủ đoạn tinh vi, đến năm 1815, Nathan đã trở thành một trong những ông trùm ngân hàng nổi tiếng tại London.

Amschel – người anh cả chuyên lo việc điều hành đại bản doanh (M.A Rothschild and Sons) của ngân hàng gia tộc Rothschild tại Frankfurt, trong khi Salomon – người anh trai thứ hai – đã xây dựng một chi nhánh ngân hàng khác của dòng họ này ở thành Vienna của Áo (S.M Rothschild and Sons), còn Calmann – người em thứ tư của Nathan – thành lập một chi nhánh khác ở thành phố Napoli của Ý, và James – người em trai thứ năm – cũng có một ngân hàng ở Paris. Hệ thống ngân hàng do dòng họ Rothschild xây dựng là tập đoàn ngân hàng quốc tế đầu tiên trên thế giới. Lúc này, năm anh em nhà Rothschild đang tập trung chú ý vào tình hình chiến tranh châu Âu năm 1815.

Đây là một cuộc chiến tranh quan trọng liên quan đến số phận và tiền đồ của lục địa châu Âu. Nếu như Napoleon giành thắng lợi chung cuộc thì nước Pháp sẽ ở vào vị thế bá chủ lục địa châu Âu. Còn nếu Công tước Wellington đánh bại quân Pháp thì nước Anh sẽ ở vào thế cân bằng chiến lược của một nước lớn cốt yếu của châu lục này.

Ngay từ những ngày đầu chiến tranh, với tầm nhìn xa rộng, dòng họ Rothschild đã xây dựng hệ thống thu thập và truyền tin

tình báo chiến lược cho riêng mình. Họ tạo lập một mạng lưới những người đại diện bí mật, giống như những gián điệp tình báo chiến lược. Những người này đi nằm vùng ở các thủ đô, các thành phố lớn, các trung tâm giao dịch và trung tâm thương mại quan trọng ở các quốc gia châu Âu. Thông tin tình báo thương mại, chính trị cũng như tình báo trong các lĩnh vực khác đi về như con thoi giữa các thành phố lớn như London, Paris, Frankfurt, Vienna và Napoli. Hiệu suất, tốc độ và độ chính xác của hệ thống tình báo này đều đạt đến trình độ khiến người ta phải thán phục, vượt rất xa so với tốc độ của bất cứ mạng lưới tin tức của các cơ quan nhà nước nào, còn các đối thủ cạnh tranh thương mại khác càng khó mà đuổi kịp. Tất cả những điều này giúp Ngân hàng Rothschild luôn có ưu thế vượt trội trong cạnh tranh quốc tế.³

“Cỗ xe của Ngân hàng Rothschild băng băng trên quốc lộ của các vùng đất châu Âu, con thuyền Ngân hàng Rothschild lao nhanh qua những eo biển hẹp, những tay gián điệp của Ngân hàng Rothschild tràn ngập trên các đường phố châu Âu. Gia tộc này nắm giữ một lượng lớn tiền mặt, công trái, thư tín và thông tin. Thông tin độc quyền nóng hổi nhất của họ được truyền đi với tốc độ cực nhanh trên thị trường cổ phiếu và thị trường hàng hóa. Nhưng những tin tức ấy đều không thể nào so sánh với kết quả của chiến dịch Waterloo.”⁴

Ngày 18 tháng 6 năm 1815, trận Waterloo được triển khai ở ngoại ô Bruxelles - Bỉ. Đó không chỉ là cuộc quyết đấu sinh tử giữa hai đoàn hùng binh của Napoleon và Wellington mà còn là canh bạc lớn của hàng vạn nhà đầu tư, kẻ thắng sẽ giàu có vô biên, còn kẻ thua sẽ tổn thất vô cùng. Không khí trên thị trường giao dịch cổ phiếu London căng thẳng đến cực điểm. Tất cả mọi người đều chờ đợi kết quả cuối

³ Des Griffi, *Descent into Slavery*, Emissary Publications, 1980.

⁴ Des Griffi, *Descent into Slavery*, Emissary Publications, 1980.

cùng của trận Waterloo trong lo âu. Nếu nước Anh thất bại, giá trái phiếu của xứ sở sương mù sẽ rớt xuống đáy vực. Nếu thắng, giá trái phiếu lại tăng ngút trời xanh.

Khi hai đoàn hùng binh chạm trán nhau trong những trận chiến sống còn thì các gián điệp của Rothschild cũng khẩn trương cố gắng hết mức để thu thập các thông tin tình báo chính xác về tình hình chiến sự của hai bên. Nhiều điệp viên còn phụ trách việc chuyển các thông tin mới nhất liên quan đến tình hình chiến sự về trạm trung chuyển tin tình báo Rothschild gần chiến trường nhất. Đến chạng vạng tối, kết cục thất bại của Napoleon đã an bài. Một nhân viên chuyển thư nhanh của Rothschild tên là Rothworth tận mắt chứng kiến tình hình chiến sự và lập tức lao lên xe ngựa chạy với tốc độ phi mã về hướng Bruxelles, sau đó chuyển hướng về cảng Oostende. Khi Rothworth nhảy lên chiếc thuyền Rothschild tốc hành với giấy thông hành đặc biệt thì trời đã rất khuya. Eo biển Anh (English Channel) lúc này sóng to gió lớn, sau khi trả khoản phí 2.000 franc, Rothworth cũng tìm thấy một thủy thủ chịu giúp mình vượt eo biển này ngay trong đêm.⁵ Đến sáng ngày 19 tháng 6, anh ta đã đến bờ bên kia, tức là Folkestone của Anh. Đích thân Nathan Rothschild đứng đợi ở đó. Nathan tức tốc xé thư ra xem, lướt nhanh qua dòng tít của bản tin chiến sự rồi giục ngựa lao thẳng về phía Sở Giao dịch Chứng khoán London.

Khi Nathan vừa bước chân vào Sở Giao dịch chứng khoán, tất cả những người đang chờ đợi tin chiến tranh trong bầu không khí sốt ruột ở đó lập tức yên lặng. Mọi con mắt đều đổ dồn vào gương mặt đầy bí ẩn không lộ chút cảm xúc của Nathan. Nathan bước chậm rãi về phía ghế chủ tọa vốn được xem là “trụ cột của Rothschild.” Lúc này, cơ mặt của ông ta gần như chẳng biến đổi

⁵ Eustace Mullins, *The Secrets of the Federal Reserve - The London Connection*, Bankers Research Institute, 1985.

chút nào, trông cứ như là tượng đá vậy. Đại sảnh của Sở Giao dịch khi đó hoàn toàn im phăng phắc chứ không huyền ảo như mọi ngày. Mỗi người đều đem tất cả mọi sự giàu sang vinh nhục của mình ký thác vào ánh mắt của Nathan. Im lặng trong giây lát, Nathan liếc mắt ra hiệu cho các nhà đầu tư cổ phiếu của gia tộc Rothschild đang đứng chờ bên cạnh, mọi người ngay lập tức ủa về phía quầy giao dịch, bắt đầu bán tống bán tháo công trái Anh. Đại sảnh thoáng chốc trở nên hỗn loạn. Một số người bắt đầu to nhỏ với nhau, không ít người dờ dẫm đứng một chỗ. Khi đó, một lượng trái phiếu Anh trị giá hàng mấy trăm nghìn đô-la Mỹ trong phút chốc bị đẩy thốc đẩy tháo ra thị trường. Giá trái phiếu bắt đầu tuột dốc, tạo nên một cơn sốt trượt giá, cơn sau mạnh hơn cơn trước, báo hiệu một sự sụp đổ hoàn toàn.

Lúc này, Nathan ngồi dựa mình vào ghế với vẻ mặt lạnh tanh. Cuối cùng, trong đại sảnh Sở Giao dịch có người thét lên rằng “Rothschild đã biết rồi!” “Rothschild đã biết rồi!” “Wellington đã thất bại!” Tất cả mọi người có mặt ngay lập tức hoảng loạn như bị điện giật. Trong lúc mất hết lý trí, người này bắt chước người kia tạo nên một kiểu hành vi tự phát. Mỗi người đều muốn bán sạch những trái phiếu vốn đã không còn chút giá trị trong tay, cố vớt vát được gì hay nấy. Sau mấy giờ bán đổ bán tháo như vậy, trái phiếu Anh chất đầy thành đống như rác, giá trị trái phiếu chỉ còn lại 5%.⁶

Nathan lúc này vẫn thản nhiên ngồi quan sát tất cả những diễn biến xảy ra. Ông ta liếc nhẹ ánh mắt về phía các nhà đầu tư cổ phiếu – cái liếc mắt mà nếu không trải qua huấn luyện lâu dài thì không ai có thể hiểu được. Ngay lập tức, các nhà đầu tư cổ phiếu ập đến các quầy giao dịch, bắt đầu mua vào bằng hết trái phiếu Anh có trên sàn.

⁶ Des Griffin, *Descent into Slavery*, Emissary Publications, 1980.

11 giờ đêm ngày 21 tháng 6, Henry Percy – người đưa tin của Công tước Wellington – cũng về đến London. Tin cho hay, đại quân của Napoleon thất bại hoàn toàn sau trận đánh suốt 8 giờ, tổn thất một phần ba số quân, nước Pháp tiêu rồi!

Tin tức này chậm hơn cả một ngày so với tin tình báo của Nathan! Và trong một ngày này, Nathan thu về một lượng tiền gấp 20 lần so với tổng số của cải mà Napoleon và Wellington có được từ mấy chục năm chiến tranh!⁷

Trận Waterloo đã biến Nathan trở thành chủ nợ lớn nhất của Chính phủ Anh để từ đó chi phối quyền phát hành trái phiếu của nước này. Trái phiếu Anh chính là chứng từ thu thuế của Chính phủ trong tương lai, và nghĩa vụ nộp các khoản thuế của người dân Anh cho Chính phủ biến tướng thành việc trưng thu thuế mà Ngân hàng Rothschild đánh vào toàn dân. Các khoản chi tiêu của Chính phủ Anh chủ yếu dựa vào việc phát hành công trái mà có, hay nói cách khác, Chính phủ Anh cần phải đi vay tiền của các ngân hàng tư nhân để chi tiêu vì không có quyền phát hành tiền tệ, trong khi còn phải chi trả lãi suất khoảng 8%, và toàn bộ đều được kết toán bằng tiền kim loại. Khi nắm giữ trái phiếu Anh với số lượng áp đảo, trên thực tế Nathan là người đang quyết định giá trị của trái phiếu, chi phối hoàn toàn lượng cung ứng tiền tệ của nước Anh, và như vậy, mạch máu kinh tế của nước Anh đã bị gia tộc Rothschild siết chặt.

Nathan không cần che đậy vẻ kiêu ngạo khi chinh phục được Đế quốc Anh: “Tôi chẳng cần quan tâm con rối Anh nào đang thống trị

⁷ Ignatius Balla, *The Romance of the Rothschilds*, Everleigh Nash, London, 1913. Từ *New York Times* ngày 1/4/1915 đăng một bài báo rằng, năm 1914, Baron Nathan Mayer de Rothschild yêu cầu thu hồi cuốn sách của Ignatius Balla vì những gì mà tác giả viết về thân phụ ông trong cuốn sách này đều không đúng và bôi nhọ danh dự của gia đình. Tòa án ra phán quyết rằng, câu chuyện trong cuốn sách là đúng sự thật và bác đơn của Baron Nathan Mayer de Rothschild đồng thời ra lệnh cho ông ta phải chi trả toàn bộ chi phí tòa án.

đế quốc mặt trời không bao giờ lặn này. Ai khống chế được việc cung ứng tiền tệ của Đế quốc Anh thì người đó khống chế được Đế quốc Anh, mà người này chẳng ai khác ngoài tôi!”⁸

⁸ Eustace Mullins, *The Secrets of the Federal Reserve*, Bankers Research Institute, 1985.

 BƯỚC KHỞI NGHIỆP CỦA ROTHSCHILD

Một số người có thể hiểu được hệ thống tiền tệ chi phiếu và tiền tệ tín dụng. Hoặc là họ cảm thấy vô cùng hứng thú với những khoản lợi nhuận mà hệ thống này tạo ra, hoặc là hết sức ỷ lại vào sự bố thí của các chính trị gia. Mặt khác, đa số người dân không đủ trí lực để có thể hiểu được ưu thế to lớn được sinh ra từ hệ thống này. Họ thừa nhận sự áp bức mà không hề oán thán, thậm chí không chút nghi ngờ rằng hệ thống này sẽ làm tổn hại đến lợi ích của họ⁹



ANH EM NHÀ ROTHSCHILD

Năm 1863

Gia tộc Rothschild phát triển trong thời kỳ cuộc cách mạng công nghiệp phát triển mạnh mẽ, ngành tài chính phồn vinh chưa từng thấy, thực tiễn và lý thuyết tài chính mới mẻ từ Hà Lan và Anh lan truyền ra khắp châu Âu. Cùng với sự ra đời của Ngân hàng Anh (Bank of England) vào năm 1694, một khái niệm và thực tiễn tiền tệ phức tạp hơn rất nhiều so với quá khứ được một loạt các ông chủ ngân hàng sáng tạo ra.

Trong 100 năm của thế kỷ XVII, khái niệm và hình thức tiền tệ đều có những biến đổi sâu sắc. Từ năm 1694 đến 1776, khi tác phẩm *Của cải của các quốc gia* (The Wealth of Nations) của Adam Smith

⁹ Bức thư của anh em nhà Rothschild gửi đến các ông chủ ngân hàng New York năm 1863, để hỗ trợ cho *Đạo luật Ngân hàng quốc gia*.

ra đời, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, tổng lượng tiền giấy do các ngân hàng phát hành đã nhiều hơn tổng lượng tiền kim loại đang lưu thông.¹⁰ Mâu thuẫn giữa nhu cầu lưu thông tiền tệ tăng đến mức cực đại trong những ngành công nghiệp mới trỗi dậy như ngành đường sắt, khoáng sản, đóng tàu, cơ khí, dệt may, công nghiệp quốc phòng, năng lượng... và khả năng yếu kém trong lưu thông tiền tệ của các ngân hàng cũ ngày càng trở nên gay gắt. Ngân hàng mới nổi của dòng họ Rothschild đã nắm lấy cơ hội lịch sử này. Bằng việc áp dụng những phương thức có lợi nhất cho mình, họ làm chủ toàn diện hướng đi lịch sử của lĩnh vực tiền tệ hiện đại, mà những người khác thì không có chút cảm giác nào đối với việc số phận của họ đang bị chế độ này quyết định.

Hai lần nội chiến và xáo động trên chính trường từ năm 1625 khiến quốc khố của nước Anh trống rỗng. Khi lên ngôi ở Anh năm 1689, William Đệ nhất phải đối mặt với một cục diện rối rắm, thêm vào đó là cuộc chiến tranh mà ông đang tiến hành với vua Louis XIV Pháp khiến cho William Đệ nhất phải chạy vay khắp nơi để vay tiền đến mức gần như không cần suy tính thiệt hơn. Lúc này, ngân hàng mà William Paterson làm Thủ đốc đã đề xuất với Quốc vương của mình một ý tưởng mới xuất hiện từ Hà Lan: thành lập một ngân hàng trung ương tư nhân – Ngân hàng Anh, để tiến hành luân chuyển tiền tệ cho những khoản chi khổng lồ của Quốc vương.

Ngân hàng tư nhân này cung cấp khoản tiền mặt trị giá 1,2 triệu bảng Anh cho Chính phủ và nó được xem như là “khoản vay vĩnh viễn” (Perpetual Loan) của Chính phủ với mức lãi suất hàng năm là 8%, phí quản lý mỗi năm là 4.000 bảng Anh. Như vậy, mỗi năm chỉ cần tốn 100 nghìn bảng Anh, Chính phủ đã có thể sử dụng khoản tiền mặt 1,2 triệu bảng Anh ngay tức khắc, đồng thời có thể không cần hoàn trả tiền gốc vĩnh viễn! Đương nhiên, những “lợi ích” mà

¹⁰ Glyn Davis, *History of Money From Ancient Times to The Present Day*, University of Wales Press, 2002.

Chính phủ phải cung cấp cho họ còn nhiều hơn nữa, đó chính là việc cho phép Ngân hàng Anh độc quyền phát hành chứng chỉ ngân hàng được quốc gia công nhận.¹¹

Lâu nay ai cũng biết cái lợi nhất của ông trùm Ngân hàng Goldsmith chính là việc phát hành chứng chỉ ngân hàng. Những chứng chỉ này kỳ thực là biên nhận tiền vàng của các khách hàng ký gửi tại Ngân hàng Goldsmith. Bởi vì việc đem tiền mặt theo người là điều rất bất tiện cho nên phần lớn mọi người đã dùng chứng chỉ ngân hàng để giao dịch, sau đó thanh toán với nhau bằng tiền vàng tương ứng thông qua Ngân hàng Goldsmith. Lâu dần, người ta cảm thấy chẳng cần thiết phải đến ngân hàng rút tiền vàng để thanh toán cho nhau làm gì, vì vậy, những biên nhận này sau đó dần biến thành tiền giấy. Phát hiện thấy rằng, hàng ngày có rất ít người đến rút tiền, nên các nhà hoạch định chiến lược thông minh của Goldsmith bắt đầu ngấm ngấm dùng một số tiền nhàn rỗi của khách ký gửi để cho những người cần tiền vay lấy lời. Sau khi người vay trả hết cả vốn lẫn lãi thì những chứng từ vay này cũng được các ngân hàng của Goldsmith bí mật tiêu hủy như chưa từng có chuyện gì xảy ra, dù trên thực tế thì lợi nhuận vẫn cứ chảy vào túi họ đều đặn. Phạm vi lưu thông của các chứng chỉ ngân hàng Goldsmith càng rộng, mức độ chấp nhận càng cao thì lợi nhuận thu về càng lớn. Mà phạm vi lưu thông cũng như mức độ chấp nhận chứng chỉ ngân hàng do Ngân hàng Anh phát hành đều cao hơn rất nhiều so với những ngân hàng khác, những chứng chỉ ngân hàng được quốc gia công nhận này chính là tiền tệ quốc gia.

Lượng tiền mặt của Ngân hàng Anh thu hút từ các nguồn trong xã hội. Những ai đặt mua chứng chỉ từ 2.000 bảng Anh trở lên đều có thể trở thành Ủy viên Hội đồng quản trị. Tổng cộng có 1.330 người trở thành cổ đông của Ngân hàng Anh, 14 người trở

¹¹ Eustace Mullins, *The Secrets of the Federal Reserve*, Bankers Research Institute, 1985.

thành thành viên thường trực của Hội đồng quản trị, bao gồm cả William Paterson.

Năm 1694, William Đệ nhất ban hành *Hiến chương Hoàng gia* (Royal Charter) của Ngân hàng Anh, và như vậy, ngân hàng hiện đại đầu tiên đã ra đời.

Ý tưởng chủ đạo của Ngân hàng Anh chính là biến khoản nợ của quốc vương và những khoản nợ riêng của các thành viên trong hoàng gia thành món nợ vĩnh viễn, lấy thuế của toàn dân làm thế chấp, và tiền tệ quốc gia do Ngân hàng Anh phát hành dựa trên cơ sở các khoản nợ. Cứ như vậy, Quốc vương có tiền để tham chiến hay hưởng thụ, còn Chính phủ thì có tiền để làm những gì mình thích, ngân hàng giải phóng được những khoản tiền lớn của các khách hàng đang khiến họ ngày đêm lo lắng và thu về những khoản lợi tức khả quan. Tóm lại là tất cả đều vui vẻ, chỉ có điều, những khoản thuế của người dân đã trở thành vật thế chấp. Do có được một công cụ tài chính mới và lớn mạnh như vậy nên số tiền bội chi của Chính phủ Anh tăng lên chóng mặt. Từ năm 1670 đến năm 1685, thu nhập của Chính phủ Anh là 24,80 triệu bảng Anh, từ năm 1685 đến năm 1700, thu nhập của Chính phủ tăng lên hơn gấp đôi, đạt đến con số 55,7 triệu bảng Anh. Nhưng việc Chính phủ vay tiền của Ngân hàng Anh trong khoảng thời gian 1685 - 1700 đội lên hơn 17 lần, từ 800 nghìn bảng Anh lên đến 13,80 triệu bảng Anh.¹²

Điều lạ lùng là, thiết kế này đã cắt đứt mối quan hệ giữa việc phát hành tiền tệ quốc gia với khoản nợ vĩnh viễn của quốc gia. Cho nên, nếu phát hành thêm lượng tiền tệ mới thì điều tất yếu là phải tăng thêm quốc nợ, còn muốn thanh toán hết quốc nợ thì điều đó cũng đồng nghĩa với việc hủy hoại cả đồng tiền quốc gia. Như vậy, trên thị trường sẽ không còn tiền tệ để lưu thông, cho nên Chính phủ cũng

¹² Glyn Davis, *History of Money From Ancient Times to The Present Day*, University of Wales Press, 2002.

mãi mãi không thể nào hoàn trả hết khoản nợ này. Do phải hoàn trả lợi tức và đáp ứng nhu cầu phát triển của kinh tế, cho nên điều tất yếu là Chính phủ cần phải có nhiều tiền hơn đổ vào lưu thông, và những khoản tiền này lại cần phải vay từ ngân hàng mà ra. Thế là, quốc nợ cũng không ngừng tăng lên, và toàn bộ lợi tức của những khoản nợ này đều chảy vào túi ngân hàng, còn gánh nặng lãi suất thì đổ dồn vào nghĩa vụ đóng thuế của người dân!

Quả thật là từ đó về sau, Chính phủ Anh cũng chẳng thể nào hoàn trả hết các khoản nợ đã vay. Đến cuối năm 2005, khoản nợ của Chính phủ Anh từ 1,2 triệu bảng năm 1694 đã tăng lên thành 525,9 tỉ bảng, chiếm đến 42,8% GDP nước Anh.

THÙNG VÀNG THỨ NHẤT CỦA ROTHSCHILD

Mayer Amschel Rothschild



Ngày 23 tháng 2 năm 1744, Mayer Amschel Rothschild cất tiếng khóc chào đời trong một khu tập trung Do Thái ở Frankfurt. Moses – cha của Mayer – là một thợ bạc chuyên cho vay lãi lưu động, sinh sống và làm việc ở vùng Đông Âu. Sau khi Mayer ra đời, Moses quyết định định cư tại Frankfurt. Ngay từ nhỏ, Mayer đã thể hiện tài trí bẩm sinh đáng

kinh ngạc về kinh doanh. Cha của Mayer dồn rất nhiều tâm huyết để đầu tư cho con trai, dốc lòng giảng giải cho Mayer một cách hệ thống những kiến thức kinh doanh liên quan đến tiền tệ và cho vay. Mấy năm sau, Moses qua đời, lúc này Mayer mới 13 tuổi nhưng được sự khích lệ của những người thân thích trong gia đình nên ông quyết định theo nghề tài chính và làm việc trong ngân hàng của dòng họ Heimer gốc Âu ở Hannover.¹³

Với sự nhạy bén và tính cẩn cù phần đầu hơn người, Mayer nhanh chóng nắm bắt được các kỹ năng chuyên môn ngành ngân hàng. Trong suốt 7 năm ròng rã, Mayer giống như một miếng bọt biển hấp thu và tiêu hóa những kỳ mưu diệu kế ngành tài chính lưu truyền từ Anh sang. Nhờ khả năng làm việc xuất sắc của mình, ông được đề bạt trở thành cổ đông sơ cấp. Trong những ngày tháng làm việc ở ngân hàng, ông làm quen được một số khách hàng rất có ảnh hưởng, bao gồm cả tướng Stauffer – người có vai trò rất quan trọng trong sự phát triển sau này của ông. Chính ở đây, Mayer đã nhận ra lợi nhuận

¹³ Des Griffin, *Descent into Slavery*, Emissary Publications, 1980.

và hệ số an toàn khi cho Chính phủ và Quốc vương vay tiền ở mức cao hơn rất nhiều so với việc cho vay cá nhân. Bởi vì đây không chỉ là khách hàng lớn mà còn được đảm bảo bởi khoản thuế của Chính phủ. Những khái niệm tài chính hoàn toàn mới mẻ đến từ nước Anh này khiến cho đầu óc của Mayer bừng sáng hẳn lên.

Mấy năm sau, khi đã trở thành một chàng thanh niên khỏe mạnh, Mayer trở về Frankfurt tiếp tục công việc làm ăn là cho vay lãi của cha mình, mở ra một chân trời mới cho dòng họ Rothschild (Roth trong tiếng Đức có nghĩa là màu đỏ, Schild có nghĩa là dấu mốc). Khi biết tướng Stauffer cũng trở về Frankfurt và đang làm việc trong cung Vua William, Mayer nghĩ ngay đến việc phải lợi dụng tốt mối quan hệ này. Tướng Stauffer tỏ ra rất vui khi gặp lại Mayer. Bản thân tướng Stauffer là một nhà sưu tập tiền có tiếng, còn việc nghiên cứu lĩnh vực tiền tệ của Mayer cũng đã có mấy đời gia truyền, cho nên mỗi lần đàm đạo đến các loại tiền cổ thì chàng trai trẻ này tỏ ra vô cùng thành thạo khiến cho vị tướng rất hài lòng. Tướng Stauffer càng vui hơn khi Mayer tự nguyện bán cho ngài mấy đồng tiền hiếm với chiết khấu rất cao, vì thế mà ông xem Mayer như tri kỷ. Sự khéo léo này giúp cho Mayer nhanh chóng thân quen với rất nhiều nhân vật có máu mặt trong hoàng cung. Một hôm, thông qua giới thiệu của tướng Stauffer, Mayer được diện kiến Vua William, và ông nhận ra rằng, vị vua này cũng là một nhà sưu tầm tiền cổ, vậy là Mayer lại dùng cách tương tự để lấy lòng William.

Sau nhiều lần được Mayer bán cho những đồng tiền quý với giá rẻ, Vua William tỏ ra áy náy trong lòng, bèn hỏi xem Mayer có muốn giúp gì không. Chớp lấy thời cơ, Mayer đề xuất muốn trở thành người đại diện chính thức của hoàng cung, và ngay tức khắc, vua William đồng ý. Ngày 21 tháng 9 năm 1769, Mayer đã gắn huy hiệu hoàng gia lên tấm bảng hiệu của mình, bên cạnh viết một dòng chữ vàng: “M.A. Rothschild, người đại diện do Vua William chỉ định.” Một thời

gian sau, danh tiếng của Mayer nổi như cồn, công việc làm ăn cũng theo đó mà ngày càng phát đạt.

Trong lịch sử, bản thân Thái tử William – người ham tiền hơn mạng sống, nổi tiếng là người cung cấp “quân đội đánh thuê” cho quốc gia khác để “gìn giữ hòa bình.” Ông có mối quan hệ mật thiết với các hoàng thất ở nhiều quốc gia châu Âu, đặc biệt rất thích làm ăn với hoàng gia Anh quốc. Do có nhiều nguồn lợi hải ngoại nên nước Anh thường xuyên phải dùng đến quân đội để duy trì và bảo vệ lợi ích của mình, nhưng số lượng binh lính lại không đủ trong khi lượng tiền mà nước Anh xuất ra tương đối nhiều và rất ít khi khát nợ, cho nên, quốc gia này rất hợp rơ với Thái tử William. Về sau, khi cuộc chiến tranh giành độc lập của Mỹ nổ ra, số lượng quân Đức mà Washington phải đối phó còn nhiều hơn cả số quân Anh quốc. Nhờ đó, Thái tử William tích lũy được khối tài sản lớn nhất trong các hoàng thất châu Âu, ước khoảng 200 triệu đô-la Mỹ. Cũng vì thế mà người đời gọi ông là “con cá mập cho vay máu lạnh nhất châu Âu.”¹⁴

Sau khi trở thành một thành viên dưới trướng của Thái tử William, Mayer tận tâm tận lực xử lý tốt tất cả mọi việc, vì vậy rất được William tin tưởng. Không lâu sau cuộc đại cách mạng tư sản Pháp bùng nổ (1789 - 1799), làn sóng cách mạng dần lan rộng sang các nước lân cận theo chế độ quân chủ. Thái tử William bắt đầu nhấp nhóm không yên và lo rằng cuộc cách mạng đang ngày càng lan dần đến Đức, các phần tử phản loạn sẽ cướp sạch tài sản của ông. Ngược lại với cách nghĩ của Thái tử, Mayer lại hết sức vui mừng với cuộc cách mạng Pháp, bởi vì cuộc khủng hoảng sẽ khiến cho lượng tiền bạc của ông tăng lên. Khi ngọn lửa cách mạng lan đến thành La Mã cổ kính, cắt đứt đường trung chuyển thương mại của Anh, giá hàng hoá nhập khẩu tăng vọt. Công việc vận chuyển hàng hóa từ Anh sang Đức giúp cho Mayer kiếm được bội tiền.

¹⁴ Frederic Morton, *The Rothschilds*, Fawcett Books, 1961.

Mayer luôn là nhân vật hết sức tích cực trong khu tập trung Do Thái. “Mỗi tối thứ Sáu hàng tuần, sau khi kết thúc đợt hành lễ ở giáo đường của người Do Thái, Mayer luôn mời một số học giả Do Thái uyên bác nhất đến nhà mình tụ họp. Họ cùng nhau nhấm nháp rượu vang và thảo luận công việc một cách chi tiết tuần tự hoặc làm một số việc mãi cho đến khuya mới thôi.”

Mayer có câu nói nổi tiếng: “Gia đình cầu nguyện cùng nhau sẽ kết dính lại với nhau” (người Do Thái thường cầu nguyện cùng nhau và xem đó như là sự biểu hiện của tình đoàn kết - ND). Người đời sau không thể hiểu được sức mạnh nào có thể khiến cho những người trong dòng họ Rothschild lại quyết tâm theo đuổi quyền lực như vậy.



Năm anh em nhà Rothschild:

năm mũi tên bắn vào trái tim châu Âu

Đến năm 1800, dòng họ Rothschild đã trở thành một trong những gia tộc Do Thái giàu có nhất ở đất Frankfurt. Trong năm này, Mayer còn nhận được danh hiệu “Đại diện Hoàng gia đế chế” do Quốc vương của xứ La Mã thần thánh ban cho. Danh hiệu này giúp ông có thể đi lại khắp nơi trong đất nước La Mã, được miễn trừ các

loại thuế đánh vào người Do Thái, thậm chí nhân viên công ty của ông còn có thể mang theo vũ khí.

Năm 1803, mối quan hệ giữa Mayer và Thái tử William ngày càng mật thiết giúp thế lực của Mayer mạnh hơn rất nhiều so với trước. Một người anh họ của Thái tử William là Quốc vương Đan Mạch ngờ ý muốn vay William một khoản tiền, nhưng sợ người khác biết sự giàu có của mình nên Thái tử đã không đồng ý. Sau khi biết việc này, Mayer cho rằng đây là một cơ hội rất tốt, bèn đưa ra một phương án giải quyết cho Thái tử: Thái tử cứ xuất tiền, còn Mayer là người ra mặt thương lượng việc cho vay, lấy danh nghĩa Rothschild cho Quốc vương Đan Mạch vay, và như vậy, Mayer có thể trích phần trăm lãi suất. Sau khi suy nghĩ cẩn thận, cảm thấy đây là một phương án vẹn cả đôi đường, vừa có thể cho vay mà lại không để lộ sự giàu có của mình cho thiên hạ biết, Thái tử bèn nói với Mayer rằng, việc cho Quốc vương vay tiền quả là chuyện Mayer có nằm mơ cũng khó có thể thấy. Việc này không chỉ được báo đáp về sau, mà còn là cơ hội tuyệt vời để nâng cao danh dự. Đây là thương vụ đem lại cho Mayer thành công rất lớn. Liên sau đó, sáu khoản vay của hoàng thất Đan Mạch được giao dịch thành công thông qua Mayer. Thanh danh của Rothschild theo đó cũng nổi lên như cồn, đặc biệt ở châu Âu mọi người bắt đầu biết đến mối quan hệ mật thiết giữa ông và hoàng gia.

Sau khi lên ngôi, Napoleon từng có ý đồ muốn lôi kéo William về phía mình, nhưng William lại chân chừ nửa muốn nửa không và không đưa ra lựa chọn của mình. Vì không lôi kéo được William, Napoleon không nén nổi bức tức và tuyên bố phải quét sạch dòng họ William ra khỏi bàn đồ những nhân vật có quyền lực thống trị ở châu Âu, rồi liền đưa quân áp sát biên giới. Thái tử William hốt hoảng trốn sang Đan Mạch lưu vong, và trước khi chạy ra nước ngoài đã đem khoản tiền mặt trị giá 3 triệu đô-la Mỹ giao cho Mayer cất giữ. Chính

khoản tiền mặt này đem lại cho Mayer quyền lực và sự giàu sang chưa từng có trong đời. Đó cũng chính là thùng vàng đầu tiên khai thông con đường đến đế chế tài chính của Mayer trong tương lai.

Mayer còn có một ý chí mạnh mẽ hơn nhiều lần so với việc thành lập Ngân hàng Anh. Khi cầm trong tay khoản tiền kếch xù từ tay Thái tử William, ông lại bắt đầu có ý muốn điều binh khiển tướng. Năm người con của ông giống như năm mũi tên sắc bén nhằm vào năm khu vực trung tâm của châu Âu. Người con cả Amschel trấn giữ toàn vùng Frankfurt, con thứ Salomon được cử đến Vienna khai phá chiến trường mới, người thứ ba Nathan đến Anh để khai phá và nắm giữ đại cuộc, người thứ tư Calmann đến Napoli của Ý để xây dựng căn cứ địa và đóng vai trò như con thoi truyền đạt thông tin giữa các anh em, và người con út là James thì nắm giữ nhiệm vụ tác nghiệp ở Paris.

Một đế quốc tài chính chưa từng có trong lịch sử loài người đã được hình thành.

NATHAN - CHÚA TẾ THÀNH PHỐ TÀI CHÍNH LONDON

Họ là chúa tể của thị trường tiền tệ thế giới, đương nhiên cũng chính là chúa tể của tất cả những gì có trên thế giới này. Trên thực tế, họ có cả nguồn thu nhập tài chính của vùng đất Nam Italia, còn Vua và Bộ trưởng của các quốc gia (châu Âu) đều phải lắng nghe họ¹⁵

BENJAMIN DISRAELI

Thủ tướng Anh, năm 1844

Thành phố tài chính London là một khu đất chỉ chiếm diện tích 2,6 km² thuộc trung tâm thủ đô London. Từ thế kỷ XVIII, nơi đây đã là trung tâm tài chính của nước Anh và thậm chí là của toàn thế giới với hệ thống tư pháp độc lập giống như Vatican, tức là một quốc gia nhỏ trong một đất nước lớn. Vùng đất nhỏ bé hình viên đạn này tập trung toàn bộ cơ cấu tài chính chủ yếu của thế giới, tạo ra đến 1/6 GDP của

nước Anh lúc bấy giờ. Kẻ nào nắm được thành phố London này cũng sẽ trở thành chúa tể của nước Anh.



Khi Nathan đến Anh, đúng thời điểm này, cuộc đối đầu giữa Anh và Pháp đang diễn ra gay gắt. Cả hai nước ban hành lệnh cấm vận lẫn nhau, vì thế hàng hóa của Anh rất có giá ở châu Âu.

¹⁵ Benjamin Disraeli, *Coningsby*, New York: Alfred A. Knopf, 1844.

Nathan bắt đầu bắt tay với người em của mình đang ở Pháp – James – để vận chuyển hàng hóa theo kiểu trao tay từ Anh sang Pháp, và công việc này đem lại rất nhiều tiền cho họ. Sau này, Nathan làm quen với John Harris – một nhân vật quan trọng trong Bộ Tài chính Anh, và thông qua người này biết được quân Anh đang gặp khó khăn ở Tây Ban Nha. Lúc đó, quân Anh do Huân tước Wellington chỉ huy đã chuẩn bị xong việc tấn công Pháp, nhưng cái thiếu duy nhất lúc bấy giờ là lương thực. Huân tước Wellington tuy có sự đảm bảo của Chính phủ Anh, nhưng cho dù có nói khô bọt mép cũng khó thuyết phục nổi các nhà ngân hàng của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha chấp nhận chứng chỉ ngân hàng do ông đề xuất. Đại quân của Huân tước Wellington đòi hỏi phải có vàng khẩn cấp.¹⁶

Nathan rất nhanh nhạy và quyết tâm phải kiếm một mẻ từ việc này. Ông đi khắp nơi để hỏi nguồn vàng nhàn rỗi. Cũng may lúc đó có một lô vàng mới về từ Ấn Độ do công ty Đông Ấn Độ vận chuyển đến và chuẩn bị đem ra tiêu thụ. Đây là lô vàng mà Chính phủ Anh muốn đặt mua, chỉ có điều họ còn chần chừ vì giá quá cao, và muốn chờ giá vàng giảm mới chịu mua vào. Sau khi nắm được tình hình, Nathan bèn lập tức dồn hết 3 triệu đô-la của Thái tử William cùng số tiền mình buôn bán hàng hóa kiếm được ở Anh để đặt mua trước một lượng vàng trị giá 800 nghìn bảng Anh của công ty Đông Ấn Độ¹⁷ và sau đó lập tức nâng giá vàng lên. Thấy giá vàng chỉ tăng mà không giảm trong khi tình hình quân đội ở tiền tuyến ngày càng nguy cấp nên Chính phủ Anh chỉ còn cách là mua lại vàng từ tay của Nathan với giá cao hơn. Phi vụ này giúp Nathan kiếm bội tiền.

Nhưng kế liên hoàn của Nathan vẫn chưa hết. Ông ta tiếp tục đề xuất phương án hộ tống số vàng này đến cho Huân tước Wellington. Khi đó, Pháp đang tiến hành phong tỏa đường bộ hết sức nghiêm ngặt

¹⁶ G. Edward Griffi, *Những âm mưu từ đảo Jekyll* (The Creature from Jekyll Island), American Media, Westlake Village, 2002.

¹⁷ Frederic Morton, *The Rothschilds*, Fawcett Books, 1961.

đối với Anh, nếu đi bằng đường này thì rủi ro vô cùng, vì thế Chính phủ Anh đồng ý trả một khoản tiền rất lớn để vận chuyển lô vàng. Sau khi thương thảo xong, Nathan liền bảo em trai mình là James chỉ mới 19 tuổi thông báo cho Chính phủ Pháp biết ông muốn vận chuyển vàng đến Pháp. Chính phủ Anh có thể sẽ hết sức tức giận, bởi việc vàng chảy sang Pháp sẽ khiến cho khả năng tài chính của Anh suy yếu đi rất nhiều. Vì có lợi trong việc này nên nhà cầm quyền Pháp lập tức lệnh cho cảnh sát bảo vệ dọc đường, bật đèn xanh cho qua. Cá biệt, một số viên quan còn được hối lộ bằng những khoản tiền không nhỏ để che tai bịt mắt vờ như không thấy.

Vậy là trên thực tế, số vàng do nhóm Nathan vận chuyển nhận được sự giúp sức của Chính phủ cả hai nước Anh - Pháp, và cuối cùng chính thức nhập vào kho Ngân hàng Paris. Nathan vừa tham dự yến tiệc chào đón của Chính phủ nước Pháp, vừa ngấm ngấm phái người đem đổi toàn bộ số vàng này thành tiền vàng mà Công tước Wellington đang cần, rồi vận chuyển đến tay quân Anh ở Tây Ban Nha thông qua hệ thống bí mật của gia tộc Rothschild. Cách xử lý “cao tay” này của Nathan thật chẳng khác gì những tình tiết trong phim Hollywood thời hiện đại.

Một nhân vật ngoại giao của Bỉ thường trú ở Anh nói rằng: “Sự ảnh hưởng của Rothschild đối với nền tài chính ở London lớn đến



Trường Tài chính London

mức đáng sợ. Họ hoàn toàn quyết định giá giao dịch ngoại hối của thành phố tài chính London. Với tư cách là ngân hàng, quyền lực của họ khiến người ta phải trở mắt. Khi Nathan nổi giận thì Ngân hàng Anh cũng phải run rẩy.”

Một lần, Nathan cầm một tờ chi phiếu của Ngân hàng Rothschild do anh trai mình là Amschel gửi đến từ Frankfurt với đề nghị Ngân hàng Anh đổi thành tiền mặt. Nhưng lấy lý do là chi đổi chi phiếu do mình phát hành, ngân hàng này đã từ chối. Nathan tức giận vô cùng.

Sáng hôm sau, ông ta dẫn theo 9 nhân viên của mình, đem theo một xấp chi phiếu của Ngân hàng Anh đến và yêu cầu đổi ra vàng, chỉ trong một ngày đã khiến lượng dự trữ vàng của Ngân hàng Anh giảm xuống rõ rệt. Ngày thứ hai, Nathan đem đến nhiều chi phiếu hơn. Một quản lý cao cấp của Ngân hàng Anh lập bậ hỏi Nathan còn muốn đổi trong mấy ngày nữa, Nathan lạnh lùng trả lời: “Ngân hàng Anh từ chối nhận chi phiếu của tôi, tội gì tôi cần đến nó?” Ngân hàng Anh lập tức triệu hồi cuộc họp khẩn cấp. Sau đó, quản lý cao cấp của Ngân hàng Anh phải khách khí báo cho Nathan biết rằng, từ nay về sau, Ngân hàng Anh rất hân hạnh được quy đổi tất cả những chi phiếu do Rothschild phát hành. Trong trận chiến Waterloo, Nathan chỉ cần nhất cử đã đoạt được quyền kiểm soát thành phố tài chính London, từ đó nắm giữ mạch máu của nền kinh tế Anh. Và cũng từ đây, các quyết định quan trọng bao gồm quyền phát hành tiền tệ và giá vàng đều nằm trong sự chi phối của dòng họ Rothschild.

JAMES CHINH PHỤC PHÁP

Một khi Chính phủ ỷ lại vào nguồn tiền vàng của một ngân hàng, các ngân hàng sẽ đóng vai trò nắm giữ cục diện của Chính phủ, bởi vì kẻ trao tiền bao giờ cũng có thể hơn kẻ nhận tiền. Tiền bạc không có Tổ quốc. Các nhà hoạt động trong lĩnh vực tài chính không biết thế nào là yêu nước và sự cao thượng. Mục đích duy nhất của họ đó là làm sao để nhanh chóng có được tiền lãi¹⁸

NAPOLEON - Năm 1815

James Mayer Rothschild



Trong thời kỳ Napoleon chấp chính, James – người con thứ năm của Rothschild – đi lại như con thoi giữa London và Paris, xây dựng hệ thống mạng lưới vận chuyển hàng hóa của Anh. Sau khi giúp Wellington vận chuyển tiền vàng thành công và cuộc chiến thu mua trái phiếu Chính phủ Anh kết thúc, James trở nên nổi tiếng ở Pháp. Ông xây dựng Ngân hàng Paris Rothschild, đồng thời âm thầm giúp đỡ cuộc cách mạng ở Tây Ban Nha.

Năm 1817, sau khi bại trận ở Waterloo, nước Pháp mất đi một lượng lớn lãnh thổ có được từ chiến tranh của Napoleon, đồng thời rơi vào cảnh bị bao vây chính trị, nền kinh tế quốc dân cũng ngày

¹⁸ R. McNair Wilson, *Monarchy or Money Power*, Eyre and Spottiswoode Ltd., 1933.

càng tiêu điều. Chính phủ của Louis XVIII chạy vay khắp nơi để vay tiền, hy vọng nền tài chính quốc gia có thể từng bước ổn định. Việc một ngân hàng của Pháp và Ngân hàng Barings của Anh nhận được những khoản xin vay khổng lồ trong khi Ngân hàng Rothschild với tiếng tăm lừng lẫy như vậy lại rơi vào thình lạng đã khiến James cảm thấy rất sốt ruột.

Đến năm 1818, những trái phiếu Chính phủ phát hành một năm trước ở Paris và nhiều khu vực khác đều bắt đầu tăng giá. Chính phủ Pháp đã nếm được vị ngọt của lợi nhuận nên muốn vay tiếp của hai ngân hàng kia. Và cho dù có thử đủ mọi cách đi nữa thì anh em nhà Rothschild cũng chẳng kiếm được một chút lợi ích nào. Thì ra, tầng lớp quý tộc Pháp tự cho mình là những người có dòng máu cao quý, còn Rothschild chỉ là kẻ tầm thường nên không muốn làm ăn với Rothschild. Mặc dù giàu nứt đổ đổ vách, hào hoa rất mực, nhưng James không phải là người có địa vị xã hội cao. Sự kiêu ngạo của đám quý tộc Pháp khiến James hết sức phẫn nộ.

Ông bèn bắt tay cùng các anh em của mình lập kế hoạch khống chế quý tộc Pháp. Còn đám quý tộc cao ngạo nhưng dốt nát của Pháp lại đánh giá thấp chiến lược chiến thuật nổi bật trong lĩnh vực tài chính của dòng họ Rothschild. Khả năng hoạch định chiến lược cũng như bản lĩnh kinh doanh của họ vốn được ví với tài chỉ huy trên chiến trường của Napoleon.

Ngày 15 tháng 11 năm 1818, trái phiếu của Pháp trước đó vẫn đang tăng giá ổn định thì đùng một cái lại có những biến động thất thường. Rất nhanh sau đó, những trái phiếu khác của Chính phủ cũng bắt đầu chịu ảnh hưởng, giá cả trượt dốc với những mức độ khác nhau. Các nhà đầu tư trên thị trường bắt đầu bàn tán xôn xao. Cùng với thời gian, tình hình chẳng những không có chuyển biến

tốt mà trái lại ngày càng có chiều hướng đi xuống sâu hơn.¹⁹ Lờ xì xào ở sở giao dịch ngày càng lan rộng đi khắp nơi, có người nói có thể Napoleon sẽ lên nắm quyền lại, cũng có người nói việc thu thuế tài chính của Chính phủ không đủ để chi trả lợi tức cho các cổ đông, có người còn lo rằng sẽ xảy ra cuộc chiến mới.

Nội bộ hoàng cung của Vua Louis XVIII cũng hết sức căng thẳng. Nếu trái phiếu vẫn tụt dốc với tốc độ không phanh như vậy thì Chính phủ sau này sẽ chẳng biết bầu vùi vào đâu. Trên gương mặt của các nhà quý tộc cao ngạo lộ ra vẻ chán nản, ai ai cũng lo lắng cho tương lai của đất nước. Chỉ có hai người đứng ngoài cuộc với vẻ mặt bàng quan lạnh lùng. Đó là James và Calmann.

Rút ra bài học từ vết xe đổ của nước Anh, một số người bắt đầu nghi ngờ rằng gia tộc Rothschild đang thao túng thị trường công trái này. Tình hình thực tế chính là vậy. Bắt đầu từ tháng 10 năm 1818, dòng họ Rothschild dùng tài lực hùng hậu của mình làm hậu thuẫn, ngấm ngấm mua vào trái phiếu của Pháp trên tất cả các thị trường lớn ở châu Âu, khiến cho giá trái phiếu tăng lên. Từ ngày 5 tháng 11, họ lại đồng loạt bán các trái phiếu này với số lượng lớn ra thị trường châu Âu, gây nên sự hoang mang cực độ cho thị trường.

Chứng kiến cảnh giá trái phiếu của mình rơi tự do xuống đáy, Vua Louis XVIII cảm thấy ngôi vị của mình đang lung lay dữ dội. Lúc này, người đại diện của dòng họ Rothschild nói với Vua Louis XVIII rằng, tại sao ông không thử nhờ Ngân hàng Rothschild cứu vãn tình thế. Trong tình cảnh nước sôi lửa bỏng, Louis đã quên cả địa vị cao sang của mình, đòi triệu kiến anh em nhà James đến ngay lập tức. Bầu không khí của điện Elysee nhờ đó mà thay đổi ngay tức khắc. Anh em James bị đối xử khinh rẻ trước đây giờ đi đến đâu cũng được tung hô chào đón.

¹⁹ Des Griffi, *Descent into Slavery*, Emissary Publications, 1980.

Quả nhiên, chỉ với một cái “búng tay” của anh em James, thị trường trái phiếu đã bình ổn trở lại, còn họ thì trở thành trung tâm chú ý của nước Pháp. Sau chiến bại về quân sự của Pháp, họ đã cứu được nước Pháp từ cuộc khủng hoảng kinh tế! Những lời ca tụng và những tràng hoa tươi khiến anh em James sung sướng ngất ngây, ngay cả quần áo họ mặc cũng trở thành một thời thượng khi đó. Ngân hàng của họ trở thành nơi người ta vào ra giao dịch tấp nập.

Nhờ vậy, dòng họ Rothschild đã khống chế hoàn toàn nền tài chính Pháp. “Tài sản của James Rothschild đạt đến 600 triệu franc. Ở Pháp chỉ có tài sản của một người có thể sánh với ông ta, đó chính là Quốc vương Pháp với khối tài sản trị giá 800 triệu franc. Tài sản của các ngân hàng khác tại Pháp cộng lại vẫn thấp hơn 150 triệu franc so với khối tài sản của James. Nguồn tài sản này bỗng nhiên đem đến cho ông quyền lực cao siêu không thể nào diễn tả được, thậm chí đến mức bất cứ lúc nào cũng có thể khiến cho nội các Chính phủ tan vỡ.”²⁰

²⁰ David Druck, *Baron Edmond de Rothschild*, N.Y, 1850.

SALOMON THĂM ÁO

Trong mắt họ [gia tộc Rothschild] không có chiến tranh và hòa bình, không có khẩu hiệu và tuyên ngôn, cũng không có chết chóc và danh dự, họ xem thường những thứ mê hoặc đôi mắt của người đời. Trong mắt họ chỉ có bàn đạp. Thái tử William là một, còn người thứ hai chính là Metternich²¹

FRYDERYK MERTON



Salomon là con trai thứ hai của Mayer. Hàng năm, ông đi lại như con thoi giữa các thành phố lớn của châu Âu, đảm nhận vai trò điều phối giữa các ngân hàng của dòng họ. Ông là người có tài ngoại giao vượt trội trong số các anh em, nói năng cẩn trọng, rất khéo léo trong việc lấy lòng người khác. Một nhân vật làm ăn trong lĩnh vực ngân hàng từng giao tiếp với Salomon đã nhận xét về ông rằng “Không ai không hài lòng khi chia tay ông ấy.” Chính bởi nguyên nhân này, các anh em trong nhà cùng cử ông đến Vienna khai trương nghiệp vụ ngân hàng vùng trung tâm châu Âu.

Lúc này, Vienna vẫn là trung tâm chính trị của châu Âu, hầu như các hoàng gia của các nước châu Âu đều có mối quan hệ dây mơ rễ má với vương triều Habsburg. Habsburg được xem là vương thất của

²¹ Frederic Morton, *The Rothschilds*, Fawcett Books, 1961.

đế quốc La Mã thần thánh (giải thể năm 1806), thống trị một vùng rộng lớn bao gồm Áo, Đức, Bắc Ý, Thụy Sĩ, Biliti, Hà Lan, Luxembourg, Tiệp Khắc, Solvenia và cả miền Đông nước Pháp trong suốt hơn 400 năm. Đây là dòng máu vương thất chính tông và cổ nhất châu Âu.

Tuy Đế quốc La Mã thần thánh bị đánh bại trong cuộc chiến Napoleon, nhưng người kế thừa của vương triều Áo lại tỏ ra kiêu ngạo với vai trò vương triều chính thống của mình. Thêm vào đó là giáo lý Thiên Chúa chính thống của vương triều này không kém phần cứng rắn so với giáo lý mới đang thịnh hành ở các quốc gia như Anh, Pháp. Việc giao lưu với một gia tộc cao quý như vậy so ra còn cao hơn một cấp so với mối quan hệ với Thái tử William. Tuy nhiều lần có ý muốn thiết lập quan hệ kinh doanh với Habsburg, nhưng dòng họ Rothschild luôn nhận lại sự cự tuyệt của vương triều này và chẳng thể nào bước vào bậc cửa của đế chế đó.

Ngay sau khi chiến tranh Napoleon kết thúc, Salomon đến gõ cửa đại thành Vienna. Tuy nhiên, tình thế lúc này hoàn toàn đổi khác. Dòng họ Rothschild khi đó đã trở thành một dòng họ danh gia vọng tộc ở châu Âu, với nhuệ khí dũng mãnh chinh phục được cả hai nền tài chính Anh và Pháp. Dù vậy Salomon cũng không dám trực tiếp bàn chuyện làm ăn với người của Habsburg mà muốn tìm một bàn đạp. Và bàn đạp này chính là Klemens von Metternich – Ngoại trưởng Áo, nhân vật nổi tiếng trên chính trường châu Âu thế kỷ XIX.

Khi Napoleon bại trận, thành phố Vienna do Metternich xây dựng nên đã duy trì thời kỳ hòa bình dài nhất ở châu Âu thế kỷ XIX. Trong tình thế nước Áo ngày càng suy vi còn kẻ thù mạnh đang bao vây tứ phía, Metternich phát huy sự tinh túy của chế độ đến mức cao nhất. Ông lợi dụng sức mạnh hiệu triệu chính thống của hoàng gia Habsburg còn lại ở châu Âu để lôi kéo và xây dựng mối quan hệ đồng minh bền chặt với các nước láng giềng là Phổ và Nga, vừa

ngăn chặn được sự khôi phục của Pháp, lại kiểm soát được sự bành trướng của Nga, đồng thời còn hình thành nên một cơ chế kiểm soát liên hoàn đối với làn sóng chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa tự do trong nước, đảm bảo không mất kiểm soát thế lực của các phần tử đa dân tộc trong nước.

Hội nghị Aachen năm 1818 là một hội nghị quan trọng quyết định đến tương lai của châu Âu sau cuộc chiến tranh với Napoleon. Các đại biểu đến từ các nước Anh, Nga, Áo, Phổ, Pháp quyết định khoản bồi thường chiến tranh của Pháp và vấn đề rút quân của các nước đồng minh. Cả Salomon và Calmann đều tham gia hội nghị này. Chính tại đây, Salomon đã làm quen với Metternich thông qua Gentz – một thủ hạ của Metternich, và rất nhanh chóng trở thành bạn tâm giao. Một mặt, sự tán dương thấu tình đạt lý của Salomon khiến Metternich mát lòng mát dạ, mặt khác, Metternich cũng muốn dựa vào thế lực tài chính hùng hậu của gia tộc Rothschild. Hai người tỏ ra rất hiểu nhau. Mối quan hệ giữa Salomon và Gentz cũng ngày càng khăng khít hơn.

Dựa vào Metternich và sự tiến cử của Gentz, thêm vào đó là mối quan hệ làm ăn mật thiết giữa Rothschild với Thái tử William và hoàng thất Đan Mạch, bức tường cao ngất của Habsburg cuối cùng cũng bị Salomon vượt qua. Các khoản vay và đầu tư của hoàng thất cho ngân hàng của Salomon ngày càng ổn định và tăng lên, chẳng mấy chốc Salomon trở thành “tay trong” của hoàng thất. Năm 1822, hoàng gia Habsburg phong hiệu Nam tước cho bốn anh em nhà Rothschild (trừ Nathan).

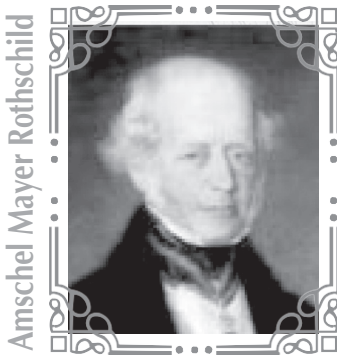
Nhờ sự giúp sức về tài chính của Salomon, Metternich bắt đầu mở rộng sức ảnh hưởng của Áo, đưa quân đi khắp nơi đến các điểm nóng để “bảo vệ hòa bình”. Vì vậy tiềm lực vốn đã suy kiệt của nước Áo lại bị các cuộc điều quân này làm cho thảm hại thêm, và lẽ dĩ nhiên là ngày càng rơi vào vòng xoáy tài chính của dòng họ Rothschild.

Khoảng thời gian từ năm 1814 đến năm 1848 ở châu Âu được gọi là thời đại của “Metternich”, còn trên thực tế, khổng chế Metternich lại chính là Ngân hàng Rothschild.

Năm 1822, Metternich, Gentz, Salomon, James và Calmann tham dự Hội nghị Verona quan trọng. Sau hội nghị này, Ngân hàng Rothschild nhận được một khoản đầu tư với lợi nhuận rất lớn từ công trình đường sắt Trung Âu. Người Áo ngày càng ý thức được sức ảnh hưởng của Rothschild, và họ bắt đầu nói đùa với nhau rằng “Nước Áo có một Hoàng đế Ferdinand và một Quốc vương Salomon.” Năm 1843, Salomon mua Công ty Liên hiệp Khoáng sản Vitkovice và Công ty Luyện kim Magyar – hai công ty nằm trong top 10 doanh nghiệp công nghiệp nặng lớn nhất thế giới lúc bấy giờ.

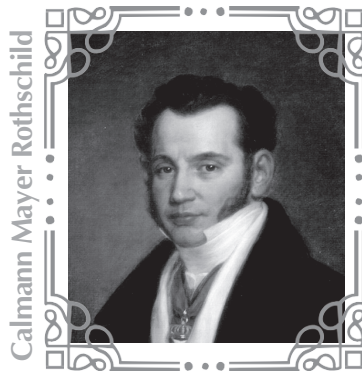
Năm 1848, Salomon trở thành ông trùm kinh tế và tài chính của Áo.

ẢNH HƯỞNG CỦA ROTHSCHILD VỚI ĐỨC VÀ Ý



Sau khi Napoleon thất bại, Đại hội Wien (triệu tập năm 1814) hình thành Liên bang Đức từ hơn 30 quốc gia phong kiến phân tán trong quá khứ. Amschel nắm giữ vùng Frankfurt và được bầu làm Bộ trưởng Bộ Tài chính đầu tiên của Liên bang Đức. Năm 1822, ông được hoàng đế của Áo phong làm Nam tước. Ngân hàng Rothschild ở Frankfurt trở thành trung tâm tài chính của nước Đức. Nhưng vì không có con nối dõi, nên Amschel luôn nhiệt tình giúp đỡ các bậc anh tài mới xuất hiện. Trong số những nhân tài này có một chàng thanh niên mà ông đặc biệt mến mộ – đó chính là Otto von Bismarck, vị tể tướng có ý chí kiên cường và giàu lòng hy sinh của nước Đức và là một nhân vật nổi tiếng thế giới trong lịch sử hiện đại sau này.

Tình cảm giữa Amschel và Bismarck có cái gì đó giống như tình cha con. Sau khi Amschel qua đời, Bismarck vẫn duy trì mối quan hệ mật thiết với dòng họ Rothschild. Ngân hàng Samuel Bleichroder đứng sau lưng Bismarck cũng là người đại diện của dòng họ Rothschild.²²



Calmann là người bình dị nhất trong số năm anh em nhà Rothschild, chủ yếu đảm nhận vai trò người đưa tin chủ yếu trong dòng họ, truyền tin tức đến các vùng của châu Âu và hiệp đồng với các anh em khác. Sau khi giúp người em thứ năm giành thắng lợi

²² Des Griffi, *Descent into Slavery*, Emissary Publications, 1980.

vang dội trong chiến dịch công trái năm 1818 của Pháp, ông liền được Nathan cử đến Napoli của Ý để xây dựng ngân hàng. Chính ở đây ông đã thể hiện khả năng vượt trội đến khó tưởng tượng so với những người anh em của mình. Calmann không những giúp sức cho Klemens Wenzel von Metternich phái quân đội đến Ý đàn áp cách mạng mà còn dùng những mảnh khóe chính trị xuất sắc buộc chính quyền địa phương của nước này phải thừa nhận đã sử dụng chi phí của quân đội. Ông còn giúp cho Medici lập kế hoạch và thu hồi lại chức vị Bộ trưởng Bộ Tài chính của Napoli. Calmann dần dần trở thành trụ cột tài chính trong hoàng cung của nước Ý. Sức ảnh hưởng của ông lan tỏa khắp bán đảo nước này. Ông thiết lập mối quan hệ giao thương qua lại với Vatican. Khi gặp ông, Giáo hoàng Gregory XVI đã phá lệ giao tiếp của Tòa thánh bằng cách đưa tay ra cho phép Calmann hôn lên, thay vì đưa chân ra cho hôn như lẽ thường.

ĐẾ CHẾ TÀI CHÍNH CỦA ROTHSCHILD

Chỉ cần anh em các ngài tụ họp lại cùng nhau thì trên đời chẳng có một ngân hàng nào có thể cạnh tranh, làm tổn thương hoặc kiếm lợi từ các ngài. Một khi các ngài hợp sức với nhau thì uy lực sẽ lớn hơn bất cứ ngân hàng nào trên thế giới này²³

LỜI CỦA DAVISON NÓI VỚI NATHAN

Ngày 24 tháng 6 năm 1814

Trước khi qua đời vào năm 1812, Rothschild cha đã để lại di chúc cho năm người con:

1. Những chức vụ quan trọng trong các ngân hàng của dòng họ phải do các thành viên trong dòng họ nắm giữ, tuyệt đối không để người ngoài nắm những cương vị này. Chỉ cần là đàn ông trong dòng họ thì đều có thể tham gia vào hoạt động thương mại của dòng họ.
2. Việc kết hôn chỉ có thể tiến hành giữa những người trong dòng họ, để tránh tình trạng thất thoát tài sản ra ngoài. (Quy định này trước đây được thực hiện nghiêm túc, về sau có nới rộng, cho phép các thành viên trong gia tộc kết hôn với các dòng họ khác gốc Do Thái trong ngành ngân hàng).
3. Tuyệt đối không cho phép công bố tình hình tài sản ra bên ngoài.

²³ Lord Rothschild, *The Shadow of a Great Man*, London, 1982.

4. Trưởng nam trong mỗi gia đình được xem là các thủ lĩnh, trừ khi dòng họ đồng ý mới có thể chọn con thứ để tiếp quản. Bất cứ ai vi phạm di chúc này, sẽ mất đi toàn bộ quyền thừa kế tài sản.²⁴

Tục ngữ có câu: “Thuận vợ thuận chồng, tát Biển Đông cũng cạn.” Gia tộc Rothschild thông qua hình thức kết hôn trong nội bộ dòng họ để triệt để đề phòng khả năng của cải thất thoát ra ngoài. Trong hơn 100 năm, việc kết hôn theo hình thức này diễn ra 18 lần, trong đó có 16 lần là giữa những người con cả vốn là các anh chị em họ với nhau.

Theo tính toán, khoảng năm 1850, dòng họ Rothschild đã tích lũy tổng số tài sản lên đến 6 tỉ đô-la, và nếu tính tỉ lệ lãi suất 6% thì đến ngày nay, sau hơn 150 năm, tài sản của dòng họ này ít nhất cũng trên 50.000 tỉ đô-la.

Một quy chế gia tộc hà khắc, hoạt động hoàn toàn kín kẽ, sự phối hợp nhịp nhàng chính xác như một chiếc đồng hồ, nguồn thông tin sớm hơn thị trường, lý trí lạnh lùng sáng suốt, tham vọng quyền lực và tiền tài vô hạn, sự hiểu biết thấu đáo về tiền bạc và của cải cũng như khả năng dự đoán thiên tài đã giúp cho dòng họ Rothschild xây dựng nên một đế chế tài chính lớn nhất trong lịch sử loài người, ngay cả khi đế chế này rơi vào vòng xoáy tàn bạo của tài chính, chiến tranh và chính trị.

Đến đầu thế kỷ XX, tổng số của cải mà dòng họ Rothschild khổng chế đã bằng một nửa tổng số của cải thế giới lúc bấy giờ.²⁵

Các ngân hàng của dòng họ Rothschild phủ khắp các thành phố quan trọng của châu Âu. Dòng họ này có một hệ thống thu thập thông tin tình báo và truyền tin nhanh chóng của riêng mình, thậm chí quý tộc và hoàng gia của các nước châu Âu khi muốn truyền những

²⁴ Des Griffi, *Descent into Slavery*, Emissary Publications, 1980.

²⁵ Ted Flynn, *Hope of the Wicked*, MaxKol Communication Inc, 2000.

tin khẩn và bí mật đều phải thông qua hệ thống của họ. Họ còn là những người đầu tiên sáng lập nên hệ thống thanh toán tài chính quốc tế, lợi dụng sự khống chế của mình đối với thị trường vàng thế giới để xây dựng một hệ thống thanh toán sổ sách vận chuyển vàng mà không cần dùng đến hiện vật.

Trên thế giới này, không ai có thể lý giải sâu sắc hơn ý nghĩa đích thực của vàng bằng dòng họ Rothschild. Năm 2004, khi tuyên bố rút lui khỏi hệ thống định giá vàng London, dòng họ Rothschild đang ngấm rời bỏ trung tâm bão táp tài chính chưa từng có của thế giới tương lai để định lại mối quan hệ giữa họ với giá trị của vàng. Nền kinh tế đô-la Mỹ chống chất nợ nần và rủi ro rình rập hệ thống tiền tệ pháp định của thế giới, cũng như hệ thống ngoại hối thế giới rất có thể sẽ đối mặt với một đợt thanh toán, chỉ có của cải nhiều năm tích lũy của các quốc gia Đông Nam Á có dự trữ vàng không đáng kể sẽ bị “phân phối lại cho những người thắng cuộc trong tương lai.” Quỹ đối xung sẽ phát động công kích một lần nữa, có điều, lần này đối tượng sẽ không phải là đồng bảng Anh hay tiền tệ của châu Á, mà là trụ cột của nền kinh tế thế giới – đồng đô-la.

Đối với các ngân hàng, chiến tranh là một thông tin vô cùng tốt lành. Bởi các sản phẩm hay các thiết bị đắt tiền phải khấu hao dần dần trong thời bình sẽ tan thành mây khói trong tức khắc, các bên tham chiến không tiếc bất cứ giá nào để giành lấy thắng lợi cuối cùng. Đến khi chiến tranh kết thúc, Chính phủ dù là của bên thắng hay thua đều bị lún sâu vào vòng nợ nần của các ngân hàng. Trong khoảng thời gian 121 năm kể từ khi Ngân hàng Anh thành lập cho đến khi chiến tranh Napoleon kết thúc (1694 - 1815), nước Anh đã có 56 năm sống trong cảnh chiến tranh, một nửa thời gian còn lại được tiêu tốn cho việc chuẩn bị cuộc chiến kế tiếp sau đó.

Việc giết dây gây chiến và tài trợ cho chiến tranh phù hợp với lợi ích căn bản của ngân hàng, và ngân hàng của dòng họ Rothschild cũng không phải là ngoại lệ. Từ cuộc đại Cách mạng Pháp (1789) đến Chiến tranh Thế giới thứ hai, hầu như đằng sau cuộc chiến tranh cận đại nào cũng đều thấp thoáng bóng dáng của họ. Dòng họ Rothschild hiện là chủ nợ lớn nhất của các quốc gia phát triển ở phương Tây. Trước khi qua đời, phu nhân Guttie Schnapper của Rothschild cha còn nói rằng: “Nếu các con trai của ta không thích có chiến tranh, thì sẽ chẳng có ai còn nhiệt tình với chiến tranh nữa.” Đến giữa thế kỷ XIX, quyền phát hành tiền tệ của các quốc gia công nghiệp chủ yếu ở châu Âu như Anh, Pháp, Đức, Áo, Ý đều lọt vào tầm khống chế của Rothschild, “Quân quyền thần thánh đã bị kim quyền thần thánh thay thế.” Lúc bấy giờ, sự phồn vinh thịnh đạt của đại lục địa châu Mỹ nằm bên kia bờ Đại Tây Dương đã lọt vào tầm ngắm của gia tộc này.

CHƯƠNG 2



CUỘC CHIẾN TRĂM NĂM GIỮA NGÂN HÀNG QUỐC TẾ VÀ TỔNG THỐNG HOA KỲ





Tôi có hai kẻ thù chính: quân đội miền Nam trước mặt và cơ cấu tiền tệ sau lưng. Trong hai thế lực này, sự đe dọa của kẻ đứng sau lưng mới là nguy hiểm nhất. Tôi nhìn thấy một nguy cơ trong tương lai đang đến gần chúng ta, khiến chúng ta lo sợ cho sự an nguy của đất nước. Sức mạnh của đồng tiền sẽ tiếp tục thống trị và làm tổn thương đến người dân, và đến khi những đồng tiền cuối cùng tích tụ lại trong tay một số kẻ thì đất nước của chúng ta sẽ bị phá hủy. Hiện giờ tôi lo lắng cho tương lai của đất nước hơn bất cứ lúc nào, thậm chí còn hơn cả trong tình huống chiến tranh²⁶



ABRAHAM LINCOLN

Tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ

Nếu nói lịch sử Trung Quốc xoay quanh những cuộc đấu tranh quyền lực chính trị, và nếu không hiểu những mưu tính trong đầu các bậc đế vương thì chúng ta không thể hiểu thấu cái tinh thần cốt lõi của lịch sử Trung Quốc. Tương tự, lịch sử phương Tây phát triển từng bước theo sự tiến hóa của đồng tiền, nếu không hiểu được cơ mưu của đồng tiền thì không thể nắm nguồn mạch của lịch sử phương Tây.

Lịch sử nước Mỹ gắn liền với sự can thiệp và âm mưu của các thế lực quốc tế, trong đó, điều khiến người ta sợ nhất chính là sự thâm nhập và âm mưu lật đổ của các thế lực tài chính quốc tế đối với nước Mỹ, nhưng đây cũng là điều chẳng mấy ai biết đến.

²⁶ Abraham Lincoln, Thư gửi William Elkins, 21/11/1864.

Việc thiết kế và xây dựng chế độ dân chủ được coi là hành động nhằm ngăn cản sự đe dọa của các thế lực phong kiến chuyên chế. Ở phương diện này, nó mang đến hiệu quả khả quan. Tuy nhiên, bản thân chế độ dân chủ lại không có sức miễn dịch đáng tin cậy đối với những mầm bệnh chết người mới sinh ra từ quyền lực của đồng tiền.

Chế độ dân chủ mới bộc lộ khả năng yếu kém trong việc phán đoán hướng tấn công và phòng ngự chủ yếu của các ngân hàng quốc tế đối với việc khống chế quyền phát hành tiền tệ nhằm chi phối toàn bộ quốc gia. “Tập đoàn lợi nhuận đặc thù siêu tiền tệ” và Chính phủ do dân Mỹ chọn ra trong thời gian hơn 100 năm trước cũng như sau cuộc nội chiến Bắc - Nam đã tiến hành những cuộc đấu tranh quyết liệt nhằm xây dựng một định chế tài chính của hệ thống ngân hàng trung ương tư hữu Mỹ. Tổng cộng đã có tất cả 7 Tổng thống Mỹ, nhiều ủy viên Quốc hội khác phải bỏ mạng vì cuộc chiến giữa hai thế lực này. Các nhà sử học Mỹ chỉ ra rằng, tỉ lệ thương vong của các Tổng thống Mỹ so với thời kỳ Chiến tranh Thế giới thứ hai còn cao hơn nhiều so với tỉ lệ thương vong binh quân của một đoàn thủy quân lục chiến!

Cùng với việc mở cửa toàn diện nền tài chính của Trung Quốc, các ngân hàng quốc tế sẽ thâm nhập sâu vào hệ thống tài chính của Trung Quốc, và câu chuyện đã xảy ra tại nước Mỹ hôm qua, liệu có tiếp tục tái diễn ở Trung Quốc hôm nay?

VỤ ÁM SÁT TỔNG THỐNG LINCOLN

Tối thứ Sáu ngày 14 tháng 4 năm 1865, Tổng thống Lincoln có thể thở phào nhẹ nhõm kể từ khi diễn ra cuộc nội chiến kéo dài bốn năm đầy tang tóc với muôn vàn nguy cơ và gian khổ. Cuối cùng, năm ngày trước khi nhận được tin thắng lợi – tướng Robert Lee thống lĩnh quân đội miền Nam đã đầu hàng tướng Grant của quân miền Bắc – vị Tổng thống cảm thấy đỡ căng thẳng hơn. Và trong lúc hứng chí, ông đến nhà hát Ford ở Washington để xem buổi biểu diễn. 10 giờ 15 phút, lợi dụng lúc không có cận vệ bên cạnh, một kẻ sát thủ đã lên tới cạnh Tổng thống, dùng một khẩu súng cõ lớn nhằm thẳng vào đầu ông mà bóp cò. Lincoln bị trúng đạn đổ vật về phía trước. Sáng sớm hôm sau, Tổng thống qua đời.



Tranh mô phỏng vụ ám sát Lincoln trong rạp hát

Hung thủ là John Wilkes Booth – một diễn viên có chút tiếng tăm khi đó. Sau khi ám sát Lincoln, tay này hoảng sợ bỏ trốn. Ngày 26 tháng 4, hung thủ bị bắn chết trên đường trốn chạy. Trong xe ngựa của hung thủ, người ta phát hiện thấy rất nhiều thư từ viết bằng mật mã và một số vật dụng cá nhân của Benjamin – Bộ

trưởng Chiến tranh của Chính phủ miền Nam và sau này là Bộ trưởng Ngoại giao, một người có thực quyền về mặt tài chính ở miền Nam đồng thời có mối quan hệ rất thân mật với các đại gia ngân hàng ở châu Âu. Sau đó, người này đào tẩu sang Anh. Sự kiện Lincoln bị ám sát lan truyền rộng rãi và nhiều người cho rằng đây là một âm mưu có quy mô lớn. Những người tham gia trong âm mưu này có thể là các thành viên nội các của Lincoln, các ngân hàng ở New York và Philadelphia, quan chức cao cấp của Chính phủ miền Nam, giới quyền lực trong ngành xuất bản báo chí và các phần tử nổi loạn ở miền Bắc.

Thời đó, có một giả thuyết lan truyền rộng rãi rằng, Booth không hề bị giết chết, mà là được phóng thích, còn thi thể được mai táng sau này là người đồng mưu của anh ta. Edwin Stanton – Bộ trưởng Chiến tranh nắm giữ trọng quyền khi đó đã che giấu chân tướng sự việc. Thoạt nghe thì đây có vẻ là một giả thuyết hoang đường. Thế nhưng, sau khi một loạt các văn kiện bí mật của Bộ trưởng Chiến tranh được giải mã vào những năm 30 của thế kỷ XX thì các nhà sử học đã phát hiện ra một sự thật đầy kinh ngạc về cái chết của Tổng thống Lincoln, trên thực tế chẳng khác gì lời đồn thổi của thiên hạ.

Trong bài viết “Tại sao Lincoln bị ám sát?”, Otto Eisenschiml – nhà sử học đầu tiên chuyên nghiên cứu về đề tài này đã gây chấn động cho các đồng nghiệp trên thế giới bằng những phát hiện đầy bất ngờ. Sau đó, Theodore Roscoe cho công bố kết quả nghiên cứu có sức ảnh hưởng rộng rãi hơn nữa bằng cách chỉ ra rằng:

Phần lớn các nghiên cứu lịch sử của thế kỷ XX liên quan đến việc Tổng thống Lincoln bị ám sát đều miêu tả sự việc giống như một vở bi kịch điển hình của nhà hát Ford vậy... Chỉ có một số ít nhìn nhận sự việc như là một cuộc mưu sát: Lincoln chết trong tay một tên tội phạm thô bỉ... Tội phạm phải bị trừng phạt theo pháp luật,

thuyết âm mưu đã bị bóp chết; cuối cùng Đức và Mỹ giành thắng lợi, Lincoln cũng đã thuộc về “quá khứ.”

Thế nhưng, việc giải thích sự kiện ám sát Tổng thống vừa không làm người ta hài lòng càng khó để người ta khâm phục. Thực tế cho thấy, tên tội phạm liên quan đến cái chết của Lincoln vẫn đang nhõn nhơ ngoài vòng pháp luật.²⁷

Bài viết *This One Mad Act* (tạm dịch: Hành động ngu xuẩn) trong cuốn hồi ký của Izola Forrester – cháu gái của tên hung thủ – có đoạn nói rằng, bà phát hiện thấy ghi chép bí mật *Knights of the Golden Circle* (Kị sỹ Vòng tròn Vàng) đã bị Chính phủ cố ý cất vào trong kho văn kiện và bị Edwin Stanton xếp vào loại tài liệu tuyệt mật. Sau khi Lincoln bị ám sát, bất cứ ai cũng không có cơ hội tiếp cận với những tài liệu này. Do mối quan hệ huyết thống giữa Izola và Booth, hơn nữa, với tư cách là một nhà văn chuyên nghiệp, cuối cùng bà trở thành là người đầu tiên được phép đọc những tài liệu này. Trong cuốn sách của mình, bà viết rằng: “Những bao tài liệu cũ kỹ thần bí này được cất giữ trong một két bảo hiểm nằm trong góc khuất giữa nơi đặt di tích của âm mưu thẩm phán và căn phòng trưng bày. Nếu không phải là 5 năm trước, khi đọc những tư liệu ở căn phòng đó, tôi tình cờ nhìn thấy cạnh chiếc tủ, thì có thể chẳng bao giờ tôi biết những tài liệu bí mật này tồn tại. Chúng có liên quan đến ông nội tôi. Tôi biết ông từng là thành viên của một tổ chức bí mật. Tổ chức này chính là Knights of the Golden Circle do Bickley sáng lập nên. Tôi có giữ một tấm ảnh của ông – bức ảnh ông chụp chung với họ, tất cả họ đều ăn mặc chỉnh tề. Bức ảnh này được phát hiện trong quyển *Kinh thánh* của bà nội tôi... Tôi còn nhớ bà từng nói rằng chồng bà [Booth] là công cụ của người khác.”²⁸

²⁷ G. Edward Griffi, *Những âm mưu từ đảo Jekyll* (The Creature from Jekyll Island), American Media, Westlake Village, 2002.

²⁸ Izola Forrester, *This One Mad Act*, Boston: Hale, Cushman & Flint, 1937.

Knights of the Golden Circle và các thế lực tài chính New York rốt cuộc có mối quan hệ như thế nào? Có bao nhiêu người trong Chính phủ của Lincoln tham gia vào âm mưu ám sát Lincoln? Tại sao các nghiên cứu về cái chết của Lincoln trong suốt thời gian dài luôn lạc hướng như vậy? Cái chết của Lincoln cũng giống với cái chết của Kennedy 100 năm sau đó, đều là sự phối hợp mang tính tổ chức trên quy mô lớn, mọi chứng cứ đều bị bịt đầu mối, mọi sự điều tra đều bị đánh lạc hướng một cách hệ thống, chân tướng của sự việc luôn được che đậy bởi một màn sương lịch sử dày đặc.

Muốn hiểu động cơ và mưu đồ thực sự đằng sau việc Lincoln bị sát hại, chúng ta cần phải tìm hiểu sâu hơn những cuộc đối đầu trong nỗ lực khống chế quyền phát hành tiền tệ của quốc gia này trong suốt quá trình lập quốc của Mỹ.

QUYỀN PHÁT HÀNH TIỀN TỆ VÀ CHIẾN TRANH ĐỘC LẬP CỦA NƯỚC MỸ

Trong các cuốn sách giáo khoa lịch sử viết về nguyên do của cuộc chiến tranh độc lập ở Mỹ có rất nhiều điều giá trị vừa toàn diện lại vừa trù tượng được đem ra phân tích và trình bày. Nhưng ở đây, chúng ta sẽ nhìn từ một góc độ khác để tìm hiểu sâu hơn bối cảnh tài chính cũng như vai trò hạt nhân của nó trong cuộc cách mạng này.

Đa số những người đến Mỹ mưu sinh sớm nhất chính là những cùng dân hết sức nghèo khổ. Trong cuộc hành trình của mình đến vùng đất mới, ngoài những hành lý đơn giản đem theo, hầu như họ chẳng có tài sản đáng giá hay tiền bạc. Thời đó, ở miền Bắc Mỹ người ta vẫn chưa khám phá ra những mỏ vàng bạc lớn như sau này, cho nên nguồn tiền tệ lưu thông trên thị trường cực kỳ thiếu hụt. Thêm vào đó là tỉ lệ nhập siêu của Anh khiến cho một lượng lớn tiền vàng bạc chảy về quốc gia của xứ sở sương mù này, và điều đó càng làm tăng thêm tình trạng thâm hụt lượng tiền lưu thông.²⁹

Phần lớn hàng hóa và dịch vụ do những người dân di cư ở khu vực Bắc Mỹ làm ra từ sự lao động khổ nhọc không thể trao đổi hiệu quả do thâm hụt lượng tiền lưu thông, từ đó gây cản trở nghiêm trọng đến bước phát triển của nền kinh tế. Để ứng phó với vấn đề nan giải này, người ta buộc phải sử dụng các loại tiền tệ thay thế khác để mua bán hàng hóa. Chẳng hạn, các hàng hóa giá trị cao như da và lông động vật, vỏ ốc, thuốc lá, gạo, lúa mạch, ngô được sử dụng như một loại tiền. Chỉ riêng ở phía Bắc Carolina, từ năm 1715 đã có hơn 17 loại hàng hóa được dùng như tiền tệ chính thức (Legal Tender), Chính phủ và người dân có thể dùng những hàng hóa này để tiến hành các hoạt động giao dịch như đóng thuế, trả nợ, mua bán hàng

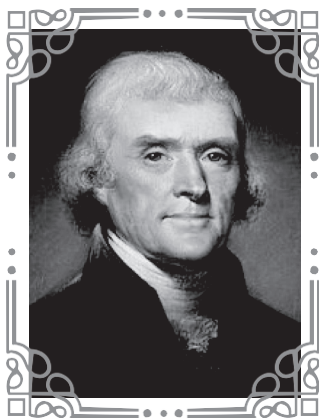
²⁹ Glynn Davis, *History of Money From Ancient Times to The Present Day*, University of Wales Press, 2002.

hóa. Khi đó tất cả những loại tiền tệ thay thế này đều lấy đồng bảng Anh làm tiêu chuẩn tính toán.

Trên thực tế, do giá thành, quy cách, mức độ chấp nhận và tính chất có thể lưu giữ lâu của các loại hàng hóa này khác nhau, nên việc đo lường theo tiêu chuẩn cũng trở nên khó khăn. Ở mức độ nào đó, chúng đã cứu vãn tình trạng thâm hụt tiền lưu thông đang cấp bách, nhưng nó cũng tạo nên tình trạng “thắt cổ chai” cho sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa.

Thiếu hụt tiền kim loại trong thời gian dài và bất tiện trong việc sử dụng các loại tiền hiện vật thay thế đã thúc đẩy Chính phủ thoát ra khỏi lối tư duy truyền thống để bắt đầu một thử nghiệm hoàn toàn mới: dùng loại tiền giấy có tên là Colonial Script - loại tiền tiêu chuẩn được pháp luật quy định thống nhất. Sự khác biệt lớn nhất giữa loại tiền giấy này so với chi phiếu ngân hàng đang lưu hành ở châu Âu là nó không có bất cứ khoản hiện vật vàng hay bạc bảo đảm mà chỉ là một loại tiền tín dụng Chính phủ. Mọi người dân đều cần phải đóng thuế cho Chính phủ, và tiếp nhận loại tiền giấy này như bằng chứng của việc nộp thuế thì Chính phủ đã có đầy đủ các yếu

tố cơ bản để đưa tiền giấy này vào lưu thông trên thị trường.



Thomas Jefferson -
Tổng thống thứ ba của
Hoa Kỳ

Loại tiền mới này quả nhiên đã thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế xã hội, các giao dịch hàng hóa cũng ngày càng trở nên nhộn nhịp.

Lúc này, Adam Smith của nước Anh cũng chú ý đến sự thể nghiệm tiền tệ mới này của Chính phủ thuộc địa ở Bắc Mỹ, và ông hiểu khá rõ vai trò kích thích to lớn đối với thương

mại của loại tiền giấy này, đặc biệt là khu vực Bắc Mỹ đang thiếu hụt tiền kim loại. Ông cho rằng: “Việc mua bán trên cơ sở tín dụng khiến cho các thương gia có thể định kỳ kết toán số dư tín dụng giữa các bên theo mỗi tháng hoặc mỗi năm. Điều này giảm thiểu sự bất tiện trong giao dịch. Một hệ thống tiền giấy được quản lý tốt không những tạo ra sự thuận tiện trong sử dụng mà còn có thể có rất nhiều ưu thế trong một số tình huống nào đó.”³⁰

Nhưng một loại tiền tệ không có thể chấp là kẻ thù tự nhiên của các ngân hàng. Bởi vì nếu không có các khoản vay của Chính phủ làm thế chấp thì Chính phủ cũng không cần phải vay các khoản tiền kim loại vốn rất thiếu hụt thời bấy giờ, và như vậy, quả cân lớn nhất trên tay của các ngân hàng trong chốc lát cũng mất đi uy lực. Năm 1763, Benjamin Franklin vi hành đến nước Anh.

Chủ tịch Ngân hàng Anh hỏi Franklin về nguyên nhân phát triển thịnh vượng của thuộc địa ở châu lục mới, ông trả lời rằng: “Điều này rất đơn giản. Ở đất thuộc địa, chúng tôi phát hành tiền tệ của riêng mình, gọi là ‘chứng chỉ thuộc địa’. Chúng tôi căn cứ vào nhu cầu của thương nghiệp và công nghiệp để phát hành một lượng tiền tệ cân đối, như vậy, sản phẩm rất dễ dàng chuyển từ tay người sản xuất đến tay người tiêu dùng. Dùng phương thức này, chúng tôi tạo ra loại tiền giấy của riêng mình, đồng thời bảo đảm sức mua của nó, và Chính phủ của chúng tôi không cần phải trả lợi tức cho bất kỳ ai.”³¹

Loại tiền mới này tất nhiên sẽ giúp cho thuộc địa châu Mỹ thoát ly khỏi sự khống chế của Ngân hàng Anh. Các ngân hàng Anh tỏ ra phẫn nộ và bắt tay nhau hành động. Dưới sự khống chế của các nhà tài phiệt ngân hàng, vào năm 1764, Nghị viện Anh thông qua *Đạo luật tiền tệ* (Currency Act), theo đó, Nghị viện nghiêm cấm các bang trong thuộc địa châu Mỹ in ấn và phát hành tiền giấy của riêng

³⁰ Adam Smith, *Của cải của các quốc gia* (Wealth of Nations), 1776.

³¹ Charles G. Binderup, *How Benjamin Franklin Made New England Prosperous*, 1941.

mình, đồng thời yêu cầu Chính phủ các nơi này phải sử dụng toàn bộ vàng và bạc để đóng những khoản thuế cho Chính phủ Anh. Franklin nhận xét một cách đau đớn về hậu quả kinh tế nghiêm trọng do đạo luật này mang lại cho các bang ở xứ thuộc địa như sau: “Chỉ trong một năm, tình hình thuộc địa đã hoàn toàn đảo ngược, thời kỳ phồn thịnh kết thúc, kinh tế suy thoái nghiêm trọng đến mức từ đường phố cho đến bến cảng đều tràn ngập những đám người thất nghiệp.”

Nếu như Ngân hàng Anh không tước đoạt quyền phát hành tiền tệ của xứ thuộc địa thì người dân sẽ vui vẻ đóng các khoản thuế trà và các sản phẩm khác. Đạo luật này gây nên tình trạng thất nghiệp và sự bất mãn. Xứ thuộc địa không thể phát hành được tiền tệ của mình, từ đó sẽ vĩnh viễn không thể thoát khỏi sự khống chế của Vua George III và Ngân hàng Thế giới. Và nó trở thành nguyên nhân chủ yếu gây ra cuộc chiến tranh độc lập ở Mỹ.

Những người đặt nền móng xây dựng nên Hợp chúng quốc Hoa Kỳ nhận thức được sự khống chế của Ngân hàng Anh đối với nền chính trị Anh cũng như sự bất công đối với người dân. Người hoàn thành bản *Tuyên ngôn Độc lập Mỹ* nổi tiếng khi chỉ mới 33 tuổi chính là Thomas Jefferson – Tổng thống thứ ba của nước Mỹ – với một câu cảnh báo người đời rằng:

“Nếu cuối cùng người dân Mỹ để cho ngân hàng tư nhân khống chế sự phát hành tiền tệ của quốc gia thì những ngân hàng này trước hết sẽ thông qua việc tăng lạm phát tiền tệ, sau đó là thắt chặt tiền tệ để tước đoạt tài sản của người dân, cho đến một ngày, khi con cái của họ thức tỉnh, thì họ đã mất đi nhà cửa vườn tược của mình và mảnh đất mà cha ông họ từng khấn hoang khai phá.”³²

³² Năm 1787, Quốc hội Hoa Kỳ họp để thông qua việc thay thế Điều khoản Liên bang bằng Hiến pháp.

Sau hơn 200 năm khi lắng nghe câu nói này của Jefferson năm 1791, người ta vẫn không khỏi kinh ngạc trước sự chính xác đến rợn người trong phát ngôn đó. Ngày nay, quả nhiên các ngân hàng tư nhân đã phát hành hơn 97% lượng tiền của Mỹ người dân Mỹ cũng mắc nợ ngân hàng với khoản tiền lên đến con số 44.000 tỉ đô-la Mỹ. Và có lẽ, một ngày nào đó khi tỉnh dậy, họ sẽ thấy rằng mình đã mất đi nhà cửa vườn tược và tài sản, giống như những gì từng xảy ra vào năm 1929.

Khi xem xét kỹ lịch sử và tương lai, những người dẫn đường vĩ đại của Hoa Kỳ đã viết ra một cách rõ ràng trong mục 8 chương 1 *Hiến pháp* của nước Mỹ rằng: “Quốc hội có quyền in và quy định giá trị của đồng tiền quốc gia.”

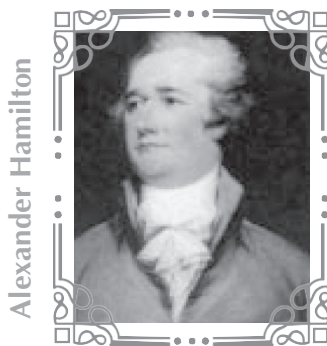
CHIẾN DỊCH THỨ NHẤT NGÂN HÀNG QUỐC TẾ: NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN CỦA HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ (1791 - 1811)



Tôi tin chắc rằng, sự đe dọa của tổ chức ngân hàng với tự do của chúng ta còn nghiêm trọng hơn uy lực quân sự của kẻ thù. Họ đã tạo ra một tầng lớp quý tộc rủng rỉnh tiền bạc và coi thường Chính Phủ. Quyền phát hành tiền tệ phải được đoạt lại từ tay ngân hàng, nó phải thuộc về những người chủ thực sự của nó – nhân dân



THOMAS JEFFERSON – Năm 1802



Alexander Hamilton là một nhân vật có tầm ảnh hưởng quan trọng và có mối quan hệ mật thiết với gia tộc Rothschild. Sinh ra ở quần đảo Tây Ấn Độ thuộc Anh, giấu kín tên tuổi, danh tính và nơi xuất thân, Hamilton đến Mỹ và sau đó kết hôn với con gái một gia đình giàu có ở New York. Và theo những biên lai chuyển khoản còn lưu trữ ở Bảo tàng Anh, chúng ta có thể thấy rằng, Hamilton từng tiếp nhận sự trợ giúp của dòng họ Rothschild.³³

³³ Allan Hamilton, *The Intimate Life of Alexander Hamilton*, Charles Scribner's Sons, 1910.

Năm 1789, Hamilton được Tổng thống Washington bổ nhiệm làm Bộ trưởng thứ nhất Bộ Tài chính, chịu trách nhiệm về hệ thống ngân hàng trung ương Mỹ. Năm 1790, đối mặt với những khó khăn kinh tế và khủng hoảng nợ nần sau cuộc chiến tranh độc lập, Hamilton kiên quyết đề nghị Quốc hội thành lập một ngân hàng trung ương tư nhân kiểu như Ngân hàng Anh để phụ trách hoàn toàn việc phát hành tiền tệ. Theo lập luận của ông ta, với trụ sở đặt tại Philadelphia, Ngân hàng trung ương tư nhân sẽ cho xây dựng chi nhánh của mình tại các nơi, tiền và nguồn thuế của Chính phủ cần phải đặt trong hệ thống của ngân hàng này. Ngân hàng trung ương phụ trách việc phát hành tiền tệ quốc gia đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, cho vay và thu lợi nhuận từ Chính phủ Mỹ. Giá trị của ngân hàng này là 10 triệu đô-la Mỹ, trong đó tư nhân nắm giữ 80% cổ phần, 20% còn lại thuộc về Chính phủ Mỹ. Cổ đông bầu ra 20 người trong số 25 người của Hội đồng quản trị, 5 người còn lại do Chính phủ bổ nhiệm.

Hamilton đại diện cho lợi ích của giai cấp thống trị tinh anh Hoa Kỳ. Ông từng chỉ ra rằng, “Mọi xã hội đều phân chia thành đa số và thiểu số. Thiểu số xuất thân từ các gia đình danh gia vọng tộc, còn đa số chính là dân đen. Trước những rối loạn và biến động, nhóm đa số thường rất ít khả năng đưa ra sự phán đoán và quyết định chính xác.”

Jefferson đại diện cho lợi ích của nhân dân. Đối với quan điểm của Hamilton, câu trả lời của ông là: “Chúng tôi cho rằng chân lý sau đây là không cần phải chứng minh: Mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng, tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể tước đoạt, trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”

Liên quan đến vấn đề chế độ ngân hàng trung ương tư nhân, cả hai bên đều chĩa mũi nhọn công kích vào nhau.

Hamilton cho rằng “Nếu như không đem lợi ích và của cải của những cá nhân có tiền trong xã hội tập hợp lại với nhau thì xã hội này không thể thành công.”³⁴ “Trái phiếu quốc gia, nếu không phải là quá nhiều, thì cũng phải là hạnh phúc của quốc gia chúng ta.”

Jefferson phản pháo rằng “Sự đe dọa của một tổ chức ngân hàng đối với tự do của chúng ta còn nghiêm trọng hơn uy lực quân sự của kẻ thù.”³⁵ “Chúng ta vĩnh viễn không thể chấp nhận việc cho phép giai cấp cầm quyền tăng thêm nợ trên đầu trên cổ nhân dân.”³⁶

Tháng 12 năm 1791, Quốc hội tiến hành thảo luận, ngay lập tức phương án của Hamilton gây ra tranh luận gay gắt chưa từng có. Cuối cùng, phương án này được Thượng Nghị viện thông qua với đa số phiếu thuận, và nó cũng vượt qua ài Hạ Nghị viện với kết quả 39 phiếu thuận/20 phiếu chống. Lúc này, Tổng thống Washington đang trong tình trạng phải xử lý khủng hoảng nợ nghiêm trọng và bị đẩy vào thế phân vân cực độ. Ông hỏi ý kiến Jefferson và Madison – Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của Hoa Kỳ thời đó. Họ phân tích rõ ràng rằng, đề án này xung đột với Hiến pháp. Hiến pháp trao quyền cho Quốc hội phát hành tiền tệ, nhưng Quốc hội không được nhượng quyền phát hành tiền tệ cho bất cứ ngân hàng tư nhân nào. Hiển nhiên, những phân tích này tác động mạnh tới Tổng thống đến nỗi ông quyết tâm phủ quyết pháp lệnh này đến cùng.

Sau khi biết tin tức này, với cương vị Bộ trưởng Tài chính, Hamilton lập tức thuyết phục Washington rằng, nếu không thành lập ngân hàng trung ương để nhận sự đầu tư của nước ngoài đổ vào thì Chính phủ sẽ sụp đổ rất nhanh. Cuối cùng, những nguy cơ trước mắt đã áp đảo những suy nghĩ lâu dài cho tương lai. Ngày 25 tháng 2 năm 1792, Tổng thống Washington đặt bút ký trao quyền thành

³⁴ Arthur Schlesinger con, *The Age of Jackson*, New York: Mentor Books, 1945.

³⁵ *Tuyển tập tác phẩm của Thomas Jefferson*, New York & Sons, 1899, tập X.

³⁶ *Tác phẩm của Thomas Jefferson*, Willey Book Company, 1944.

lập Ngân hàng Trung ương thứ nhất của Mỹ với thời gian hiệu lực trong 20 năm.³⁷

Các nhà tài phiệt ngân hàng quốc tế cuối cùng đã giành thắng lợi quan trọng. Đến năm 1811, tư bản ngoại quốc chiếm đến 7 triệu trong tổng số 10 triệu cổ phần gốc, Ngân hàng Anh và Nathan Rothschild trở thành cổ đông chủ yếu của Ngân hàng Trung ương Mỹ – Ngân hàng Thứ nhất của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ (The First Bank of the United States).

Hamilton trở nên vô cùng giàu có. Sau này, Ngân hàng Thứ nhất sáp nhập vào công ty Manhattan New York do Alan Bow thành lập để trở thành Ngân hàng Thứ nhất của Phố Wall. Năm 1955, nó sáp nhập với Chase Bank của Rockefeller và trở thành Ngân hàng Chase Manhattan Bank.

Việc Chính phủ tỏ rõ khát vọng cực độ đối với tiền tài hoàn toàn phù hợp với mong đợi của Ngân hàng Trung ương tư nhân – ngân hàng đang nóng lòng trông chờ Chính phủ vay nợ. Chỉ trong vòng năm năm ngắn ngủi kể từ khi Ngân hàng Trung ương thành lập (1791 - 1796), số nợ vay của Chính phủ Mỹ đã tăng thêm 8,2 triệu đô-la. Năm 1798, Jefferson đã nói một cách đầy hối tiếc rằng: “Tôi thật sự hy vọng chúng ta có thể sửa chữa, chỉnh sửa thêm cho bản Hiến pháp, loại bỏ quyền vay nợ của Chính phủ.”³⁸

Sau khi trúng cử Tổng thống khóa thứ ba (1801 - 1809), Jefferson đã nỗ lực không ngừng hòng phế bỏ Ngân hàng Thứ nhất của Mỹ, và đến khi hoạt động của ngân hàng sắp mãn hạn vào năm 1811 thì mâu thuẫn giữa Thượng Nghị viện và Hạ Nghị viện cũng đã lên đến mức cực điểm. Hạ Nghị viện phủ quyết đề án kéo dài thời hạn kinh

³⁷ Glyn Davies, *History of Money From Ancient Times to The Present Day*, University of Wales Press, 2002.

³⁸ Thomas Jefferson, *Thư gửi John Taylor* ngày 26/11/1798, in lại trong *Tuyển tập tác phẩm của Thomas Jefferson*, tập 10.

doanh của ngân hàng với 65 phiếu thuận và 64 phiếu chống, còn Thượng Nghị viện thì ở thế giằng co 17/17. Lần này, Phó Tổng thống đã phá vỡ thế bế tắc bằng một phiếu phủ quyết quan trọng và một quyết định thông qua ngày 3 tháng 3 năm 1811, theo đó, Ngân hàng Thứ nhất của Mỹ phải đóng cửa.³⁹

Lúc này, Nathan Rothschild đang trấn giữ ở London, khi hay tin đã nổi trận lôi đình. Ông đe dọa rằng: “Hoặc là ngân hàng (Ngân hàng Thứ nhất Mỹ) được quyền kéo dài thời hạn kinh doanh, hoặc là nước Mỹ sẽ phải đối mặt với một cuộc chiến tranh thảm họa nhất.” Nhưng đáp lại lời thách thức ấy của Nathan, Chính phủ Mỹ vẫn không hề đưa ra bất cứ hành động nào. Nathan lập tức đáp trả: “Hãy dạy cho những người Mỹ vô lý này một bài học, đưa chúng trở về thời kỳ thuộc địa.”

Kết quả là mấy tháng sau, cuộc chiến tranh năm 1812 giữa Anh và Mỹ nổ ra. Cuộc chiến kéo dài suốt 3 năm, và mục đích của Rothschild là hết sức rõ ràng. Dòng họ này phải đánh cho đến khi những khoản nợ của Chính phủ Mỹ chất cao như núi, và Chính phủ Mỹ rốt cuộc không thể không đầu hàng, phải nhượng bộ để gia tộc này tiếp tục chi phối ngân hàng trung ương. Kết quả là khoản nợ của Chính phủ Mỹ đã tăng vọt từ 45 triệu đô-la lên đến 127 triệu đô-la, để rồi cuối cùng, vào năm 1815, Chính phủ Mỹ cũng phải chịu khuất phục. Ngày 5 tháng 12 năm 1815, Tổng thống Madison đề xuất việc thành lập Ngân hàng Trung ương thứ hai. Kết quả là Ngân hàng Hoa Kỳ (The Bank of the United States) ra đời năm 1816 (1816 - 1832).

³⁹ Glyn Davis, *History of Money From Ancient Times to The Present Day*, University of Wales Press, 2002.

SỰ TRỞ LẠI CỦA NGÂN HÀNG QUỐC TẾ THỨ HAI (1816 - 1832)

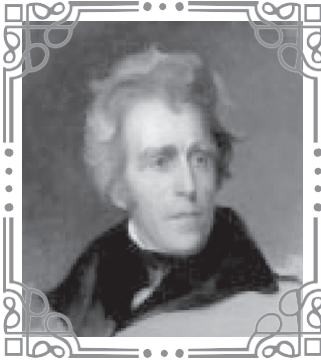


Sự chi phối của các cơ cấu ngân hàng đối với ý thức nhân dân tất yếu sẽ bị phá vỡ, nếu không thì sự chi phối này sẽ phá vỡ đất nước chúng ta⁴⁰



THƯ CỦA THOMAS JEFFERSON GỬI CHO MONROE

Năm 1815



Andrew Jackson Tổng thống thứ 7 của Hoa Kỳ

Ngân hàng Thứ hai của Mỹ được cấp phép kinh doanh từ những năm 20 với tổng số vốn lên đến 35 triệu đô-la Mỹ, trong đó 80% vốn tư nhân, 20% còn lại thuộc về Chính phủ.⁴¹ Và cũng giống như cơ cấu Ngân hàng Thứ nhất, Rothschild là người nắm giữ quyền lực của Ngân hàng Thứ hai.

Năm 1828, Andrew Jackson tham gia tranh cử Tổng thống. Trong một lần phát biểu trước các ngân hàng, ông không ngần ngại mà nói rằng: “Các ngài là một lũ rắn độc. Nhân danh Chúa, nhất định tôi sẽ quét sạch các ngài. Nếu như người dân biết sự khuất tất trong hệ thống tiền tệ và hệ thống ngân hàng của chúng tôi thì ngay trước sáng ngày mai sẽ nổ ra cuộc cách mạng.”

⁴⁰ Thomas Jefferson, *Thư gửi James Monroe*, 1/1/1815.

⁴¹ Glyn Davis, *History of Money From Ancient Times to The Present Day*, University of Wales Press, 2002.

Khi được bầu làm Tổng thống năm 1828, Andrew Jackson quyết tâm phế bỏ Ngân hàng Thứ hai. Ông chỉ ra rằng: “Nếu Hiến pháp quy định quyền phát hành tiền tệ thuộc về Quốc hội, hãy để Quốc hội thực thi quyền của mình và không được để quyền đó rơi vào tay bất cứ cá nhân hay công ty nào.” Trong tổng số 11.000 nhân viên đang làm việc cho Chính quyền liên bang, ông đã cho sa thải hơn 2.000 nhân viên có liên quan đến ngân hàng.

Năm 1832, Jackson tham gia tranh cử nhiệm kỳ thứ hai. Nếu ông thắng cử, thì thời gian hoạt động của Ngân hàng Thứ hai sẽ kết thúc trong nhiệm kỳ tiếp theo của ông vào năm 1836. Mọi người đều biết cảm tưởng của Tổng thống đối với Ngân hàng Thứ hai. Và để tránh tình trạng dè dặt lắm mồm, ngân hàng nghĩ đủ cách để có được giấy phép kinh doanh đặc biệt kéo dài thêm 20 năm nữa trước khi diễn ra cuộc bầu cử Tổng thống. Đồng thời với việc này, các ngân hàng cũng không tiếc chi ra khoản tiền 3 triệu đô-la để ủng hộ cho quỹ tranh cử của Henry Clay – đối thủ của Tổng thống Jackson – trong khi khẩu hiệu tranh cử của Jackson là “Có Jackson thì không có ngân hàng.” Cuối cùng, Jackson giành thắng lợi với số phiếu áp đảo.



Tranh mô phỏng vụ ám sát Tổng thống Andrew Jackson

Đề án kéo dài thời hạn giấy phép kinh doanh ngân hàng đã được thông qua tại Thượng Nghị viện với số phiếu 28/20, và vượt qua cửa Hạ Nghị viện với số phiếu 167/85. Ý vào sự hậu thuẫn của đế quốc tài chính Rothschild hùng mạnh ở châu Âu, Biddle – Chủ tịch Ngân hàng Thứ hai – chẳng coi Tổng thống ra gì. Trong khi thiên hạ bàn tán xôn xao rằng đề án kéo dài thời hạn kinh doanh của ngân hàng sẽ bị Jackson phủ quyết, Biddle đã lên giọng tuyên bố “Nếu ông ta phủ quyết đề án, thì tôi sẽ phủ quyết ông ta.”

Rốt cục, Jackson phủ quyết không chút do dự đối với đề án kéo dài thời hạn kinh doanh của Ngân hàng Thứ hai. Ông còn lệnh cho Bộ trưởng Tài chính lập tức yêu cầu các cơ quan dự trữ của Chính phủ rút ngay các khoản tiền tiết kiệm từ tài khoản của Ngân hàng Thứ hai, chuyển vào các tài khoản của ngân hàng ở các bang. Ngày 8 tháng 1 năm 1835, Tổng thống Jackson đã trả xong khoản nợ cuối cùng của đất nước. Đây là lần duy nhất trong lịch sử nước Mỹ, Chính phủ giảm khoản nợ quốc gia xuống mức 0, đồng thời còn tạo ra một khoản thặng dư trị giá 35 triệu đô-la Mỹ. Nhận xét về thành tựu vĩ đại này, các nhà sử học cho rằng: “Đây là thành công xán lạn nhất đồng thời cũng là sự cống hiến quan trọng nhất mà Tổng thống đã làm cho đất nước này.” Tờ *Boston Post* ví việc này với sự kiện Chúa đuổi người cho vay tiền ra khỏi thánh đường vậy.

"NGÂN HÀNG MUỐN GIẾT CHẾT TÔI, NHƯNG TÔI SẼ GIẾT CHẾT NGÂN HÀNG"

Ngày 30 tháng 1 năm 1835, Tổng thống Andrew Jackson đến Capital Hill tham dự tang lễ của một nghị sĩ Quốc hội. Với hai khẩu súng đã nạp đầy đạn giấu trong túi áo khoác, tay thợ sơn thất nghiệp đến từ Anh Richard Laurence lén theo Tổng thống Andrew Jackson. Khi Tổng thống tiến vào phòng nghi thức tang lễ, Laurence vẫn còn cách Tổng thống một khoảng khá xa. Hắn nhẫn nại chờ thời cơ tốt hơn để hành động. Nghi lễ kết thúc, hắn nấp vào giữa hai hàng cột, nơi mà hắn biết chắc chắn Tổng thống phải đi qua. Vừa đúng lúc Tổng thống bước đến, Laurence từ phía sau cột xông ra, chĩa súng vào Tổng thống và bóp cò. Nhưng rất may, viên đạn bị lép, vì thế Laurence không thể hạ sát Tổng thống. Khi đó, mọi người xung quanh đều hết sức hoảng hốt. Nhưng vị Tổng thống 67 tuổi này vẫn tỏ ra bình tĩnh đối mặt với tên sát thủ, và theo bản năng, ông đưa cây gậy lên để tự vệ. Liền đó, tên sát thủ tiếp tục móc khẩu súng thứ hai ra và bóp cò, nhưng đạn vẫn bị lép. Đây là Tổng thống đầu tiên của Mỹ bị ám sát, và thật may mắn là ông đã thoát chết. Thông thường, tỉ lệ cả hai khẩu súng lép đạn chỉ là 1/125.000 mà thôi.

Tên sát nhân 32 tuổi này tự xưng là người thừa kế hợp pháp của Quốc vương Anh, và hắn cho rằng, Tổng thống Mỹ đã giết chết cha hắn, lại còn cự tuyệt để hắn sở hữu một khoản tiền lớn. Tại tòa án, chỉ sau 5 phút thẩm tra, thẩm phán đã phán quyết là tên sát nhân này mắc bệnh tâm thần, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hắn.

Từ đó về sau, bệnh tâm thần trở thành cái cớ thích hợp nhất để các sát thủ chạy tội.

Ngày 8 tháng 1 năm 1835, Tổng thống Jackson trả xong khoản nợ cuối cùng của đất nước. Cuối tháng Giêng, tức là ngày 30 tháng 1, xảy ra vụ ám sát Tổng thống. Liên quan đến tên hung thủ Richard Laurence, trong cuốn sách của mình, Griffin viết rằng: “Tên sát thủ này hoặc là bị bệnh tâm thần thật, hoặc là giả bệnh để hòng thoát khỏi sự trừng trị nghiêm minh của pháp luật. Sau này, hắn khua môi múa mép nói với người khác rằng hắn có mối quan hệ mật thiết với những người có quyền thế ở châu Âu, và người ta hứa với hắn rằng nếu có bị bắt thì sẽ được bảo vệ.”⁴²

Ngày 8 tháng 6 năm 1845, Tổng thống Jackson qua đời. Trên bia mộ của ông chỉ lưu lại một câu nói duy nhất, “Ta đã giết được ngân hàng.”

Ngân hàng Trung ương Mỹ lại một lần nữa bị vô hiệu hóa, dẫn đến sự trả đũa nghiêm khắc từ phía Anh. Nước Anh lập tức đình chỉ các khoản cho vay dành cho Mỹ, trong đó có chiêu tận thu lượng cung ứng tiền vàng của Mỹ. Dưới sự vận hành và điều khiển của gia tộc Rothschild, nền tài chính Anh khi đó có lượng lưu thông tiền vàng với quy mô lớn nhất. Thông qua các khoản tiền cho vay và sự vận hành của Ngân hàng Trung ương Mỹ, nền tài chính Anh khống chế hoàn toàn việc cung ứng tiền tệ của Mỹ.

Sau khi đơn xin kéo dài thời hạn của Ngân hàng Thứ hai bị Tổng thống phủ quyết, Chủ tịch Ngân hàng Thứ hai đã khởi động việc “phủ quyết” đối với Tổng thống. Ngân hàng Thứ hai tuyên bố lập tức thu hồi các khoản cho vay, đình chỉ tất cả các khoản vay mới. Các ngân hàng lớn ở châu Âu chủ yếu do dòng họ Rothschild thao túng cũng đồng thời khống chế vòng quay lưu chuyển tiền tệ của Mỹ, đẩy nước này rơi vào tình thế sụt giảm lượng lưu thông tiền tệ

⁴² G. Edward Griffi, *Những âm mưu từ đảo Jekyll* (The Creature from Jekyll Island), American Media, Westlake Village, 2002.

“do con người gây ra” đột ngột, dẫn đến cuộc khủng hoảng năm 1837, kinh tế Mỹ rơi vào tình trạng suy thoái nghiêm trọng trong suốt hơn 5 năm với sức phá hoại lớn chưa từng thấy, tạo nên một thời kỳ điêu tàn và kéo dài mãi đến năm 1929.

Cuộc khủng hoảng năm 1857 tiếp sau cuộc khủng hoảng năm 1837, rồi cuộc khủng hoảng năm 1907 một lần nữa đã xác nhận câu nói của Rothschild: “Chỉ cần khống chế việc phát hành tiền tệ của một quốc gia thì tôi không cần phải quan tâm rằng ai là kẻ đã đặt ra pháp luật.”



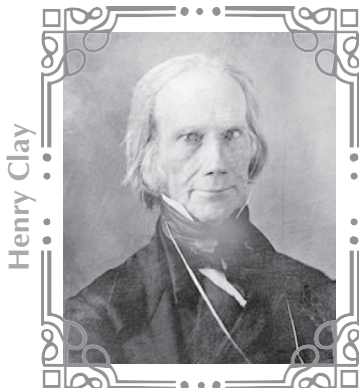
CHIẾN TUYẾN MỚI: HỆ THỐNG TÀI CHÍNH ĐỘC LẬP

Năm 1837, Martin Van Buren – người kế nhiệm được Tổng thống Jackson ủng hộ – tiếp quản Nhà Trắng. Thách thức lớn nhất của Buren là làm thế nào để khắc phục nguy cơ khủng hoảng nghiêm trọng do nguồn cung ứng tiền bị ngân hàng quốc tế thắt chặt. Sách lược tiên phong của ông là xây dựng *Hệ thống Tài chính Độc lập* (Independent Treasury System), rút toàn bộ tiền tệ do Bộ Tài chính kiểm soát khỏi hệ thống ngân hàng tư nhân, rồi gửi vào hệ thống của mình ở Bộ Tài chính. Các nhà sử học gọi hành động này là “cuộc ly hôn giữa tài chính và ngân hàng”.

Khởi nguồn của hệ thống tài chính độc lập là khi Tổng thống Jackson phủ quyết việc kéo dài thời hạn kinh doanh của Ngân hàng Thứ hai, đồng thời ra lệnh rút toàn bộ các khoản tiền của Chính phủ khỏi hệ thống ngân hàng này, chuyển đến gửi ở ngân hàng của các bang. Ai ngờ, các nhà ngân hàng dùng tiền của Chính phủ làm dự trữ, sau đó phát hành tín dụng với số lượng lớn để đầu cơ. Đây là một nguyên nhân khác dẫn đến cuộc khủng hoảng năm 1837. Nguồn tiền của Chính phủ do Martin Van Buren đề xuất phải làm sao được giải phóng khỏi hệ thống tài chính nhằm bảo vệ tiền vốn của Chính phủ, đồng thời cân nhắc khả năng ngân hàng dùng tiền thuế của người dân để phát hành tín dụng với số lượng lớn tạo nên sự mất cân bằng trong nền kinh tế.

Một đặc điểm khác của hệ thống tài chính độc lập là tất cả các khoản tiền nhập vào hệ thống tài chính cần phải thể hiện dưới dạng vàng bạc. Như vậy, Chính phủ đã có một điểm tựa để điều tiết lượng cung ứng tiền vàng của quốc gia, khống chế cuộc xung đột giữa ngân hàng châu Âu với việc phát hành tiền tệ của Mỹ. Cách suy nghĩ này có thể nói là một diệu kế nếu nhìn từ góc độ lâu dài, nhưng nếu xét về ngắn hạn thì lại có thể châm ngòi nổ cho quả bom rủi ro tín dụng

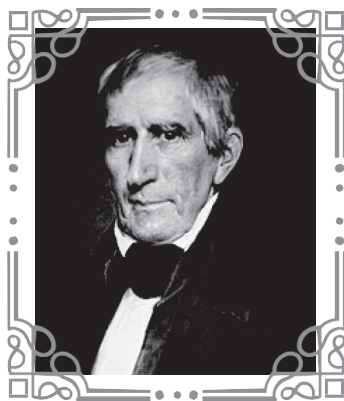
của rất nhiều các ngân hàng, chẳng khác nào đổ thêm dầu vào lửa trong cuộc xung đột với Ngân hàng Thứ hai, và khủng hoảng sẽ xảy ra đến mức không thể khống chế được.



Henry Clay

Trong quá trình này, Henry Clay là một nhân vật hết sức quan trọng. Ông là người kế thừa quan trọng những ý tưởng thành lập ngân hàng trung ương tư nhân của Hamilton và là nhân vật được các nhà ngân hàng mến mộ. Ông có tài ăn nói, lối suy nghĩ chặt chẽ và có sức lôi cuốn. Ông tập hợp bên mình một nhóm các nghị sĩ ủng hộ ngân hàng và được các ngân

hàng ủng hộ. Ông thành lập Đảng Whig (tiền thân của Đảng tự do Anh) – kiên quyết phản đối chính sách ngân hàng của Tổng thống Jackson – và dồn sức vào việc khôi phục lại chế độ Ngân hàng trung ương tư hữu.



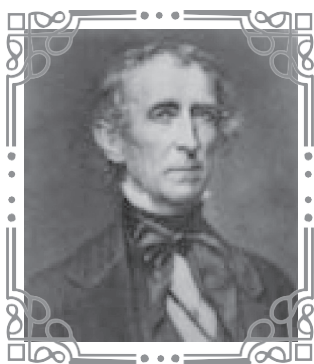
William Henry Harrison
Tổng thống thứ 9 của Hoa Kỳ

Trong cuộc tranh cử Tổng thống năm 1840, Đảng Whig đề cử vị anh hùng chiến tranh William Henry Harrison. Do trong suy nghĩ của người dân có sự thay đổi về nguy cơ kinh tế, nên Harrison dễ dàng giành thắng lợi và trở thành Tổng thống thứ 9 của nước Mỹ.

Với vai trò thủ lĩnh của Đảng Whig, Henry Clay nhiều lần “chỉ đạo” Harrison phải điều hành

nền chính trị như thế nào. Sau khi Harrison lên làm Tổng thống, mâu thuẫn giữa hai người ngày càng trở nên gay gắt. Henry Clay

triệu kiến “Tổng thống sắp nhậm chức” đến nhà mình ở Lexington. Vì nghĩ đến đại cuộc nên Harrison nhấn nhin đến nhà Henry Clay, nhưng vì vấn đề ngân hàng quốc gia, chế độ tài chính độc lập và nhiều vấn đề khác nữa mà hai người đã gây gổ với nhau. Nguyên nhân là vì Henry Clay cho rằng ông ta có thể lấy thân phận “Thái thượng hoàng” của mình để ra lệnh. Dù chưa được sự đồng ý của Harrison nhưng ông ta đã cho người chấp bút viết bài diễn văn nhậm chức thay Tổng thống và bị Harrison từ chối. Sau đó, Harrison còn đích thân viết một vài diễn văn nhậm chức dài hơn 8.000 từ. Văn kiện tóm lược lại đường lối tư tưởng trị nước của Harrison đã phản bác lại luận điệu ngân hàng trung ương tư nhân và phế bỏ đường lối chính sách tài chính độc lập do Henry Clay chủ trương, tạo nên một cú đánh thấu xương đối với lợi ích của ngân hàng.⁴³



**John Tyler Tổng thống
thứ 10 của Hoa Kỳ**

Ngày 4 tháng 3 năm 1841 là một ngày rét mướt. Tổng thống Harrison đọc bài diễn văn nhậm chức của mình trong gió rét, và sau đó bị cảm lạnh. Đối với Tổng thống Harrison, người một đời xông pha nơi trận mạc thì chuyện này cũng chẳng có gì lớn lao, nào ngờ bệnh tình của ông ngày càng trở nên trầm trọng khác thường, và đến ngày 4 tháng 4 thì Tổng người dân có sự thay đổi về nguy cơ kinh tế, nên Harrison dễ dàng giành thắng lợi và trở thành Tổng thống đã từ trần. Vị Tổng thống minh mẫn hoạt bát vừa mới lên nhậm chức và đang chuẩn bị triển khai rất nhiều dự định lớn lao thì bỗng nhiên “đột tử”. Dù thế nào thì đó cũng là một việc hết sức đáng ngờ. Một số nhà sử học cho rằng Tổng thống đã bị đầu độc, có thể thời gian hạ độc là vào ngày 30 tháng 3, và sau 6 ngày thì Tổng thống Harrison từ trần.

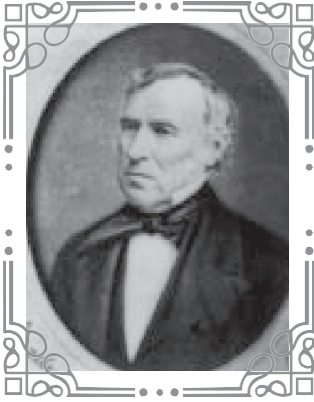
⁴³ Diễn văn khai mạc của Tổng thống William Henry Harrison, 4/3/1841.

Mâu thuẫn giữa ngân hàng trung ương tư nhân và hệ thống tài chính độc lập càng trở nên căng thẳng hơn kể từ sau cái chết của Tổng thống Harrison. Trong năm 1841, Đảng Whig do Henry Clay chủ trì hai lần đề xuất phải khôi phục lại ngân hàng trung ương tư nhân và phế bỏ chế độ tài chính độc lập. Kết quả cả hai lần đều bị người kế nhiệm của Tổng thống Harrison là Phó Tổng thống John Tyler phủ quyết. Henry Clay tức giận và xấu hổ, liền ra lệnh khai trừ John Tyler ra khỏi Đảng Whig. Kết quả là Tổng thống John Tyler “may mắn” trở thành vị Tổng thống “mồ côi” duy nhất trong lịch sử nước Mỹ bị khai trừ ra khỏi Đảng.

Đến năm 1849, sau khi trúng cử tổng thống, Zachary Taylor – một nhân vật khác của Đảng Whig – khôi phục lại hy vọng của ngân hàng trung ương. Việc xây dựng một ngân hàng trung ương tư nhân theo mô hình của Ngân hàng Anh là mơ ước cao nhất của các ngân hàng, và nó có nghĩa rằng, cuối cùng thì ngân hàng cũng quyết định được số phận của quốc gia và nhân dân. Nhìn vào vết xe đổ trước đó của Tổng thống Harrison, Taylor luôn tỏ ra hững hờ với vấn đề ngân hàng trung ương hết sức quan trọng này, tuy nhiên, ông cũng không cam tâm trở thành con rối trong tay Henry Clay. Nhà sử học Michael Holt cho rằng, Tổng thống Taylor từng ngầm bày tỏ như thế này: “Chủ ý xây dựng ngân hàng trung ương đã được định đoạt, và đó không phải là vấn đề cần tôi xem xét trong nhiệm kỳ của mình.”⁴⁴ Kết quả là, “cái đã được định đoạt” ở đây không phải là sự chú ý của ngân hàng trung ương mà nhắm vào bản thân Tổng thống Taylor.

Ngày 4 tháng 7 năm 1850, Tổng thống Taylor tham dự lễ Quốc khánh, cử hành trước đài tưởng niệm Washington. Thời tiết hôm đó hết sức oi bức, Taylor uống một chút sữa đá và ăn thêm mấy quả anh

⁴⁴ Michael F. Holt, *The Rise and Fall of the American Whig Party: Jacksonian Politics and the Onset of the Civil War*, 1999.



Zachary Taylor Tổng
thống thứ 12 của Hoa kỳ

đào, kết quả là ông bị đau bụng. Đến ngày 9 tháng 7, vị Tổng thống khôì ngô vạm vỡ này cũng ra đi một cách thần bí.

Sự kiện đột tử thần bí vì những căn bệnh chẳng đầu vào đầu của cả hai vị Tổng thống có xuất thân từ quân nhân này đương nhiên gây xôn xao dư luận. Còn giới sử học thì tranh luận về đề tài này trong hàng thế kỷ.

Năm 1991, sau khi có sự đồng ý của người nhà Tổng thống Taylor, thi thể của ông được khai quật lên. Người ta lấy mẫu móng tay và tóc của Tổng thống đi xét nghiệm. Kết quả cho thấy, ông chết vì bị đầu độc. Đương nhiên, cơ quan điều tra nhanh chóng lấp liếm rằng, lượng đầu độc rất nhỏ không đủ để gây chết người, sau đó vội vàng kết thúc vụ điều tra. Cho đến ngày nay, chẳng ai biết tại sao cơ thể Tổng thống lại có những thứ độc tố đó.

NGÂN HÀNG QUỐC TẾ RA TAY TẠO NÊN CUỘC KHỦNG HOẢNG NĂM 1857

Do Ngân hàng Thứ hai của Mỹ đóng cửa năm 1836 nên các nhà tài phiệt ngân hàng quốc tế đột ngột ra tay rút sạch toàn bộ lượng tiền tệ kim loại đang lưu thông ở Mỹ, gây ra cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng diễn ra liên tục trong 5 năm ở quốc gia này. Mặc dù năm 1841, đại diện của các nhà tài phiệt ngân hàng quốc tế đã hai lần thử khôi phục lại hệ thống ngân hàng trung ương tư nhân, nhưng cả hai lần đều thất bại, mối quan hệ giữa hai bên rơi vào trạng thái đóng băng, tình trạng siết chặt tiền tệ của Mỹ kéo dài mãi đến năm 1848 mới bắt đầu được giải tỏa.

Nguyên nhân khiến cho tình hình chuyển biến tích cực tất nhiên không phải do các nhà tài phiệt ngân hàng quốc tế quá nhẹ tay mà là do vào năm 1848, nước Mỹ đã phát hiện mỏ vàng rất lớn: mỏ vàng San Francisco.

Lượng cung ứng vàng của Mỹ liên tục trong 9 năm kể từ năm 1848 tăng vọt chưa từng thấy. Chỉ riêng California đã sản xuất ra một lượng tiền vàng trị giá đến 5 tỉ đô-la Mỹ. Năm 1851, một mỏ vàng có trữ lượng lớn cũng được phát hiện ở Úc. Lượng cung ứng vàng trên phạm vi thế giới từ 144 triệu si-ling⁴⁵ vào năm 1851 tăng vọt lên 376 triệu si-ling trong năm 1861. Và lưu lượng tiền thuộc kim nội địa của Mỹ từ 83 triệu đô-la trong năm 1840 tăng vọt lên 253 triệu đô-la trong năm 1860.⁴⁶

Việc phát hiện những mỏ vàng lớn ở Mỹ và Úc phá vỡ sự khống chế tuyệt đối của các nhà tài chính châu Âu đối với lượng cung ứng vàng thế giới. Chính phủ Mỹ thở phào nhẹ nhõm vì thoát được cảnh phải bị siết chặt về tiền tệ.

⁴⁵ Si-ling (shilling): đồng tiền Anh có giá trị bằng 1/12 đồng bảng Anh.

⁴⁶ Glyn Davies, *History of Money From Ancient Times to The Present Day*, University of Wales Press, 2002.

Việc cung ứng tiền tệ với chất lượng tốt với số lượng lớn làm tăng niềm tin cho thị trường, các ngân hàng bắt đầu bành trướng hoạt động tín dụng trên quy mô lớn. Cơ sở quan trọng nhất trong tài sản của nước Mỹ là rất nhiều ngành công nghiệp quan trọng của Mỹ như khoáng sản, giao thông, cơ giới đều được khôi phục nhanh chóng trong giai đoạn hoàng kim này.

Thấy việc khống chế tài chính tỏ ra không còn hiệu quả, các nhà tài phiệt ngân hàng quốc tế tung ra đối sách mới. Đó chính là chính sách khống chế tài chính và phân hóa chính trị.

Trước khi cuộc khủng hoảng kết thúc, các nhà tài phiệt ngân hàng đã bắt đầu ra tay thu mua của cải quý giá của dân chúng với giá rẻ mạt. Đến năm 1853, khi nền kinh tế Mỹ phát lên như điều gặp gió thì tư bản nước ngoài, đặc biệt là tư bản Anh đã sở hữu 46% trong tổng số công trái liên bang, 58% tổng công trái các bang, 26% tổng công trái ngành đường sắt Mỹ.^[29] Như vậy, một khi chế độ ngân hàng trung ương yên vị thì nền kinh tế Mỹ cũng sẽ bị các nhà tài phiệt ngân hàng khống chế giống như các quốc gia châu Âu khác.

Các nhà tài phiệt ngân hàng quốc tế mở rộng hoạt động tín dụng, giúp nền kinh tế phát triển với tốc độ như bom bong bóng để người dân và các doanh nghiệp khác ra sức tạo của cải, sau đó đập gấp phanh tín dụng, khiến cho hầu hết các doanh nghiệp và người dân lâm vào cảnh phá sản, còn các ngân hàng lại có một phen bội thu. Quả nhiên, mùa thu hoạch đã đến, các nhà tài phiệt ngân hàng quốc tế và các đại diện của họ ở Mỹ đã quơ tay siết chặt tín dụng, gây ra cuộc khủng hoảng năm 1857. Nhưng điều vượt ra ngoài dự kiến của họ là, thực lực của nền kinh tế Mỹ lúc này không còn như 20 năm trước nữa, cuộc khủng hoảng năm 1857 không thể làm chấn thương trầm trọng nền kinh tế Mỹ một lần nữa, mà nó chỉ kéo dài trong 1 năm thì nước Mỹ đã dập tắt được khủng hoảng.

Khi thấy thực lực của nước Mỹ ngày càng mạnh, tài chính ngày càng khó bị khống chế, các nhà tài phiệt ngân hàng quốc tế đặt ra nhiệm vụ trọng tâm cho mình: kích động nội chiến và chia cắt nước Mỹ.

KHỞI NGUỒN CUỘC NỘI CHIẾN MỸ: THẾ LỰC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ CHÂU ÂU



Không còn nghi ngờ gì nữa, cuộc nội chiến chia tách nước Mỹ làm hai nửa liên bang có thực lực tương đối yếu đã được các thế lực tài chính châu Âu hoạch định từ rất sớm



BISMARCK - THỦ TƯỚNG ĐỨC

Lịch sử phát triển của nước Mỹ gắn liền với sự can thiệp và âm mưu của các thế lực quốc tế. Điều khiến người ta kinh ngạc nhất chính là sự thâm nhập và lật đổ của các thế lực tài chính quốc tế đối với nước Mỹ. Tuy nhiên, đây cũng chính là những điều ít được biết đến nhất.

Cuộc chiến tranh có quy mô lớn nhất xảy ra trên chính lãnh thổ của mình trong lịch sử nước Mỹ chắc chắn thuộc về cuộc nội chiến Nam - Bắc. Cuộc đổ máu kéo dài suốt 4 năm này đã lôi kéo 3 triệu người tham gia, chiếm 10% nhân khẩu nước Mỹ, 600 nghìn người tử trận, vô số người tàn phế, một lượng của cải khổng lồ bị hủy hoại trong khói lửa chiến tranh, vết thương mà cuộc chiến này để lại cho người dân đến nay sau hơn 140 năm vẫn chưa hoàn toàn khôi phục.

Ngày nay, những tranh luận liên quan đến nguyên nhân cuộc nội chiến Nam - Bắc phần lớn xoay quanh vấn đề đạo lý của cuộc chiến, tức là loại bỏ sự hiện hữu của chế độ nô lệ, đúng như Sydney E. Ahlstrom nói: “Nếu không có chế độ nô lệ thì sẽ không có chiến

tranh. Nếu không có sự lên án đạo đức đối với chế độ nô lệ thì sẽ không có chiến tranh.”⁴⁷

Nhưng thực tế, liên quan đến chế độ nô lệ tại Mỹ trong thế kỷ XIX, lợi ích kinh tế được xếp hàng thứ nhất, trong khi vấn đề đạo đức lại đứng hàng thứ hai. Trụ cột kinh tế miền Nam thời đó chính là nền sản xuất bông dệt vải và chế độ nô lệ, và nếu như phế bỏ chế độ nô lệ thì các chủ trang trại buộc phải trả công cho những người nô lệ theo giá trị trường công lao động của người da trắng, và như vậy, toàn bộ sản nghiệp sẽ chịu hao tổn, kết cấu kinh tế xã hội sẽ sụp đổ.

Nếu nói chiến tranh là sự kế tục của đấu tranh chính trị thì phía sau xung đột lợi ích chính trị chính là sự tính toán lợi ích kinh tế. Trên bề mặt của sự toan tính này nổi lên sự khác biệt về lợi ích kinh tế giữa hai miền Nam - Bắc, nhưng bản chất của nó vẫn là sách lược chơi trò “chia để trị” của các thế lực tài chính quốc tế.

Bismarck – Thủ tướng Đức, người có dây mơ rễ má với dòng họ Rothschild – nói rất chính xác rằng: “Không còn nghi ngờ gì nữa, cuộc nội chiến chia tách nước Mỹ làm hai nửa liên bang có thực lực tương đối yếu đã được các thế lực tài chính châu Âu hoạch định từ rất sớm.”

Thực chất, chính các nhà ngân hàng trực London - Paris - Frankfurt là những kẻ ném đá giấu tay sau cuộc chiến Nam - Bắc của Mỹ.

Để kích động cuộc nội chiến tại Mỹ, các nhà ngân hàng quốc tế đã tiến hành việc hoạch định lâu dài, cẩn trọng và chu toàn. Sau chiến tranh độc lập của Mỹ, nền công nghiệp dệt của nước Anh và các tầng lớp chủ nô ở miền Nam nước Mỹ dần dần xây dựng mối quan hệ làm ăn mật thiết với nhau. Các nhà tài chính châu Âu nắm ngay lấy cơ hội này, thừa cơ bí mật phát triển một mạng lưới các

⁴⁷ Sydney E. Ahlstrom, *A Religious History of the American People*, Yale University Press, 1972.

nhân vật chủ chốt có thể kích động cuộc xung đột Nam - Bắc trong tương lai. Ở miền Nam thời đó, các đại diện đủ kiểu của các nhà tài chính Anh hiện diện khắp nơi, và cùng với các thế lực chính trị bản địa, họ tham gia hoạch định các âm mưu, tạo ra đủ mọi loại tin tức cũng như dư luận hòng tách khỏi liên bang. Họ khéo léo lợi dụng sự xung đột lợi ích kinh tế về vấn đề chế độ nô lệ ở hai miền Nam - Bắc, không ngừng tạo ra căng thẳng, xung đột và làm cho vấn đề thêm trầm trọng so với bản chất. Cuối cùng, họ đã thành công trong việc đẩy vấn đề chế độ nô lệ thành mâu thuẫn gay gắt không thể dung hòa như nước với lửa giữa hai miền.

Các ngân hàng quốc tế đã chuẩn bị sẵn sàng, chỉ còn chờ chiến tranh nổ ra là có thể vơ vét được những món lợi lớn. Trong quá trình kích động chiến tranh, chiêu thức mà họ quen dùng là “bắt cá hai tay”, bất kể ai là kẻ chiến thắng. Những khoản nợ kêch xù của Chính phủ phải chi cho chiến tranh đều là bữa tiệc thịnh soạn nhất của các ngân hàng.

Mùa thu năm 1859, trong vai một người du lịch, nhà tài phiệt ngân hàng nổi tiếng nước Pháp – Salomon Mayer Rothschild từ Paris đến Mỹ. Ông là người điều phối chung mọi kế hoạch vốn có, đi lại giữa hai miền Nam - Bắc, tiếp xúc với các nhân vật quan trọng trong giới chính trị và tài chính Mỹ, đem mọi thông tin tình báo thu thập được chuyển về cho Nathan Mayer Rothschild đang trấn giữ ở London. Trong cuộc hội đàm với các giới chức miền Nam, ông công khai tuyên bố sẽ nỗ lực chi viện cho miền Nam về mặt tài chính, đồng thời bày tỏ sẽ tận lực giúp miền Nam độc lập nhằm có được sự thừa nhận của các quốc gia lớn ở châu Âu.⁴⁸

Đại diện ở miền Bắc của Ngân hàng quốc tế là August Belmont – một nhân vật hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng gốc Do Thái

⁴⁸ *Jewish History in Civil War*, Jewish-American History Documentation Foundation Inc, 2006.

được mệnh danh là “Vua của Đại lộ thứ năm” ở New York. Ông là đại diện của Ngân hàng Rothschild Frankfurt, cũng là người có quan hệ thân thích với dòng họ này. Năm 1829, khi mới 15 tuổi, August đã bắt đầu kiếm sống trong lĩnh vực ngân hàng. Ông làm việc cho Ngân hàng Rothschild ở Frankfurt, đồng thời sớm bộc lộ khả năng tài chính thiên phú của mình. Ông tinh thông các ngoại ngữ Đức, Anh, Pháp, Ý. Năm 1837, ông được phái đến New York. Nhờ mua vào một lượng lớn trái phiếu Chính phủ, nên Belmont nhanh chóng trở thành nhân vật cấp cao của giới tài chính New York, và được Tổng thống tin nhiệm bổ nhiệm vào vị trí cố vấn tài chính. Ông đại diện cho ngân hàng Rothschild ở Anh và Frankfurt đồng thời bày tỏ ý muốn ủng hộ tài chính cho Tổng thống Lincoln ở miền Bắc.

Để tăng áp lực lớn hơn về mặt quân sự đối với quân miền Bắc, cuối năm 1861, nước Anh tăng thêm 8.000 binh lính đến Canada, sẵn sàng chuẩn bị ứng phó với sự tấn công của quân miền Nam đồng thời uy hiếp Chính phủ Lincoln ở biên giới phía Bắc. Năm 1862, liên quân Anh, Pháp và Tây Ban Nha đổ bộ vào cảng Mexico, hoàn thành đợt tập kết ở biên giới phía Nam nước Mỹ, khi cần thiết sẽ xâm nhập vào khu vực này và trực tiếp khai chiến với quân miền Bắc. Ngày 3 tháng 10 năm 1863, Yélet – vị tướng Pháp lại tăng thêm quân, và chiếm lĩnh thành phố Mexico.

Khi chiến tranh mới nổ ra, đội quân miền Nam đánh đâu thắng đó, các cánh quân châu Âu như quân Pháp đã mạnh lại càng mạnh hơn, Lincoln rơi vào tình thế cực kỳ khó khăn. Các ngân hàng đã tính toán chính xác sự trống rỗng trong ngân khố của Tổng thống Lincoln khi đó, và chẳng còn cơ hội nào tốt hơn để kiếm một khoản lợi kếch xù từ cuộc chiến tranh này. Kể từ khi cuộc chiến tranh với Anh kết thúc năm 1812, thu nhập ngân khố Mỹ thâm hụt nhiều năm liền, và đến trước khi Lincoln lên nắm quyền, mọi khoản thâm hụt của Chính phủ

Mỹ đều được đem bán cho ngân hàng dưới hình thức công trái, rồi ngân hàng lại chuyển tiếp cho Ngân hàng Rothschild ở Anh và Ngân hàng Paris (đây là một hình thức mua bán nợ Chính phủ). Như vậy, Chính phủ Mỹ phải chi trả lợi tức khá cao, và những khoản nợ tích lũy nhiều năm như thế này tạo ra gánh nặng nợ nần cho Chính phủ.

Các ngân hàng đề xuất một kế hoạch tài chính trọn gói và đưa ra điều kiện của mình. Khi nghe đến khoản lãi yêu cầu từ 24% đến 36% của các ngân hàng, Tổng thống Lincoln đã mời ngay các ngân hàng ra khỏi cửa trong cơn tức giận bầm gan tím mật. Đây là một chiêu độc nhằm đẩy Chính phủ Mỹ rơi vào cảnh phá sản hoàn toàn, và Lincoln biết rằng người dân Mỹ mãi mãi không thể trả hết khoản nợ hàng nghìn tỉ này.



CHÍNH SÁCH MỚI VỀ TIỀN TỆ CỦA LINCOLN

Không có tiền thì không thể tiến hành chiến tranh, mà nếu vay của ngân hàng quốc tế thì chẳng khác nào tự treo thòng lọng vào cổ. Lincoln nghĩ trăm phương ngàn kế tìm phương án giải quyết. Lúc đó, Dick Taylor – một người bạn cũ của ông ở Chicago – đề xuất với Lincoln một ý tưởng: Chính phủ tự phát hành tiền tệ!

“Việc yêu cầu Quốc hội thông qua đề án này cũng như vấn đề trao quyền cho Bộ Tài chính ấn hành tiền tệ sẽ có đầy đủ hiệu lực pháp luật nhằm giúp chi trả lương bổng cho binh sĩ, sau đó sẽ giúp ông giành thắng lợi trong cuộc chiến mà ông tiến hành.” Trả lời câu hỏi của Lincoln về việc liệu người dân Mỹ có tiếp nhận đồng tiền mới này hay không, Dick nói rằng: “Tất cả mọi người đều không có sự lựa chọn nào khác trong vấn đề này, chỉ cần ông tạo nên hiệu lực pháp lý đầy đủ cho loại tiền tệ mới, Chính phủ sẽ hoàn toàn ủng hộ, và chúng sẽ thông dụng giống như một loại tiền đích thực, bởi vì Hiến pháp trao cho Quốc hội quyền phát hành và quyền quy định giá trị tiền tệ.”

Sau khi nghe xong đề nghị này, Lincoln tỏ ra quá đỗi vui mừng, lập tức đề nghị Dick lập kế hoạch cho việc này. Biện pháp hết sức mới lạ này đã phá vỡ cách làm thường lệ của Chính phủ là đi vay và chịu lãi suất cao của ngân hàng tư nhân. Loại tiền mới này sử dụng hoa văn màu xanh lục để phân biệt với tiền của các ngân hàng khác và lịch sử gọi là “tiền xanh Lincoln”. Chỗ mới lạ đặc biệt của loại tiền mới này nằm ở chỗ nó hoàn toàn không được bảo đảm bằng vàng hay bạc, và lợi tức là 5% cho 20 năm.

Trong thời kỳ nội chiến, nhờ có sự phát hành của loại tiền này mà Mỹ khắc phục được tình trạng thiếu hụt tiền tệ nghiêm trọng của Chính phủ ngay trong giai đoạn đầu của cuộc chiến. Việc này đã huy động một cách hiệu quả nhất tất cả các nguồn vốn của miền

Bắc nước Mỹ, tạo nên một cơ sở kinh tế vững chắc cho chiến thắng cuối cùng trước quân miền Nam. Đồng thời, nhờ có giá thành thấp nên tiền xanh Lincoln đã trở thành nguồn vốn tích lũy của ngân hàng miền Bắc, tín dụng ngân hàng của miền Bắc cũng à được mở rộng, các ngành công nghiệp quốc phòng, xây dựng đường sắt, sản xuất nông nghiệp và mậu dịch thương nghiệp nhận được sự chi viện tài chính lớn chưa từng có.



Giấy bạc xanh thời Tổng thống Abraham Lincoln

Việc phát hiện những mỏ vàng lớn những năm 1848 giúp cho nền tài chính Mỹ dần dần thoát khỏi cục diện bất lợi và cực đoan do các ngân hàng châu Âu khống chế. Cũng chính nhờ vào sản lượng lớn của những mỏ vàng này nên loại tiền mới của Lincoln mới có thể được người dân tiếp nhận rộng rãi, đặt cơ sở tài chính đáng tin cậy cho việc giành thắng lợi trong cuộc chiến Nam - Bắc. Một điều nữa khiến người ta càng thêm kinh ngạc hơn là, tiền xanh Lincoln không hề gây ra lạm phát tiền tệ nghiêm trọng như trong thời kỳ diễn ra chiến tranh độc lập. Từ khi cuộc nội chiến nổ ra năm 1861 đến khi kết thúc năm 1865, chỉ số vật giá của toàn miền Bắc nước Mỹ chỉ tăng một cách nhẹ nhàng từ 100 lên 216. Xem xét quy mô và sự nghiêm trọng về mức độ phá hoại của cuộc nội chiến so với những cuộc chiến có quy mô tương tự khác trên thế giới, chúng ta không thể không nói rằng đây là một kỳ tích tài chính. Ngược lại, miền Nam

cũng dùng phương thức lưu thông tiền giấy, nhưng hiệu quả thì khác xa một trời một vực, chỉ số vật giá của miền Nam trong cùng một thời kỳ đã tăng từ 100 lên 2.776.⁴⁹

Trong suốt thời kỳ nội chiến Nam - Bắc, chính quyền Lincoln đã phát hành số tiền mới 450 triệu đô-la Mỹ. Nhờ cơ chế vận hành tốt, nên Tổng thống Lincoln xem xét nghiêm túc việc pháp chế hóa vấn đề phát hành loại tiền tệ không thể chấp này (Debt Free Money). Nhưng chính điều này như một đòn đau đánh vào lợi ích căn bản của các nhà tài phiệt quốc tế. Nếu như mọi Chính phủ đều không cần phải vay tiền của ngân hàng mà “thản nhiên” tự mình phát hành tiền tệ, thì sự lũng đoạn của các ngân hàng đối với việc phát hành tiền tệ sẽ không còn tồn tại nữa, như vậy không phải là ngân hàng đã trở mủ rồi sao?

Cũng vì thế mà ngay sau khi nghe được tin tức này, tờ London Times đại diện cho ngân hàng Anh ngay lập tức đăng tải tuyên bố:

Nếu như chính sách tài chính mới của Mỹ [tiền xanh Lincoln] khiến người ta chán ghét được thực thi vĩnh viễn, Chính phủ có thể phát hành không nguồn tiền tệ của mình. Chính phủ có thể hoàn trả hết mọi khoản nợ đồng thời sẽ thu được những khoản tiền cần thiết để phát triển thương nghiệp, sẽ biến thành một quốc gia phồn vinh chưa từng có trên thế giới. Nguồn nhân tài ưu tú và mọi tài nguyên vốn có trên thế giới này sẽ chảy dồn về Bắc Mỹ. Quốc gia này cần phải bị phá hủy, nếu không nó sẽ phá hủy từng quốc gia theo chế độ quân chủ trên thế giới.

Chính phủ Anh và Hiệp hội Ngân hàng New York đã bày tỏ sự phẫn nộ đòi hỏi phải thực hiện các hành động đáp trả. Ngày 28 tháng 12 năm 1861, họ tuyên bố đình chỉ chi trả bằng tiền kim loại cho Chính phủ Lincoln. Một số ngân hàng ở New York còn đình chỉ việc

⁴⁹ Glyn Davies, *History of Money From Ancient Times to The Present Day*, University of Wales Press, 2002.

rút vàng của những người gửi tiết kiệm bằng vàng, đồng thời tuyên bố hủy bỏ việc chấp nhận dùng vàng mua trái phiếu của Chính phủ. Các ngân hàng ở nhiều nơi trên nước Mỹ cũng rầm rộ hưởng ứng. Họ đến Washington đề xuất những phương án thay đổi về nguyên tắc đối với Tổng thống Lincoln, đòi thực hiện lại những cách làm trong quá khứ, đem những công trái có lợi tức cao bán cho các ngân hàng châu Âu, đem vàng của Chính phủ Mỹ gửi vào các ngân hàng tư nhân để dự trữ phát hành tín dụng. Chính phủ Mỹ trưng thu thuế của các ngành công nghiệp và người dân để chi trả cho chiến tranh.

Đương nhiên, Tổng thống Lincoln đã cự tuyệt yêu cầu hoàn toàn vô lý này của các ngân hàng. Chính sách của ông rất được lòng dân, người dân Mỹ nô nức mua hết toàn bộ công trái, và căn cứ vào pháp luật, các công trái này được sử dụng như là tiền mặt.

Các nhà tài phiệt ngân hàng thấy kế sách bất thành bèn nghĩ ra kế khác. Họ phát hiện ra rằng trong luật phát hành tiền xanh Lincoln của Quốc hội hoàn toàn không đề cập đến việc có nên dùng vàng để chi trả lãi tức công trái hay không. Vì vậy, họ cho phép dùng loại tiền mới của Lincoln để mua công trái, nhưng phần lợi tức phải được chi trả bằng tiền kim loại. Đây là một bước trong kế hoạch hoàn chỉnh nhằm gắn kết đồng tiền mới của Lincoln tại Mỹ với giá trị của vàng. Trong khi đó, các ngân hàng châu Âu tích lũy đồng bảng Anh nhiều hơn bất cứ đồng tiền nào thời đó và nhiều hơn so với tiền vàng của Mỹ. Sự thỏa hiệp giữa ngân hàng và Quốc hội Mỹ tạo cơ hội cho thế lực tài chính quốc tế lợi dụng khống chế tổng lượng xuất nhập khẩu vàng đối với nước này nhằm gián tiếp thao túng giá trị tiền tệ của Mỹ.

ĐỒNG MINH NGÀ CỦA LINCOLN



Khi các Quốc vương ở châu Âu đã chuẩn bị sẵn sàng để đem quân sang chia cắt nước Mỹ, Lincoln lập tức nhớ đến kẻ thù truyền kiếp của các Quốc vương châu Âu – nước Nga. Lincoln phái đặc sứ cầu cứu Sa hoàng Alexander Đệ nhị. Khi nhận thư của Lincoln, Sa hoàng không mở ra ngay mà nâng trên tay, rồi nói rằng: “Trước khi mở bức thư này hoặc biết nội dung của nó, chúng ta sẽ đồng ý trước với bất cứ yêu cầu nào mà bức thư đề xuất.”⁵⁰

Nguyên nhân Sa hoàng chuẩn bị quân sự tham gia vào cuộc nội chiến Mỹ có mấy mặt sau đây. Thứ nhất, đó là sự lo lắng “môi hở răng lạnh”, vì trong thời kỳ Alexander Đại đế trị vì, các thế lực tài chính quốc tế từng quét sạch châu Âu đã gõ cửa điện Kremlin. Học theo kinh nghiệm của các quốc gia tài chính tiên tiến ở châu Âu, các ngân hàng cương quyết yêu cầu thành lập ngân hàng trung ương tư hữu, và Sa hoàng sớm nhận ra chiêu độc trong việc này nên kiên quyết từ chối. Khi nhìn thấy Tổng thống Lincoln – một nhân vật phản đối các thế lực tài chính quốc tế – rơi vào tình cảnh nguy hiểm, Alexander Đệ nhị lo rằng, nếu không ra tay tương trợ, chẳng mấy chốc mối nguy ấy sẽ ập đến với chính mình. Một nguyên nhân khác là ngày 3 tháng 3 năm 1861 trước khi nổ ra cuộc nội chiến Nam - Bắc ở Mỹ, Alexander Đệ nhị đã tuyên bố pháp lệnh giải phóng nông nô, về vấn đề này, cả Alexander Đệ nhị lẫn Lincoln đều có những quan điểm chung. Và còn một điều nữa là cuộc chiến tranh Crimea của nước Nga vừa mới kết thúc năm 1856 đại bại dưới tay của liên quân Anh - Pháp, vì thế Alexander Đệ nhị chưa nguôi chuyện rửa hận.

⁵⁰ Des Griffi, *Descent into Slavery*, Emissary Publications, 1980.

Chưa tuyên chiến, vào ngày 24 tháng 9 năm 1863, dưới sự chỉ huy của tướng Liviski, hạm đội của Nga đã tiến vào cảng New York. Ngày 12 tháng 10, dưới sự chỉ huy của tướng Andrei Alexandrovich Popov, hạm đội Thái Bình Dương của Nga đã đến San Francisco. Đối với hành động của nước Nga, Wales bình luận rằng: “Họ đến khi miền Nam đang ở vào lúc triều lên còn miền Bắc ở vào thế triều xuống. Sự xuất hiện của họ tạo nên sự do dự của Anh và Pháp, cuối cùng giúp cho Lincoln có thời gian để xoay chuyển cục diện.”

Sau khi nội chiến kết thúc, để chi trả khoản phí tổng cộng 7,2 triệu đô-la Mỹ cho hạm đội nước Nga, Chính phủ Mỹ đã chần chừ kéo dài thời gian. Vì Hiến pháp không trao cho Tổng thống quyền chi trả chiến phí cho Chính phủ nước ngoài nên Tổng thống Andrew Johnson khi đó phải thỏa thuận dùng chính vùng đất Alaska mua của nước Nga để chi trả khoản chi phí chiến tranh. Trong lịch sử, vụ việc này được gọi là “Sự điên rồ của Seward”. Seward là Bộ trưởng Ngoại giao thời đó của Hoa Kỳ và bị dân chúng kịch liệt chỉ trích khi bỏ ra 7,2 triệu đô-la mua lại một vùng đất hoang hóa không đáng một xu của Nga. Cũng vì một nguyên nhân tương tự mà Alexander Đệ nhị bị hành thích vào năm 1867, nhưng may mắn là sự không thành. Ngày 1 tháng 3 năm 1881, Alexander cuối cùng cũng chết trong tay một thích khách.

AI LÀ HUNG THỦ THẬT SỰ ÁM SÁT LINCOLN?

Bismarck – vị Thủ tướng kiên cường và giàu lòng hy sinh của nước Đức từng nhận xét một cách sắc bén rằng: “Ông ấy [Lincoln] được Quốc hội trao quyền vay tiền thông qua việc bán khoản công trái cho người dân, như vậy thì Chính phủ và quốc gia sẽ thoát khỏi cái bẫy cài sẵn của các nhà tài chính nước ngoài. Trong khi các nhà tài chính quốc tế hiểu rõ rằng nước Mỹ sẽ thoát khỏi vòng khống chế của họ, thì ngày chết của Lincoln chẳng còn mấy xa xôi.”

Sau khi ra sắc lệnh giải phóng nô lệ da đen và thống nhất miền Nam, ngay lập tức Lincoln tuyên bố xóa toàn bộ các khoản nợ chiến tranh mà miền Nam phải gánh chịu. Các ngân hàng quốc tế – đơn vị chu cấp phần lớn tài chính cho miền Nam trong suốt cuộc chiến – tổn thất nghiêm trọng vì quyết định này. Để trả thù, đặc biệt là để xóa bỏ chính sách mới về tiền tệ của Lincoln, họ tập hợp các thế lực bất mãn với vị Tổng thống này, bí mật lên kế hoạch ám sát. Với họ, chuyện chỉ đạo đám côn đồ ám sát Tổng thống thực tế không phải là một việc khó khăn.

Lincoln không còn, dưới sự thao túng của các thế lực tài chính quốc tế, Quốc hội tuyên bố phế bỏ chính sách tiền tệ mới của Lincoln, việc phát hành tiền xanh Lincoln không được vượt quá giới hạn 400 triệu đô-la.

Năm 1972, có người hỏi Bộ Tài chính Mỹ rằng, với số tiền xanh 450 triệu đô-la Mỹ mới phát hành, Chính phủ rốt cuộc đã tiết kiệm được bao nhiêu tiền lãi. Sau mấy tuần tính toán kỹ lưỡng, câu trả lời của Bộ Tài chính là: Nhờ tổng số tiền Lincoln tự phát hành cho Chính phủ mà Mỹ tiết kiệm được 4 tỉ đô-la lợi nhuận.⁵¹

⁵¹ *Abraham Lincoln and John F. Kennedy* by Melvin Sickler.

Cuộc nội chiến Nam - Bắc về căn bản là một cuộc tranh giành lợi ích kịch liệt giữa các thế lực tài chính quốc tế cũng như những người đại diện của họ và Chính phủ Mỹ trong việc khống chế quyền phát hành tiền tệ quốc gia cũng như chính sách tài chính tiền tệ của Mỹ. Trong thời gian hơn 100 năm sau cuộc nội chiến Nam - Bắc, đôi bên đã tiến hành những cuộc chiến tàn khốc. Tổng cộng đã có 7 Tổng thống Mỹ vì cuộc chiến này mà bị ám sát, nhiều nghị sĩ bị thủ tiêu. Mãi đến năm 1913, việc thành lập hệ thống ngân hàng dự trữ liên bang Mỹ đánh dấu cho thắng lợi mang tính quyết định của ngân hàng quốc tế.

Thật đúng như Bismarck nói: “Cái chết của Lincoln là sự tổn thất nghiêm trọng của thế giới Cơ-đốc giáo. Nước Mỹ có thể không còn ai có thể đi lại con đường vĩ đại của ông, còn các ngân hàng sẽ lại một lần nữa khống chế những ai giàu có. Tôi lo rằng các ngân hàng nước ngoài với những thủ đoạn cao siêu và tàn bạo sẽ giành lấy sự giàu có của nước Mỹ, sau đó dùng nó để hủy hoại nền văn minh hiện đại một cách có hệ thống.”

CUỘC THỎA HIỆP CHÍ MẠNG: PHÁP LỆNH NGÂN HÀNG QUỐC GIA NĂM 1863



Việc tôi đóng góp cho sự ra đời pháp lệnh ngân hàng quốc gia là sai lầm tài chính nghiêm trọng nhất trong cuộc đời. Sự lũng đoạn cung ứng tiền tệ mà pháp lệnh ngân hàng quốc gia sản sinh ra sẽ ảnh hưởng đến tất cả các phương diện của đất nước này. Nó cần phải bị phế bỏ, nhưng trước khi điều này xảy ra, đất nước này sẽ chia thành hai phía, một bên là người dân, còn bên kia là ngân hàng, và tình huống này vẫn chưa từng xuất hiện trong lịch sử nước Mỹ



Bộ trưởng Tài chính Mỹ Salomon (1861 - 1864)

Sau khi nội chiến Nam - Bắc bùng nổ, Lincoln đã cự tuyệt khoản lợi tức cắt cổ từ 24% đến 36% của Rothschild và các đại diện khác của họ ở Mỹ, chuyển sang trao quyền cho Bộ Tài chính phát hành “tiền giấy quốc gia” (United States Notes) của riêng mình, hay còn được gọi là tiền xanh. Pháp lệnh tiền tệ chính thức (Legal Tender Act) được thông qua tháng 2 năm 1862. Pháp lệnh này trao quyền cho Bộ Tài chính phát hành 150 triệu đồng tiền xanh, liền sau đó vào tháng 7 năm 1862 và tháng 3 năm 1863, lại trao quyền cho Bộ Tài chính phát hành thêm 150 triệu tiền xanh nữa. Nói chung, trong thời kỳ nội chiến, tổng số tiền xanh được phát hành lên đến 450 triệu.

Việc phát hành tiền xanh của Lincoln chẳng khác nào chọc vào tổ ong vò vẽ ngân hàng quốc tế. Trước hành động này của Tổng thống, các ngân hàng nhận một vố đau như bị bò đá, nhưng ngược lại, tầng lớp nhân dân và các ngành công nghiệp khác thì lại tỏ thái độ hết sức hoan nghênh. Đồng tiền xanh của Lincoln được lưu hành mãi đến năm 1994 trong hệ thống tiền tệ của Mỹ.

Năm 1863, khi cuộc chiến bước đến hồi quyết định nhất, Lincoln cần nhiều tiền xanh hơn nữa để giành lấy thắng lợi. Để được trao quyền phát hành tiền xanh lần thứ ba, ông buộc phải cúi đầu trước các thế lực ngân hàng trong Quốc hội nhằm đưa ra một thỏa hiệp quan trọng: ký *Pháp lệnh Ngân hàng Quốc gia* năm 1863. Pháp lệnh này trao quyền cho Chính phủ phê chuẩn việc Ngân hàng Quốc gia (National Bank) phát hành tiền giấy với tiêu chuẩn thống nhất. Những ngân hàng này trên thực tế sẽ phát hành tiền tệ quốc gia của Mỹ. Một điểm hết sức quan trọng chính là những ngân hàng này dùng trái phiếu Chính phủ Mỹ làm nguồn dự trữ cho việc phát hành tiền giấy, và như vậy, sẽ khống chế việc phát hành tiền tệ của Mỹ với các khoản vay của Chính phủ, còn Chính phủ sẽ mãi không thể hoàn trả hết các khoản nợ này.

John Kenneth Galbraith – nhà kinh tế học lừng danh người Mỹ – từng chỉ ra một cách sắc bén rằng: “Rất nhiều năm sau khi cuộc nội chiến kết thúc, hàng năm, Chính phủ lại không thể hoàn trả hết những khoản nợ đã vay, cũng không thể bồi hoàn những trái phiếu đã phát hành, bởi việc này có nghĩa rằng chẳng còn khoản nợ nào để làm thế chấp cho quỹ tiền tệ quốc gia. Việc hoàn trả hết các khoản nợ cũng đồng nghĩa là phá hủy toàn bộ sự lưu thông tiền tệ.”

Âm mưu của các ngân hàng quốc tế trong việc thiết lập một mô hình ngân hàng ở Mỹ theo kiểu Ngân hàng Anh cuối cùng đã trở

thành hiện thực. Từ đây, lợi tức lâu dài từ các khoản nợ của Chính phủ Mỹ sẽ chảy vào túi các ngân hàng. Nó chẳng khác nào một sợi thòng lọng ngày càng siết chặt vào cổ nhân dân Mỹ. Đến năm 2006, tổng vay của Chính phủ Mỹ đã lên đến con số khổng lồ 860.000 tỉ đô-la, bình quân mỗi nhà có bốn người phải gánh chịu một khoản nợ quốc gia lên đến 112.000 đô-la, tốc độ tăng trưởng tổng nợ cả đất nước Mỹ trong mỗi giây là 20.000 đô-la! Khoản chi trả lợi tức của Chính phủ liên bang Mỹ đối với nợ quốc gia chỉ đứng sau ngân sách dành cho y tế và quốc phòng, và đến năm 2006 sẽ đạt đến con số khổng lồ 400 tỉ đô-la Mỹ.

Bắt đầu từ năm 1864, các ngân hàng có thể đòi đòi kiếp kiếp hưởng thụ bữa đại tiệc lợi tức từ khoản nợ quốc gia này của Mỹ. Chỉ vì xem nhẹ sự khác biệt giữa việc Chính phủ trực tiếp phát hành tiền tệ với việc Chính phủ phát hành trái phiếu và ngân hàng phát hành tiền, mà các nhà ngân hàng đã tạo nên một sự bất công lớn nhất trong lịch sử loài người. Người dân bị ép phải nộp thuế gián tiếp qua các ngân hàng, mà những khoản thuế này chính là tài sản và tiền bạc do mồ hôi nước mắt của họ làm nên!

Mãi đến ngày nay, Trung Quốc là một trong số ít quốc gia trên thế giới có chính sách phát hành tiền tệ do Chính phủ trực tiếp điều hành. Nhờ đó, khoản lợi tức phải chi trả mà Chính phủ và người dân đã tiết kiệm được trở thành nhân tố quan trọng không thể thiếu giúp Trung Quốc có thể phát triển nhanh và bền vững như vậy. Nếu có ai đó đưa ra đề xuất phải học hỏi “kinh nghiệm tiến bộ” của nước ngoài, ngân hàng nhân dân cần phải dùng nợ quốc gia của Chính phủ làm thế chấp để phát hành đồng nhân dân tệ, thì người dân Trung Quốc cần phải coi chừng.

Lincoln không phải là không biết đến nguy cơ đe dọa vĩnh viễn này và dự tính rằng, sau khi thắng cử ở nhiệm kỳ kế tiếp năm 1865, ông sẽ phế bỏ pháp lệnh này, nhưng chỉ 2 ngày sau khi trúng cử, Lincoln đã bị ám sát. Các thể lực ngân hàng quốc tế trong Quốc hội thừa thắng xông lên. Họ cho rằng, cần phải loại bỏ đồng tiền xanh của Lincoln thì mới có thể kê cao gối mà ngủ. Ngày 12 tháng 4 năm 1866, Quốc hội thông qua *Pháp lệnh Thu hồi* (Contraction Act), hòng thu hồi tất cả các đồng tiền xanh hiện đang lưu thông, và đổi lại thành tiền kim loại, sau đó gạt bỏ tiền xanh ra khỏi hệ thống lưu thông, khôi phục chế độ bản vị vàng.

Ở một đất nước vừa thoát khỏi cuộc chiến điều tàn cần khôi phục, chẳng có gì hoang đường hơn là một chính sách tiền tệ kiểm soát gắt gao. Lượng tiền tệ lưu thông 1,8 tỉ đô-la Mỹ từ năm 1866 (tức khoảng 50,46 đô-la Mỹ/người), đã sụt giảm xuống còn 1,3 tỉ đô-la Mỹ năm 1867 (tức 44 đô-la Mỹ/người), 600 triệu đô-la Mỹ năm 1876 (14,6 đô-la/người), cuối cùng là giảm xuống còn 400 triệu đô-la Mỹ (6,67 đô-la/người) năm 1886. Trong bối cảnh một nước Mỹ với nhiều vết thương chiến tranh cần chữa trị, một nền kinh tế cần phục hồi và phát triển, đồng thời tình hình dân số tăng nhanh, nhưng lượng cung ứng tiền tệ lại thiếu hụt, đa số người dân đều cho rằng sự thịnh suy là quy luật của phát triển kinh tế. Nhưng trên thực tế, việc thao túng nguồn cung ứng tiền tệ theo kiểu khi buông khi siết của các ngân hàng quốc tế mới là nguồn cơn thực sự của vấn đề.

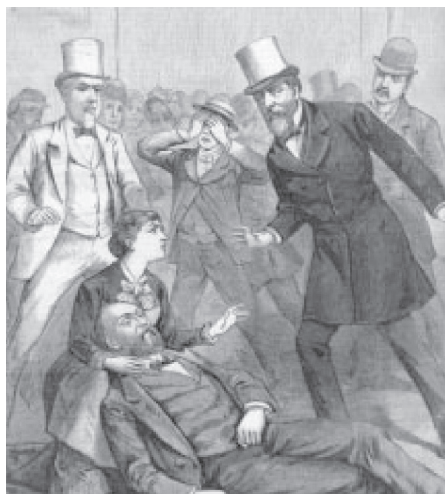
Mùa đông năm 1872, các ngân hàng quốc tế phái Ernest Seyd đem theo một khoản tiền lớn từ Anh vào Mỹ. Bằng việc hối lộ các quan chức, Ernest Seyd đã đạt được mục đích của mình: thông qua *Pháp lệnh Tiền đúc năm 1873* (Coinage Act) mà lịch sử gọi là “pháp lệnh ngu xuẩn 1873”. Đích thân Ernest Seyd soạn thảo pháp lệnh

này, và nó gạt bỏ tiền bạc ra khỏi hệ thống lưu thông tiền tệ. Như vậy, tiền vàng trở thành thứ tiền tệ duy nhất. Pháp lệnh này được ví như hiện tượng phủ sương lên tuyết cho dòng lưu thông tiền tệ vốn đã thiếu hụt trầm trọng. Sau khi xong việc, Ernest Seyd vênh vác tự đắc nói rằng: “Mùa đông năm 1872, ta làm một chuyến đến Mỹ, ta đảm bảo chắc chắn việc thông qua pháp lệnh tiền đúc để phế bỏ tiền bạc. Cái mà ta đại diện là lợi ích của các vị chủ tịch Ngân hàng Anh quốc. Đến năm 1873, tiền vàng trở thành loại tiền kim loại duy nhất.”

Nhưng sự thật, tác dụng của việc loại trừ tiền bạc ra khỏi lĩnh vực lưu thông tiền tệ quốc tế là nhằm đảm bảo chắc chắn sức khống chế tuyệt đối của các ngân hàng quốc tế đối với lượng cung ứng tiền tệ thế giới, đồng thời đối phó với việc tăng cường khai thác các mỏ bạc trong khi sản lượng các mỏ vàng ngày càng ít đi. Sau khi nắm giữ việc khai thác các mỏ vàng thế giới, đương nhiên ngân hàng quốc tế không muốn lưu lượng tiền bạc mà họ khó khống chế, can dự vào địa vị bá quyền tài chính thế giới của mình. Vì thế, kể từ năm 1871, bạc trắng bị loại trừ đồng loạt ở các quốc gia Đức, Anh, Hà Lan, Áo, Scandinavi, khiến lượng lưu thông tiền tệ của mỗi quốc gia bị co rút lại, từ đó dẫn đến cuộc đại suy thoái kinh tế nghiêm trọng kéo dài 20 năm ở châu Âu (Long Depression, 1873 - 1896).

Ở Mỹ, Pháp lệnh Thu hồi và Pháp lệnh Tiền đúc trực tiếp gây nên cuộc đại suy thoái kinh tế từ năm 1873 đến năm 1879. Trong khoảng thời gian ba năm này, tỉ lệ thất nghiệp của Mỹ lên đến mức 30%, người dân Mỹ cương quyết yêu cầu phải khôi phục lại thời kỳ lưu hành song song tiền bạc và tiền xanh Lincoln. Người dân Mỹ thành lập các tổ chức tự phát như hội bạc trắng (US Silver Commission), hội tiền xanh (Greenback Party), thúc đẩy cả nước khôi phục lại chế độ lưu hành song song tiền vàng và tiền

bạc, phát hành lại tiền xanh Lincoln vốn được người dân rất hoan nghênh. Báo cáo của hội bạc trắng ở Mỹ chỉ ra: “Sự điều tàn trong thời kỳ trung cổ là do nạn thiếu hụt tiền tệ và sự sụt giá gây nên. Không có tiền tệ thì không có văn minh, còn nếu lượng cung ứng tiền tệ giảm, văn minh tất nhiên sẽ tiêu vong. Lượng lưu thông tiền tệ kim loại của Đế quốc La Mã tương đương với 1,8 tỉ đô-la Mỹ, đến cuối thế kỷ XV, lượng lưu thông tiền tệ kim loại của châu Âu chỉ còn lại 200 triệu đô-la Mỹ. Lịch sử đã chứng minh rằng, không có bất cứ tai họa nào sánh bằng việc Đế quốc La Mã trở về thời kỳ trung cổ.”



Tranh mô phỏng vụ ám sát
Tổng thống James Garfield

Nhưng trước những đòi hỏi của dân chúng Mỹ, Hiệp hội các nhà ngân hàng Mỹ (The American Bankers Association) tỏ thái độ dứt khoát lạnh lùng. Trong thư gửi cho các hội viên, các nhà ngân hàng nêu rõ rằng: “Cùng với sự hỗ trợ của các tờ báo danh tiếng, đặc biệt là sự hỗ trợ của các tổ chức nông nghiệp và tôn giáo, chúng

tôi đề nghị quý vị hãy dốc sức để kiên quyết phản đối việc Chính phủ phát hành tiền xanh. Quý vị phải chấm dứt trợ giúp những ai tỏ ý ủng hộ Chính phủ trong việc phát hành tiền xanh. Hành động của Chính phủ sẽ làm phương hại nghiêm trọng đến lợi nhuận của ngân hàng cũng như lợi ích của những người cho vay như chúng ta. Ngay lập tức, quý vị phải gặp gỡ với các đại biểu Quốc hội trong khu vực của mình và yêu cầu họ bảo vệ lợi ích của chúng ta. Như vậy, chúng ta có thể khống chế được luật pháp.”

Năm 1881, trong cảnh kinh tế tiêu điều, Tổng thống thứ 20 của Mỹ là James Garfield bước lên đài chính trị và nắm bắt được điểm cốt yếu của vấn đề. Ông nói rằng: “Ở bất cứ quốc gia nào, ai khống chế được việc cung ứng tiền tệ thì người đó trở thành người chủ tuyệt đối của các ngành công, thương nghiệp hiện có. Nếu hiểu rõ rằng, hệ thống tiền tệ được kiểm soát và khống chế một cách dễ dàng bởi một nhóm người, bạn sẽ hiểu rõ nguồn gốc của nạn lạm phát và chính sách siết chặt tiền tệ.”

Chỉ mấy tuần sau bài phát biểu của mình, Tổng thống James đã bị Charles Guiteau – một tên “mắc bệnh tâm thần” ám sát vào ngày 2 tháng 7 năm 1881. Tổng thống bị bắn hai phát và cuối cùng qua đời ngày 19 tháng 9.

Trong suốt thế kỷ XIX, các ngân hàng quốc tế đã thành công với sách lược “dùng quyền lực của đồng tiền thần thánh để thu được vương quyền thần thánh”. Tại Mỹ, “quyền lực thần thánh của đồng tiền cũng dần làm tan rã dần quyền thiêng liêng.” Sau những cuộc đối đầu kịch liệt kéo dài hàng trăm năm với Chính phủ dân cử của nước Mỹ, các ngân hàng quốc tế đã chiếm thế thượng phong. Các nhà sử học Mỹ nói rằng, tỉ lệ tử vong của các đời Tổng thống Mỹ còn

cao hơn nhiều so với tỉ lệ tử trận của thủy quân lục chiến Mỹ trong chiến dịch Normandie. Khi các ngân hàng nghênh ngang đắc ý tự cho mình là kẻ nắm trong tay pháp lệnh ngân hàng quốc gia năm 1863 trong tay thì mục tiêu thành lập một ngân hàng tại Mỹ theo mô hình Ngân hàng Anh chỉ còn là việc một sớm một chiều. Như vậy, hình hài một ngân hàng trung ương tư nhân hoàn toàn khổng chế quyền phát hành tiền tệ của Mỹ – ngân hàng của các nhà tài phiệt – bắt đầu hình thành.

CHƯƠNG 3



CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG MỸ: NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG TƯ HỮU





Một quốc gia công nghiệp vĩ đại bị hệ thống tín dụng khổng lồ chế một cách cứng nhắc. Hệ thống tín dụng này tập trung cao độ. Sự phát triển của quốc gia này và mọi hoạt động [kinh tế] của chúng ta hoàn toàn nằm trong tay một số ít người. Chúng ta đã rơi vào thế bị thống trị cam go nhất - một kiểu khổng lồ triệt để nhất trên thế giới. Chính phủ không còn có ý kiến tự do nữa, không còn quyền định tội nữa, không còn là Chính phủ được lựa chọn bởi đa số người dân nữa, và Chính phủ này vận hành dưới sự khống chế của một nhóm người quyền lực. Rất nhiều nhân sĩ công thương nghiệp của quốc gia này đều đang lo sợ một điều gì đó. Họ biết thứ quyền lực vô hình này được tổ chức theo cách như vậy, tĩnh lặng vô tình như vậy, phủ khắp như vậy, khóa chặt lẫn nhau như vậy, triệt để và toàn diện như vậy, đến nỗi họ không dám công khai lên án thứ quyền lực này⁵²



WOODROW WILSON

Không quá khoa trương khi nói rằng, mãi đến ngày nay, chẳng có mấy nhà kinh tế học Trung Quốc biết được thực tế rằng, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ chính là Ngân hàng trung ương tư hữu. Cái gọi là “Ngân hàng Dự trữ Liên bang” thực ra vừa chẳng phải là “liên bang”, mà cũng chẳng có “dự trữ”, và cũng không đáng được xem là “ngân hàng”.

⁵² *National Economy and the Banking System*, Tài liệu của Thượng nghị viện, số 23, Đại hội thứ 76, Kỳ họp thứ nhất, 1939.

Đa số các quan chức của Chính phủ Trung Quốc sẽ nghĩ rằng, đương nhiên Chính phủ Mỹ phát hành ra đồng đô-la, nhưng trên thực tế, về cơ bản, Chính phủ Mỹ không có quyền phát hành tiền tệ! Năm 1963, sau khi Tổng thống Kennedy bị ám sát, Chính phủ Mỹ cuối cùng đã mất đi quyền phát hành “đô-la Mỹ bạc trắng”. Muốn sở hữu đồng đô-la, Chính phủ Mỹ cần phải đem công trái của người dân Mỹ thế chấp cho Cục Dự trữ Liên bang, còn “phiếu dự trữ liên bang” do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ phát hành chính là đồng “đô-la Mỹ”.

Đối với giới học thuật và truyền thông Mỹ, tính chất và lai lịch của “Cục Dự trữ Liên bang Mỹ” được hiểu là một “vùng cấm”. Hằng ngày, giới truyền thông Mỹ có thể bàn tán về vô vàn vấn đề chẳng có chút quan trọng gì kiểu như “hôn nhân đồng tính”, nhưng những vấn đề quan trọng liên quan đến việc ai đang khống chế chuyện phát hành tiền tệ hay lợi ích chi trả lợi tức các khoản vay cá nhân thì lại hầu như chẳng được đề cập đến.

Đọc đến đây, nếu bạn có cảm giác kinh ngạc, vấn đề sẽ trở nên quan trọng trong khi có thể bạn lại không hay biết. Chương này sẽ nói về bí mật của việc thành lập Cục Dự trữ Liên bang Mỹ – vấn đề đã bị giới truyền thông Mỹ cố ý “bỏ qua”. Khi dùng một chiếc kính hiển vi soi xét kỹ giây phút cuối cùng của một sự kiện trọng đại ảnh hưởng đến tiến trình lịch sử thế giới, chúng ta có thể hiểu rằng, diễn biến của sự việc chính xác đến mức ta phải lấy tiếng tích tắc của đồng hồ làm đơn vị đo lường.

Ngày 23 tháng 12 năm 1913, Chính phủ dân cử của Mỹ cuối cùng đã bị quyền lực đồng tiền lật đổ.

ĐẢO JEKYLL THẦN BÍ: CÁI NÔI CỦA CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG MỸ

Đêm ngày 22 tháng 11 năm 1910, một đoàn tàu rèm che kín mít chậm rãi tiến về miền Nam. Những người ngồi trong toa tàu đều là những nhà tài phiệt ngân hàng quan trọng nhất nước Mỹ, và không một ai trong số họ biết mục đích chuyến đi này. Điểm dừng cuối cùng của đoàn tàu là đảo Jekyll thuộc bang Georgia xa mấy trăm dặm.



Kiến trúc trên đảo Jekyll

Jekyll là một quần đảo thuộc quyền sở hữu của những nhân vật giàu có siêu hạng ở Mỹ. Các thế lực tai to mặt lớn mà đứng đầu là J.P Morgan đã thành lập một câu lạc bộ đi săn trên đảo Jekyll. Một phần sáu của cải thế giới dồn vào tay các hội viên của câu lạc bộ này, và tư cách hội viên chỉ có thể kế thừa chứ không thể chuyển nhượng. Lúc này, câu lạc bộ nhận được thông báo có người cần sử dụng hội sở của câu lạc bộ trong khoảng hai tuần, và như vậy, trong khoảng thời gian, tất cả các thành viên không được phép sử dụng hội sở. Toàn bộ nhân viên phục vụ đều là những người đến từ đất liền, và khi phục vụ các vị khách VIP, họ chỉ được xưng tên chứ tuyệt đối không được sử dụng

họ. Trong phạm vi 50 dặm quanh hội sở phải đảm bảo không có sự xuất hiện của bất cứ tay săn tin nào.

Ngay sau khi công việc chuẩn bị hoàn tất, những vị khách bắt đầu lộ diện. Tham gia hội nghị tuyệt mật này có:



Nelson Aldrich



Frank Vanderlip



Henry P. Davison



Charles D. Norton

- **Nelson Wilmath Aldrich** – Thượng nghị sĩ, Chủ tịch Ủy ban Tiền tệ quốc gia (National Monetary Commission), ông ngoại của Nelson Rockefeller.
- **Abram Piatt Andrew** – Trợ lý Bộ trưởng Bộ Tài chính Mỹ.
- **Frank Arthur Vanderlip** – Chủ tịch National City Bank.
- **Henry P. Davison** – Cổ đông cao cấp công ty J.P Morgan.
- **Charles Dyer Norton** – Chủ tịch First National Bank.
- **Benjamin Strong** – Trợ lý của J.P Morgan.

Ngoài ra còn có Paul Warburg – một công dân di cư gốc Do Thái đến từ Đức. Năm 1901, Paul đến Mỹ đầu tư một khoản vốn lớn vào Kuhn, Loeb & Co. Ông là đại diện của dòng họ Rothschild ở Anh và Pháp, đồng thời đảm nhận chức tổng công trình sư của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, kiêm Chủ tịch đầu tiên Cục Dự trữ Liên bang Mỹ.

Những nhân vật quan trọng này đến hòn đảo nhỏ hẻo lánh mà chẳng có hứng thú gì với việc săn bắn. Họ đến đây với một nhiệm vụ chủ yếu là khởi thảo một văn kiện quan trọng: Dự luật Dự trữ Liên bang (Federal Reserve Act).



Paul Warburg



Benjamin Strong

Paul Warburg là một cao thủ về lĩnh vực ngân hàng, tinh thông hầu hết mọi khâu nhỏ trong hoạt động tài chính. Nếu có ai đó thắc mắc cần giải đáp, Paul không chỉ nhần nại trả lời mà còn giảng giải không ngớt về nguồn gốc lịch sử sâu xa của từng khái niệm một cách chi tiết. Ai cũng khâm phục kiến thức uyên bác trong lĩnh vực ngân hàng của ông. Paul hiển nhiên trở thành người khởi thảo, đồng thời là người giải đáp mọi vấn đề trong việc xây dựng văn kiện.

Nelson Aldrich là người ngoại đạo duy nhất trong số những nhân vật có mặt ở đây. Ông ta phụ trách việc chỉnh sửa nội dung văn kiện sao cho phù hợp với yêu cầu chính trị để Quốc hội chấp nhận. Những người khác đại diện cho lợi ích của các tập đoàn ngân hàng khác nhau. Họ tiến hành tranh luận kịch liệt suốt 9 ngày liền xung quanh chi tiết phương án mà Paul đề xuất, và cuối cùng đã đi đến thống nhất.

Do cuộc khủng hoảng ngân hàng năm 1907 mà hình ảnh của các nhà tài phiệt ngân hàng không còn mấy đẹp đẽ trong mắt người dân Mỹ. Điều này khiến cho đa số nghị sĩ Quốc hội không dám công khai ủng hộ dự luật do các nhà tài phiệt ngân hàng lập ra. Vì vậy, những người này không quản ngại đường xa vạn dặm, lặn lội từ New York đến hòn đảo hoang vắng này để tham gia khởi thảo văn kiện. Hơn nữa, cái tên Ngân hàng trung ương nghe có vẻ quá khoa trương. Từ thời Tổng thống Jefferson đến nay, tên gọi của Ngân hàng trung ương đều có dính dáng đến âm mưu của các nhà tài phiệt Ngân hàng quốc tế Anh, vì thế, Paul kiến nghị dùng tên “Cục Dự trữ Liên bang” (Federal Reserve System) để che tai đây mắt thiên hạ. Thế nhưng, trên thực tế, Cục Dự trữ Liên bang có đầy đủ mọi chức năng của một Ngân hàng trung ương, và cũng giống như Ngân hàng Anh, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ được thiết kế theo mô hình tư nhân nắm giữ cổ

phần, và ngân hàng sẽ thu lợi rất lớn từ việc đó. Điểm khác biệt giữa Cục Dự trữ Liên bang và Ngân hàng Thứ nhất hay Ngân hàng Thứ hai là, 20% cổ phần của Chính phủ trong cơ cấu cổ phần của Cục Dự trữ Liên bang đã không còn, và như vậy, nó sẽ trở thành một ngân hàng trung ương tư hữu “thuần túy”.

Nhằm che đậy bản chất thực của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ cũng như để trả lời cho câu hỏi ai là kẻ khống chế cơ quan này, Paul khéo léo đề xuất ý kiến: “Quốc hội khống chế Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, Chính phủ nắm giữ vai trò đại biểu trong hội đồng quản trị, nhưng đa số thành viên của hội đồng quản trị là do hiệp hội ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp khống chế.”

Về sau, trong phiên bản cuối cùng, Paul đổi thành “thành viên của Hội đồng quản trị do Tổng thống Mỹ bổ nhiệm”, thế nhưng, chức năng thực sự của Hội đồng quản trị do Hội đồng Tư vấn Liên bang (Federal Advisory Council) khống chế, và cùng với Hội đồng quản trị, Hội đồng tư vấn liên bang sẽ định kỳ mở hội nghị “thảo luận” công việc. Thành viên của Hội đồng Tư vấn Liên bang sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị của 12 ngân hàng dự trữ liên bang quyết định. Điểm này đã được lấp liếm trước công chúng.

Một vấn đề nan giải khác mà Paul phải đối phó là làm thế nào để che giấu sự thực rằng, nhân vật chịu trách nhiệm chủ trì Cục Dự trữ Liên bang là một chuyên gia kỳ cựu của Ngân hàng New York. Từ thế kỷ XIX đến nay, vì phải gánh chịu nhiều thiệt hại do nạn khủng hoảng ngân hàng gây nên, hầu hết các thương nhân, chủ trang trại vừa và nhỏ của miền Trung Tây nước Mỹ ghét cay ghét đắng các chuyên gia ngân hàng đến từ miền Đông. Còn các nghị sĩ của những khu vực này cũng không thể ủng hộ ngân hàng trung ương nếu người chủ trì là một nhân vật nào đó từ Ngân hàng New York. Vì vậy Paul thiết kế nên một phương án giải quyết tài tình để 12 ngân hàng địa phương thuộc Cục Dự trữ Liên bang có thể tạo thành một hệ thống hoàn hảo. Ngoài giới ngân hàng, rất ít người biết

rằng, về lý thuyết, việc phát hành tiền tệ và tín dụng của Mỹ được tập trung ở New York, dù trên thực tế, điều này không hề diễn ra ở New York, và màn kịch này chẳng qua là do các ngân hàng thuộc Cục Dự trữ Liên bang dàn dựng nên mà thôi. Còn một điểm nữa thể hiện sự suy nghĩ sâu xa của Paul – đặt trụ sở của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ tại Washington – trung tâm chính trị của nước Mỹ, trong khi New York mới là trung tâm tài chính lớn của đất nước này. Mối lo ngại chính của ông ta xuất phát từ sự kỳ thị của dân chúng đối với các nhà ngân hàng đến từ New York.

Điều bận tâm thứ tư của Paul là làm thế nào tìm ra nhân viên quản lý cho 12 nhà ngân hàng địa phương trực thuộc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ. Kinh nghiệm làm việc trong Quốc hội của Nelson Aldrich cuối cùng đã giúp ông tìm được đất dụng võ. Ông chỉ ra rằng, các nghị sĩ miền Trung Tây nước Mỹ thường tỏ rõ sự thù địch với ngân hàng New York, và để tránh mất kiểm soát, Tổng thống phải là người đứng ra bổ nhiệm vị trí Chủ tịch ngân hàng địa phương và đó không phải là nhiệm vụ của Quốc hội. Nhưng điều này tạo nên một lỗ hổng pháp luật. Điều 8 chương 1 của *Hiến pháp Mỹ* quy định rõ ràng rằng, Quốc hội chịu trách nhiệm phụ trách việc quản lý phát hành tiền tệ. Việc Cục Dự trữ Liên bang gạt Quốc hội ra ngoài rõ ràng đã vi phạm Hiến pháp. Quả nhiên điểm này trở thành cái cớ để các nghị sĩ chĩa mũi dùi công kích Cục Dự trữ Liên bang Mỹ. Sau khi được dàn xếp chu đáo, dự luật này nghiêm nhiên xuất hiện với hình thức mô phỏng theo sự phân quyền và cân bằng kiểm soát của Hiến pháp Mỹ. Tổng thống bổ nhiệm, Quốc hội thẩm duyệt, nhân sĩ độc lập nhậm chức Chủ tịch Hội đồng quản trị, còn các nhà ngân hàng đảm nhận vị trí cố vấn, quả là một thiết kế hoàn hảo!

BẢY NHÀ TÀI PHIỆT PHỐ WALL: NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN HẬU TRƯỜNG CỦA CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG

Bảy nhân vật quan trọng của Phố Wall đã khống chế đại bộ phận các ngành công nghiệp cơ bản cũng như nguồn vốn của Mỹ, bao gồm J.P Morgan, James J. Hill, George Berk (Chủ tịch First National Bank) trực thuộc Tập đoàn Morgan; bốn người còn lại gồm John Rockefeller, William Rockefeller, James Stillman (Chủ tịch National City Bank), Jacob Schiff (Kuhn, Loeb & Co.) trực thuộc Tập đoàn Standard Oil Cities Bank. Đầu mối trung tâm về vốn do họ tạo nên đang trở thành thế lực chủ yếu khống chế nước Mỹ⁵³

JOHN MOODY

Người sáng lập hệ thống đánh giá đầu tư Moody nổi tiếng, 1911



J.P Morgan

Bảy vị tai to mặt lớn của Phố Wall chính là những người thực sự điều khiển việc thành lập Cục Dự trữ Liên bang Mỹ. Sự phối hợp nhịp nhàng bí mật giữa họ với gia tộc Rothschild của châu Âu cuối cùng đã tạo nên một phiên bản của Ngân hàng Anh tại Mỹ.

⁵³ John Moody, *The Seven Men*, McClure's Magazine, 1911.

SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA GIA TỘC MORGAN

Tiền thân của Ngân hàng Morgan là Công ty George Peabody của Anh vốn không được nhiều người biết đến. George Peabody là một thương gia chuyên buôn hoa quả sấy khô của vùng Baltimore (Mỹ). Sau khi phát lên từ một số thương vụ nhỏ. Năm 1835, George đến London. Chàng thương gia trẻ nhận thấy ngành tài chính là một lĩnh vực béo bở, bèn quyết định hùn vốn với một số người nữa mở ngân hàng chuyên doanh (merchant bank)⁵⁴. Tại đây cung cấp một nghiệp vụ “tài chính cao cấp” rất hợp thời khi đó, khách hàng chủ yếu bao gồm Chính phủ, các công ty lớn và những người rất giàu có. Họ cung cấp các khoản vay cho thương mại quốc tế, phát hành cổ phiếu và công trái, kinh doanh các loại hàng hóa chủ lực, và đây chính là tiền thân của ngân hàng đầu tư ngày nay.

Thông qua sự giới thiệu của công ty anh em nhà Brown thuộc chi nhánh Anh, George Peabody nhanh chóng gia nhập giới tài chính Anh. Không lâu sau, George Peabody hết sức kinh ngạc khi nhận được thư mời đến dự tiệc từ Nam tước Nathan Rothschild. Đối với chàng thương gia trẻ này thì vinh hạnh đó chẳng khác nào niềm hãnh diện của một tín đồ Thiên Chúa giáo có cơ hội tiếp kiến Giáo hoàng.

Nathan đã đi thẳng vào vấn đề bằng việc đề nghị George Peabody giúp mình làm đại diện giao tế bí mật của dòng họ Rothschild. Tuy nổi tiếng là giàu có với khối tài sản khổng lồ, song dòng họ Rothschild vẫn bị nhiều người ở châu Âu căm ghét và coi thường vì thường lừa gạt cưỡng đoạt tài sản của dân chúng. Tầng lớp quý tộc London vốn không thèm đứng chung cùng hàng ngũ với Nathan, năm lần bảy

⁵⁴ Merchant bank: Ngân hàng chuyên doanh, tư vấn phát hành cổ phiếu, trái phiếu mới, bảo lãnh và tư vấn cho các công ty về sáp nhập, thôn tính và thực hiện nhiều chức năng ngân hàng cho các công ty lớn, giống như ngân hàng đầu tư.

lượt thắng thường từ chối lời mời của anh em dòng họ này. Dù tạo ra thế lực rất mạnh ở Anh, nhưng gia tộc Rothschild luôn có cảm giác của kẻ ngồi “chiếu dưới” vì bị giới quý tộc cô lập. Một nguyên nhân khác khiến Nathan chọn George Peabody vì ông ta là người khiêm tốn nhã nhặn, tư chất khá tốt, lại là người Mỹ, sau này còn có thể dùng vào việc lớn.

Dương nhiên là George Peabody hồ hởi đón nhận lời đề nghị của Nathan. Toàn bộ mọi kinh phí giao tế đều do Nathan chi trả, công ty của George Peabody nhanh chóng trở thành trung tâm giao tế nổi tiếng London. Đặc biệt là ngày 4 tháng 7 hàng năm, tiệc mừng ngày lễ độc lập nước Mỹ đều tổ chức tại nhà George Peabody và trở thành một sự kiện quan trọng trong giới quý tộc London. Đám khách khứa cũng khó mà hình dung nổi, vì sao một doanh nhân hết sức bình thường mấy năm trước lại có thể cang đáng nổi những khoản phí chiêu đãi trong những bữa tiệc hoành tráng và xa xỉ đó.

Mãi đến năm 1854, George Peabody vẫn chỉ là một ông chủ ngân hàng nhỏ với khoản tài sản trị giá một triệu bảng Anh. Tuy nhiên, chỉ trong thời gian 6 năm ngắn ngủi, khối tài sản của vị thương gia này đã đạt mức 20 triệu bảng Anh và biến ông trở thành ông chủ nhà băng có máu mặt ở Mỹ. Trong thời gian diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1857 tại Mỹ do dòng họ Rothschild giật dây, George Peabody dốc hết tiền đầu tư vào trái phiếu đường sắt và công trái Chính phủ Mỹ trong khi các ông chủ nhà băng Anh đột nhiên bán tống bán tháo tất cả trái phiếu có dính dáng đến Mỹ. Cũng trong giai đoạn này, George Peabody lâm vào cảnh khó khăn nghiêm trọng. Điều kỳ lạ là, khi George mấp mé bên bờ vực phá sản, Ngân hàng Anh giống như thiên sứ từ trên trời rơi xuống ngay lập tức cung cấp cho ông ta một khoản vay tín dụng trị giá 800 nghìn bảng Anh. Chính điều này đã giúp George phục hồi nhanh chóng.

Và thế là, chẳng hiểu sao, một người cẩn trọng như George Peabody lại quyết định mua vào một lượng lớn các loại trái phiếu đang bị các nhà đầu tư Mỹ bán đổ bán tháo như rác rưởi. Cuộc khủng hoảng năm 1857 hoàn toàn không giống với cuộc suy thoái năm 1837. Chỉ trong một năm, nền kinh tế Mỹ đã hoàn toàn thoát khỏi bóng mây của sự suy thoái. Kết quả là các loại trái phiếu Mỹ đã giúp ông nhanh chóng trở thành người siêu giàu có – một việc xảy ra tương tự với chiến dịch trái phiếu Anh của Nathan năm 1815 khiến người ta khiếp đảm.

Vì George Peabody không có con nối dõi nên sản nghiệp khổng lồ cũng chẳng có ai thừa kế. Chính vì thế, ông rất khổ tâm và cuối cùng quyết định mời chàng trai trẻ tuổi Junius Morgan nhập hội làm ăn. Sau khi George Peabody nghỉ hưu, Junius Morgan nắm giữ toàn bộ việc làm ăn và đổi tên công ty thành Junius S. Morgan and Company, đổi tên chi nhánh ở Mỹ thành J. P. Morgan and Company. Năm 1869, trong cuộc họp mặt ở London với gia tộc Rothschild, dòng họ Morgan hoàn toàn kế thừa vai trò của George Peabody với gia tộc Rothschild và đưa mối quan hệ hợp tác phát triển lên một tầm cao mới. Năm 1880, J.P Morgan đầu tư một lượng lớn vốn nhằm tổ chức lại hoạt động kinh doanh của công ty đường sắt.

Ngày 5 tháng 2 năm 1891, gia tộc Rothschild và một số nhà ngân hàng khác ở Anh thành lập một tổ chức bí mật lấy tên là “Tập đoàn Hội nghị Bàn tròn”. Ở Mỹ, một tổ chức tương tự cũng được thành lập, đứng đầu chính là dòng họ Morgan. Sau Chiến tranh Thế giới thứ nhất, Tập đoàn hội nghị bàn tròn của Mỹ đổi tên thành “Hội đồng Đối ngoại” (Council on Foreign Relations), còn ở Anh thì đổi thành “Viện Nghiên cứu Quốc tế Hoàng gia Anh” (Royal Institute of International Affairs). Rất nhiều quan chức của Chính phủ hai nước Anh và Mỹ đều là những người được lựa chọn từ hai hiệp hội này.

Năm 1899, J.P Morgan và Drexel đến London tham gia đại hội các nhà tài phiệt ngân hàng quốc tế. Ngay khi trở về, J.P Morgan được chỉ định làm đại diện cao cấp cho lợi ích của dòng họ Rothschild ở Mỹ. Hội nghị London đi đến một thống nhất rằng, các Công ty J.P Morgan (New York), Drexel (Philadelphia), Grenfell (London), Morgan Harjes Cie (Paris), M.M.Warburg Company (Đức) và Mỹ, gắn kết hoàn toàn với dòng họ Rothschild.⁵⁵

Năm 1901, J.P Morgan mua lại Công ty Gang thép Carnegie với giá 500 triệu đô-la, tái cơ cấu toàn bộ tổ chức và biến nó thành Công ty Gang thép Hoa Kỳ (United States Steel Corporation) có giá thị trường hơn 1 tỉ đô-la. J.P Morgan được coi là người giàu nhất trên thế giới thời đó, thế nhưng, căn cứ theo báo cáo của Ủy ban Kinh tế Lâm thời Quốc gia (Temporary National Economic Committee), ông chỉ nắm giữ 9% cổ phần của công ty mình. Xem ra, Morgan với tiếng tăm lừng lẫy vẫn chỉ là một nhân vật diễn trước sân khấu.

⁵⁵ William Guy Carr, *Pawns In The Game*, 1978.

 ROCKEFELLER: VUA DẦU MỎ

John Rockefeller

John Rockefeller cha là một nhân vật ít nhiều gây tranh cãi trong lịch sử nước Mỹ, bị thiên hạ chụp mũ là “người máu lạnh”. Tên tuổi của ông gắn liền với công ty dầu mỏ nổi tiếng thế giới.

Việc buôn bán dầu mỏ của John Rockefeller bắt đầu từ thời kỳ Nội chiến Mỹ (1861 - 1865), và đến năm 1870, khi công ty dầu mỏ được thành lập, quy mô làm ăn của ông vẫn thuộc vào hàng thường thường bậc trung. Sau khi nhận được khoản cho vay cơ bản của Ngân hàng Đô thị Quốc gia Cleveland, trong nháy mắt, dường như Rockefeller đã tìm thấy cảm giác đích thực của mình. Dã tâm cạnh tranh theo luật rừng của nhà tài phiệt này vượt xa sức tưởng tượng của chúng ta. Nhận thấy ngành công nghiệp luyện dầu có triển vọng tốt với mức lợi nhuận ngắn hạn rất cao, nhưng Rockefeller cũng đồng thời nhìn ra một sự thật hiển nhiên: Sự cạnh tranh trong lĩnh vực này diễn ra kịch liệt mà không có kiểm soát, vì thế, sớm hay muộn, các doanh nghiệp tham gia vào cuộc chơi này cũng sẽ rơi vào cảnh cạnh tranh theo kiểu tự sát. Và để tồn tại, chỉ có duy nhất một cách: tiêu diệt đối thủ cạnh tranh bằng mọi giá, không từ bất cứ thủ đoạn nào.

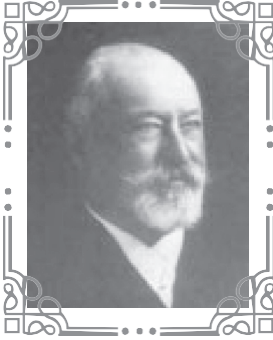
Trước hết, Rockefeller khống chế công ty trung gian nhưng không cho ai biết rằng mình đã đề xuất mua lại đối thủ cạnh tranh với giá thấp. Nếu cự tuyệt, đối thủ cạnh tranh phải đối mặt với cuộc chiến giá cả thảm khốc, cho đến khi phủ phục hoặc phá sản mới thôi. Nếu không hiệu quả, sau cùng Rockefeller sẽ sử dụng đến chiêu sở trường của mình – bạo lực: đánh công nhân của đối thủ cạnh tranh, phóng hỏa thiêu rụi nhà xưởng của đối thủ. Sau mấy hiệp như vậy, số đối

thủ may mắn sống sót chỉ còn đếm trên đầu ngón tay. Tuy gây nên sự căm phẫn trong giới kinh doanh, nhưng hành vi lũng đoạn này của Rockefeller cũng đem lại hứng thú cao độ cho các nhà tài phiệt ngân hàng ở New York.

Dòng họ Rothschild vẫn muốn tìm mọi cách khống chế nước Mỹ đang ngày càng lớn mạnh. Tuy nhiên, những mảnh khoe của gia tộc này đều thất bại. Việc khống chế một quốc vương ở châu Âu đơn giản hơn rất nhiều so với việc khống chế một Chính phủ dân cử. Sau cuộc nội chiến của Mỹ, dòng họ Rothschild bắt đầu sắp xếp kế hoạch khống chế Mỹ. Về tài chính đã có Công ty Morgan và Kuhn, Loeb & Co., còn trong giới công nghiệp vẫn chưa có ai thích hợp. Những gì mà Rockefeller làm như thổi lên một tia hy vọng cho dòng họ Rothschild. Nếu được tiếp thêm một lượng tài chính lớn thì thực lực của nhà Rockefeller sẽ vượt rất xa so với một vùng Cleveland nhỏ.

Rothschild cử Jacob Schiff của Kuhn, Loeb & Co. – một chiến lược gia quan trọng nhất của họ về tài chính ở Mỹ – tham gia vào kế hoạch này. Năm 1875, Jacob Schiff thân chinh đến Cleveland để chỉ cho Rockefeller cách thức triển khai các bước tiếp theo trong kế hoạch khống chế nước Mỹ. Cùng với sự xuất hiện của Jacob Schiff, một điều may mắn khác cũng đến với Rockefeller mà có nằm mơ ông ta cũng không dám nghĩ đến: thông qua Ngân hàng Morgan và Kuhn, Loeb & Co., Rothschild khống chế 95% thị phần vận chuyển đường sắt Mỹ, đồng thời Jacob Schiff đang có dự định thành lập Công ty South Improvement Company nhằm cung cấp dịch vụ vận chuyển giá rẻ cho công ty dầu mỏ của Rockefeller. Dưới sự khống chế giá cước vận chuyển này, chẳng có mấy công ty luyện dầu có thể tiếp tục sinh tồn. Rất nhanh chóng, Rockefeller đã lũng đoạn hoàn toàn ngành dầu mỏ của Mỹ, trở thành “Vua dầu mỏ” thật sự cả về nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

JACOB SCHIFF: CHIẾN LƯỢC GIA TÀI CHÍNH CỦA ROTHSCHILD



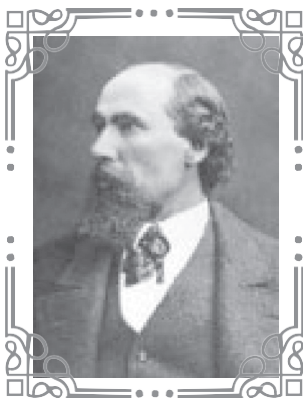
Jacob Schiff

Mối quan hệ mật thiết giữa hai dòng họ Rothschild và Schiff có lẽ phải truy ngược về năm 1785, khi Rothschild cha chuyển đến một tòa dinh thự năm tầng ở Frankfurt, và trong nhiều năm liền sống chung với dòng họ Schiff. Cùng là các nhà tài phiệt ngân hàng gốc Do Thái ở Đức nên hai dòng họ này có mối quan hệ hữu hảo kéo dài hàng trăm năm.

Năm 1865, tròn 18 tuổi, Jacob Schiff đến Mỹ sau một thời gian thực tập ở Ngân hàng Rothschild (Anh). Sau khi Tổng thống Lincoln bị ám sát, Jacob làm kế toán cho các ngân hàng châu Âu ở Mỹ, đồng thời thúc đẩy việc xây dựng chế độ ngân hàng trung ương tư hữu của Mỹ. Một mục đích khác của Jacob chính là phát hiện, bồi dưỡng kiến thức cho đại diện của Ngân hàng châu Âu, dẫn dắt họ gia nhập vào các vị trí quan trọng như Chính phủ, tòa án, ngân hàng, công nghiệp, để chờ thời cơ.

Ngày 1 tháng 1 năm 1875, Jacob liên kết với Kuhn, Loeb & Co. và trở thành thành viên chủ chốt của công ty. Dưới sự ủng hộ của đế chế Rothschild hùng mạnh, cuối cùng Kuhn, Loeb & Co. đã trở thành một trong những ngân hàng đầu tư nổi tiếng nhất cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX.

JAMES JEROME HILL: VUA ĐƯỜNG SẮT



Jame J. Hill

Xây dựng đường sắt là ngành công nghiệp quan trọng đòi hỏi nguồn tài chính lớn. Sự phát triển của ngành công nghiệp đường sắt khổng lồ tại Mỹ chủ yếu dựa vào nguồn tiền từ thị trường vốn của Anh và các quốc gia khác ở châu Âu. Khống chế việc phát hành trái phiếu đường sắt Mỹ ở châu Âu chính là thủ đoạn của các nhà tài phiệt nhằm nắm giữ số phận của ngành công nghiệp này.

Năm 1873, các nhà tài phiệt ngân hàng quốc tế đột ngột siết chặt nguồn tài chính đối với Mỹ đồng thời bán tháo trái phiếu của nước này. Điều đó khiến cho trái phiếu đường sắt Mỹ lâm vào cảnh chợ chiều. Ngay khi cuộc khủng hoảng kết thúc năm 1879, gia tộc Rothschild lập tức trở thành chủ nợ lớn nhất của ngành đường sắt Mỹ. Chỉ cần cao hứng một chút, nhà tài phiệt này có thể bóp chết mạch máu tài chính của bất cứ công ty đường sắt nào của Mỹ. Trong bối cảnh đó, James Jerome Hill – một thương gia khởi nghiệp với nghề vận chuyển đường sắt bằng hơi nước và than đá – buộc lòng phải đầu quân dưới trướng của các nhà tài chính để có thể sinh tồn và lớn mạnh trong sự cạnh tranh khốc liệt của ngành đường sắt. Morgan chính là chỗ dựa tài chính đối với ông ta. Với sự ủng hộ của Morgan, James Jerome Hill thực hiện kế hoạch thôn tính hàng loạt công ty đường sắt đang lâm vào cảnh phá sản sau cuộc khủng hoảng năm 1873.

Đến năm 1893, giấc mơ nắm giữ ngành đường sắt xuyên Mỹ của James Jerome Hill cuối cùng đã trở thành hiện thực. Khi tranh giành

quyền khống chế đường sắt miền Tây, James Jerome Hill gặp phải một đối thủ rất mạnh – Liên hiệp Đường sắt Thái Bình Dương (Union Pacific Railroad) do Tập đoàn Tài chính Rockefeller đỡ đầu. Liên hiệp này bất ngờ tấn công ông trùm vận tải đường sắt bằng việc bí mật thu mua cổ phiếu của Công ty Northern Pacific do James J. Hill kiểm soát. Khi phát hiện ra vấn đề thì James J. Hill đã sắp mất quyền kiểm soát công ty. Ông ta lập tức cầu viện khẩn cấp nhà tài phiệt Morgan lúc này đang trong kỳ nghỉ mát ở châu Âu. Morgan ra lệnh cho thuộc hạ phản kích lại sự khiêu chiến của Rockefeller. Trong một thời gian dài, thị trường cổ phiếu Phố Wall như lên cơn sốt, nhà đầu tư tranh nhau mua cổ phiếu của Công ty Đường sắt Northern Pacific như “ăn mỳ cướp cháo thí” khiến giá cổ phiếu có khi nhảy lên mức 1.000 đô-la.

Hai con hổ đánh nhau ắt có con bị thương, cuối cùng các nhà tài phiệt ngân hàng quốc tế buộc phải điều đình. Kết quả là, thành lập nên Công ty Cổ phần Chứng khoán miền Bắc (Northern Securities Company), hai con hổ cùng nhau kiểm soát ngành vận chuyển đường sắt Bắc Mỹ. Ngay trong ngày thành lập công ty, Tổng thống McKinley bị ám sát, Phó Tổng thống Roosevelt cha lên kế nhiệm. Dưới sự phản đối quyết liệt của Roosevelt cha, Công ty Chứng khoán miền Bắc bị *Đạo luật chống độc quyền* – đạo luật được Quốc hội Mỹ thông qua năm 1890 – cưỡng chế giải thể. Sau đó, James Jerome Hill quay hướng đầu tư về miền Nam, nuốt gọn ngành vận chuyển đường sắt từ Colorado thẳng đến Texas. Đến khi qua đời vào năm 1916, James Jerome Hill đã tích góp được khối tài sản lên đến 53 triệu đô-la.



ANH EM NHÀ WARBURG

Năm 1902, hai anh em Paul và Felix từ Frankfurt (Đức) di cư sang Mỹ. Hai chàng trai này xuất thân trong một gia đình có truyền thống về nghề ngân hàng, rất tinh thông trong lĩnh vực này, đặc biệt là Paul, người được gọi là cao thủ trong giới tài chính thời đó. Rothschild tỏ ra rất xem trọng tài năng của Paul nên đã đặc phái hai anh em từ ngân hàng của dòng họ Warburg (M.M.Warburg and Co.) đến Mỹ vốn lúc này đang rất cần nhân tài.

Lúc này, dòng họ Rothschild thúc đẩy kế hoạch ngân hàng trung ương tư hữu ở Mỹ đã gần cả trăm năm, sứt sùi nhiều phen mà chưa được như ý. Lần này, Paul sẽ đảm nhận nhiệm vụ chủ công. Đến Mỹ một thời gian, Paul kết giao với Kuhn, Loeb & Co. của Jacob Schiff, đồng thời cưới con gái của vợ chồng Schiff, còn Felix cũng cưới một cô con gái khác của Schiff.

Colonel Ely Garrison – cố vấn tài chính suốt hai đời Tổng thống Roosevelt (cha) và Wilson nhận xét rằng, “Aldrich đang gặp phải sự phản đối trên toàn quốc, chính ngài Paul Warburg đã cơ cấu lại đề án Cục Dự trữ Liên bang Mỹ. Trí tuệ thiên tài đằng sau kế hoạch này đều bắt nguồn từ Alfred Rothschild của London.”⁵⁶

⁵⁶ Eustace Mullins, *The Secrets of the Federal Reserve*, John McLaughlin, 1993.

TUYẾN TIỀN TIÊU CỦA VIỆC XÂY DỰNG CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG MỸ: CUỘC KHỦNG HOẢNG NGÂN HÀNG NĂM 1907

Năm 1903, Paul đem cương lĩnh hành động với các chỉ dẫn cách thức áp dụng những “kinh nghiệm tiên tiến” của các ngân hàng trung ương châu Âu đến nước Mỹ và trao cho Jacob Schiff. Sau đó, tài liệu này được gửi đến James Stillman – CEO của National Citi Bank (sau này là Ngân hàng Hoa Kỳ) và nhóm các nhà ngân hàng của New York. Mọi người đều cảm thấy như được khai sáng nhờ tư tưởng của Paul.

Vấn đề là sự phản đối của dân chúng đối với ngân hàng trung ương tư nhân tăng lên rất mạnh. Giới công nghiệp cũng như chủ các doanh nghiệp vừa và nhỏ rất ác cảm với các nhà tài phiệt ngân hàng New York. Bất cứ đề án nào có liên quan đến ngân hàng trung ương tư nhân do các nhà tài phiệt ngân hàng đề xuất đều bị các nghị sĩ Quốc hội tránh né giống như tránh bệnh truyền nhiễm. Trong bầu không khí khó chịu mang đậm tính chính trị như vậy, việc thông qua đề án ngân hàng trung ương nhằm tạo ra lợi thế cho các nhà tài phiệt ngân hàng quả thật là một điều vô cùng khó khăn.

Để xoay chuyển tình thế bất lợi, khởi động một cuộc khủng hoảng tài chính khổng lồ là điều cần nghĩ đến. Trước hết, trong dư luận bắt đầu xuất hiện những khái niệm tài chính mới. Ngày 6 tháng 1 năm 1907, Paul công bố một bài viết với tiêu đề *Khuyết điểm và Nhu cầu của hệ thống ngân hàng chúng ta* (Defects and Needs of Our Banking System), Paul trở thành người cổ súy hàng đầu cho chế độ ngân hàng trung ương ở Mỹ. Không lâu sau đó, tại hội nghị dành cho các thương gia New York, Jacob Schiff tuyên bố rằng “nếu không đủ sức kiểm soát nguồn vốn tín dụng, ngân hàng trung ương của chúng ta sẽ phải trải qua một cuộc khủng hoảng tài chính ghê gớm với tầm ảnh hưởng sâu rộng nhất.”⁵⁷

⁵⁷ Paul Warburg, *Defects and Needs of Our Banking System*, 1907.

Giống như thời kỳ 1837, 1857, 1873, 1884 và 1893, các nhà tài phiệt ngân hàng sớm nhìn ra hiện tượng bong bóng xuất hiện trong sự phát triển quá nóng của nền kinh tế. Đây cũng là kết quả tất yếu của việc không ngừng nối lỏng vòng quay lưu chuyển tiền tệ. Nói một cách hình tượng, toàn bộ quá trình này giống như việc nuôi cá trong hồ. Việc chế nước vào hồ cá cũng giống như chuyện nối lỏng vòng quay lưu chuyển tiền tệ hay bơm một lượng lớn tiền vào nền kinh tế. Sau khi một lượng lớn tiền được bơm vào, dưới sự mê hoặc của tiền bạc, các ngành các giới bắt đầu ngày đêm khổ sở, nỗ lực sáng tạo ra của cải, quá trình này giống như cá trong hồ ra sức hấp thụ các chất dinh dưỡng để ngày càng béo mập. Nhận thấy thời cơ chín muồi, các nhà ngân hàng sẽ đột ngột siết chặt vòng quay lưu chuyển tiền tệ, rút cạn nước trong hồ, phần lớn cá trong hồ lúc này chỉ biết tuyệt vọng chờ đợi giây phút bị tóm gọn.

Nhưng chỉ có các ông trùm ngân hàng lớn nhất mới biết đâu là thời điểm bắt đầu hút nước vớt cá. Ngay sau khi một quốc gia thành lập chế độ ngân hàng trung ương tư nhân, việc kiểm soát quá trình rút nước hốt cá của đám tài phiệt ngân hàng lại càng trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết. Quy trình phát triển, suy thoái kinh tế, tích lũy và bốc hơi tài sản đều là kết quả tất yếu từ việc “nuôi dưỡng” một cách khoa học của các nhà ngân hàng.

Morgan và các nhà tài phiệt ngân hàng quốc tế sau lưng ông ta đã dự tính chính xác thành quả của cơn bão táp tài chính lần này. Trước hết là trò “rung cây dọa khỉ”, làm chấn động xã hội Mỹ, để “thực tế” chỉ rõ rằng một xã hội không có ngân hàng trung ương sẽ yếu ớt đến thế nào. Tiếp đến là trò bóp nghẹt và sáp nhập các đối thủ cạnh tranh vừa và nhỏ, đặc biệt là những công ty đầu tư ủy thác mua bán, khiến các nhà ngân hàng cảm thấy khó chịu.

Các công ty đầu tư ủy thác thời đó đang nắm giữ nhiều nghiệp vụ mà ngân hàng không thể có, trong khi đó, Chính phủ lại hết sức thông thoáng về mặt quản lý khiến cho các công ty đầu tư ủy thác ra

tay thu hút nguồn vốn xã hội và đầu tư vào các ngành nghề có rủi ro cao hay thị trường cổ phiếu. Đến khi cuộc khủng hoảng bùng phát vào tháng 10 năm 1907, khoảng một nửa các khoản gửi ngân hàng ở New York đều bị các công ty đầu tư ủy thác gán nợ với lãi suất cao để đầu tư vào thị trường cổ phiếu và công trái có mức rủi ro cao. Cả thị trường tài chính rơi vào trạng thái đầu cơ tột độ.

Trong suốt mấy tháng trước thời điểm này, Morgan liên tục đi “nghỉ mát” giữa London và Paris. Theo sự hoạch định công phu của các nhà tài chính quốc tế, Morgan trở về Mỹ. Không lâu sau, New York bỗng nhiên có tin đồn rằng Knickerbocker Trust – một công ty ủy thác mua bán lớn thứ ba nước Mỹ – sắp phá sản. Lời đồn đại như vi-rút độc hại lan ra khắp New York với tốc độ chóng mặt. Những người có tài khoản tiết kiệm ở ngân hàng vô cùng hoảng sợ chen chúc nhau xếp hàng thâu đêm suốt sáng trước cửa các công ty ủy thác để chờ rút hết tiền trong tài khoản của họ. Còn ngân hàng thì yêu cầu các công ty ủy thác này phải lập tức hoàn nợ. Do phải đối mặt với sức ép từ hai phía nên các công ty đầu tư ủy thác chỉ còn biết cách vay ký quỹ thị trường cổ phiếu (Margin Loan)⁵⁸, lãi suất vay trong nháy mắt nhảy lên mức 150%. Đến ngày 24 tháng 10, giao dịch thị trường cổ phiếu hầu như rơi vào trạng thái đóng băng.

Lúc này, Morgan xuất hiện với bộ mặt của một vị chúa cứu thế. Vị Chủ tịch Sở Giao dịch Chứng khoán New York tìm đến phòng làm việc của Morgan cầu cứu. Với giọng run rẩy, ông ta cho Morgan biết rằng, nếu trước ba giờ chiều mà không thể tập trung đủ 25 triệu đô-la thì ít nhất 50 doanh nghiệp sẽ phá sản, và ngoài việc đóng cửa Sở Giao dịch ra, ông ta không còn lựa chọn nào khác. Hai giờ chiều, Morgan triệu tập khẩn cấp hội nghị các nhà ngân hàng, và trong vòng 16 phút, các nhà ngân hàng đã gom đủ tiền. Morgan lập tức cho người đến Sở Giao dịch Chứng khoán tuyên bố sẽ mở rộng biên

⁵⁸ Vay ký quỹ (Margin Loan): Các nhà đầu tư mua cổ phiếu có sử dụng hạn mức tín dụng do công ty chứng khoán cung cấp. Nó được đảm bảo bằng một phần tiền ứng trước của người mua hoặc thế chấp bằng chính cổ phiếu được mua.

độ cho vay với lãi suất 10%, cả Sở Giao dịch ngay tức khắc vang lên một tràng hoan hô. Chỉ trong một ngày, nguồn vốn cứu trợ khẩn cấp đã hết veo, lãi suất lại bắt đầu sốt mạnh. Tám ngân hàng và công ty ủy thác mua bán phải đóng cửa. Morgan vội tìm đến ngân hàng Thanh toán New York, yêu cầu phát hành ngân phiếu định mức – một nguồn tiền tạm thời – để ứng phó với sự thiếu hụt tiền mặt nghiêm trọng.

Thứ Bảy ngày 2 tháng 11, Morgan bắt đầu triển khai kế hoạch mà ông đã nung nấu từ lâu nhằm cứu vãn Công ty Moore and Schley đang chao đảo trong mưa gió. Công ty này lún sâu vào khoản nợ 25 triệu đô-la, sắp phải đóng cửa. Nhưng nó lại là chủ nợ chính của Tennessee Coal and Iron Company, và nếu Moore and Schley phải tuyên bố phá sản thì thị trường cổ phiếu New York sẽ hoàn toàn sụp đổ, hậu quả liên quan sẽ khó lường hết. Morgan cho mời tất cả các nhân vật tai to mặt lớn trong giới tài chính New York đến thư viện của ông. Các nhà ngân hàng thương mại được bố trí ngồi trong phòng sách phía đông, trong khi ông tổng của công ty ủy thác mua bán tọa ở phòng sách phía tây, còn các nhà tài chính đứng ngồi không yên và đang lo cho số phận của mình thì Morgan sắp xếp một phòng riêng.

Morgan thừa biết rằng nguồn tài nguyên khoáng sản và than đá của các bang Alabama, Georgia thuộc quyền nắm giữ của Tennessee Coal and Iron Company sẽ giúp tăng cường vị thế bá chủ gang thép do Morgan dựng nên. Dưới sự khống chế của pháp lệnh chống lũng đoạn, Morgan không thể nuốt trôi miếng mồi béo bở này, trong khi cuộc khủng hoảng lần này đem đến cho ông ta một cơ hội hiếm có. Điều kiện của Morgan là, để cứu vãn Tennessee Coal and Iron Company cũng như cả ngành ủy thác mua bán, các công ty ủy thác mua bán cần phải huy động nguồn vốn 25 triệu đô-la đồng thời mua lại quyền nợ của Công ty Khai khoáng và Luyện thép Tennessee từ tay Moore và Schley. Cuối cùng, dưới áp lực phá sản cận kề và sự mệt mỏi do lo nghĩ, các ông chủ của các công ty đầu tư phải đầu hàng Morgan.

Thâu tóm được miếng mồi béo là Công ty Tennessee Coal and Iron, Morgan vui mừng khôn xiết, nhưng vẫn còn một cửa ải cuối cùng phải vượt qua – Tổng thống Roosevelt (cha), người luôn luôn phản đối tình trạng lũng đoạn. Tối Chủ nhật ngày 3 tháng 11, Morgan phái người đến Washington ngay trong đêm với nhiệm vụ phải lấy được phê chuẩn của Tổng thống trước khi thị trường cổ phiếu mở cửa vào sáng thứ Hai. Ngân hàng khủng hoảng, hàng loạt doanh nghiệp đóng cửa, người dân tức giận vì mất đi tất cả của cải. Điều này tạo nên sự khủng hoảng trong chính quyền khiến Roosevelt (cha) không thể không dựa vào sức mạnh của Morgan để ổn định đại cuộc, trong thời khắc cuối cùng, ông ta đã buộc phải đặt bút ký vào bản hạ thành liên minh. Chỉ còn 5 phút nữa là đến giờ thị trường cổ phiếu ngày thứ Hai mở cửa! Tin tức nhanh chóng lan khắp thị trường New York.

Morgan mua lại Tennessee Coal and Iron với giá siêu rẻ 45 triệu đô-la, trong khi giá trị thực của công ty này theo tính toán của John Moody ít nhất cũng khoảng 1 tỉ đô-la.⁵⁹ Mỗi một cuộc khủng hoảng tài chính đều là sự định hướng chính xác từ những âm mưu đã nung nấu từ lâu. Lâu đài tài chính mới tinh nguy nga rực rỡ luôn được xây trên đồng hoang tàn đổ nát của hàng ngàn hàng vạn người phá sản.

⁵⁹ Ron Chernow, *The House of Morgan*, Groove Press, 1990.

TỪ CHẾ ĐỘ BẢN VỊ VÀNG ĐẾN TIỀN GIẤY - BƯỚC CHUYỂN LỚN TRONG THẾ GIỚI QUAN CỦA CÁC NHÀ TÀI PHIỆT NGÂN HÀNG

Từ cuối thế kỷ XIX, trong nhận thức của các nhà ngân hàng quốc tế đối với tiền bạc lại có thêm một sự khác biệt mới.

Châu Âu bước sang thế kỷ XX, các nhà tài phiệt ngân hàng tìm ra một thể chế tiền tệ pháp định hiệu quả cao hơn và cũng phức tạp hơn. Tiền tệ pháp định thoát ly triệt để khỏi sự khống chế cứng rắn của vàng và bạc đối với tổng lượng tiền cho vay, khiến cho việc kiểm soát và chi phối tiền tệ càng thêm mềm dẻo nhưng cũng kín đáo hơn. Trong khi hiểu rằng lợi ích thu được từ việc tăng cường cung ứng tiền tệ vô hạn tổn thất hơn rất nhiều so với lợi tức các khoản vay mà lạm phát tiền tệ đem lại, các nhà ngân hàng bèn lập tức trở thành những người ủng hộ cuồng nhiệt nhất cho tiền tệ pháp định. Bằng việc phát hành thêm tiền với tốc độ nhanh mạnh, các nhà ngân hàng từng bước tước đoạt toàn bộ của cải giá trị nhất của dân chúng trên cả nước, mà so với phương thức ngân hàng cưỡng chế phát mãi tài sản của người khác, lạm phát tiền tệ “văn minh” hơn nhiều, đồng thời cũng ít gặp phải sự kháng cự của người dân hơn, thậm chí còn khó mà phát hiện ra.

Với sự tài trợ của các nhà tài phiệt ngân hàng, các nghiên cứu kinh tế học về lạm phát tiền tệ dần chuyển hướng sang quỹ đạo của trò chơi số học đơn thuần. Khái niệm lạm phát tiền tệ (Currency Inflation) do việc phát hành thêm tiền giấy gây nên hoàn toàn bị lý luận lạm phát giá cả (Price Inflation) che khuất. Lúc này, ngoài chế độ dự trữ vàng cục bộ (Fractional Reserve) cũng như việc cắt đứt mối quan hệ giữa tiền tệ và trái phiếu quốc gia, các nhà ngân hàng lại có thêm một công cụ lợi hại hơn: lạm phát tiền tệ. Từ đây, các nhà

ngân hàng thực hiện sự chuyển biến đầy kịch tính từ người bảo vệ vàng trở thành kẻ thù không đội trời chung đối với vàng.

Nhận xét của Keynes đối với nạn lạm phát tiền tệ có thể nói là vô cùng sắc bén: “Áp dụng biện pháp này, Chính phủ có thể tận thu toàn bộ của cải của người dân một cách bí mật mà khó bị phát giác, trong một triệu người thật khó có một người có thể phát hiện ra hành vi ăn cắp này.”

Nói một cách chính xác thì biện pháp này không phải do Cục Dự trữ Liên bang thực hiện mà là Chính phủ.

CUỘC TRANH CỬ TỔNG THỐNG NĂM 1912



Thứ Ba, vị Hiệu trưởng của Trường Đại học Princeton sẽ trúng cử Thống đốc bang New Jersey của các bạn. Tháng 11 năm 1912, ông ta đắc cử Tổng thống Hoa Kỳ. Tháng 3 năm 1917, ông ta tiếp tục tái đắc cử thêm một nhiệm kỳ nữa. Và đó sẽ là một trong những Tổng thống vĩ đại nhất trong lịch sử Hoa Kỳ



BÀI PHÁT BIỂU CỦA RABBI STEPHEN Ở NEW JERSEY NĂM 1910

Wise – người sau này trở thành cố vấn thân cận của Tổng thống Wilson – có thể dự đoán chính xác kết quả cuộc tranh cử Tổng thống trước hai năm, thậm chí là kết quả bầu cử thống đốc của sáu năm sau, hoàn toàn không phải vì trong tay ông ta thật sự có một quả cầu thần kỳ của các phù thủy, mà bởi vì mọi việc đều là kế hoạch đã được các nhà tài phiệt ngân hàng vạch sẵn.

Đúng như dự tính của các nhà ngân hàng quốc tế, cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1907 đã gây chấn động rất lớn đến xã hội Mỹ. Sự phẫn nộ của dân chúng với công ty đầu tư ủy thác, sự hoang mang với việc đóng cửa của các ngân hàng, sự dè chừng và sợ hãi với thế lực của các ông trùm tài chính Phố Wall hòa vào nhau tạo thành trào lưu phản đối mạnh mẽ mọi sự lũng đoạn tài chính và cuốn cả nước Mỹ vào cuộc.

Woodrow Wilson – Hiệu trưởng trường Đại học Princeton – chính là một nhân vật sục sôi phản đối sự lũng đoạn tài chính đó. Frank Vanderlip – Chủ tịch National City Bank đã từng nói rằng: “Tôi viết

thư mời Woodrow Wilson – Hiệu trưởng trường Đại học Princeton tham gia một buổi dạ tiệc và phát biểu diễn thuyết. Để ông ta biết đây là một cơ hội trọng đại, tôi nói rằng Thượng nghị sĩ Aldrich cũng phải đến tham dự và phát biểu diễn thuyết. Câu trả lời của tiến sĩ Wilson đã khiến tôi kinh ngạc. Ông ta thẳng thừng từ chối phát biểu diễn thuyết chung với Thượng nghị sĩ Aldrich.”⁶⁰

Thượng nghị sĩ Aldrich là người rất có thể lực với 40 năm làm việc trong Quốc hội nhưng có đến 36 năm là Thượng nghị sĩ, lại là Chủ tịch Ủy ban tài chính thượng viện có quyền lực rất lớn, bản thân là cha vợ của Johan Rockefeller con, có mối qua lại vô cùng mật thiết với giới ngân hàng Phố Wall. Năm 1908, ông ta đề nghị rằng, trong tình huống khẩn cấp, ngân hàng có thể phát hành tiền tệ, và dùng trái phiếu của Chính phủ liên bang, Chính quyền bang và Chính quyền địa phương cùng với trái phiếu đường sắt làm tài sản thế chấp. Thú vị thật, rủi ro đã có Chính phủ và người dân căng đáng, còn chỗ ngon lành thì các nhà tài phiệt ngân hàng hưởng cả. Điều này khiến người ta không thể không bài phục thủ đoạn của Phố Wall. Cái đề án này được gọi là “Đạo luật tiền tệ khẩn cấp” (Emergency Currency Act), và trở thành cơ sở lập pháp cho đề án Cục Dự trữ Liên bang Mỹ 5 năm sau đó. Thượng nghị sĩ Aldrich được coi là người phát ngôn của Phố Wall.

Woodrow Wilson tốt nghiệp Đại học Princeton năm 1879, sau đó học thêm ngành luật ở Đại học Virginia và bảo vệ thành công luận án tiến sĩ ở Đại học John Hopkins vào năm 1886. Năm 1902, Wilson chính thức trở thành Hiệu trưởng Đại học Princeton. Với học vấn uyên thâm, ông luôn phản đối mạnh mẽ sự lũng đoạn tài chính, và đương nhiên là không muốn gần gũi với người phát ngôn của các trùm tài chính. Mặc dù học cao hiểu rộng và có một trái tim bác ái, song, vị Hiệu trưởng trường Đại học Princeton cũng khó mà hiểu hết được kỹ xảo kiếm tiền của các nhà tài phiệt ngân hàng Phố Wall.

⁶⁰ Antony C. Sutton, *The Federal Reserve Conspiracy*, Tab Books, 1995.

Đám tài phiệt ngân hàng hiểu rõ, Wilson là một người nổi tiếng chuyên phản đối sự lũng đoạn tài chính, một nhân tài với hình tượng trong sáng, và đó quả thật là một viên ngọc thuần khiết. Vì thế, các ông trùm nhà băng ngấm ngấm đổ tiền đầu tư vào Wilson, ra sức “đeo gọt” hồng dùng ông vào việc lớn.

Cũng may là Cleveland Dodge – Chủ tịch Ngân hàng Đô thị Quốc gia New York lại là bạn học của Wilson ở Đại học Princeton. Năm 1902, việc Wilson nhậm chức Hiệu trưởng Đại học Princeton một cách thuận lợi chính là kết quả của sự hỗ trợ to lớn về tài chính của Dodge. Có một mối quan hệ không đơn giản như vậy, dưới sự sắp đặt của các nhà tài phiệt ngân hàng, Dodge bắt đầu loan tin ở Phố Wall rằng Wilson được dự đoán sẽ trở thành Tổng thống tương lai.

Mới nhậm chức Hiệu trưởng mấy năm mà Wilson đột nhiên được người khác tung hô mình là tổng thống tương lai. Và việc Wilson thấy mừng âu cũng là chuyện thường tình. Đương nhiên, những việc kiểu như vậy luôn phải trả giá. Wilson bắt đầu quay lưng với phong trào phản đối lũng đoạn tài chính và xích gần lại với Phố Wall. Quả nhiên, dưới sự ủng hộ của các ông chủ Phố Wall, năm 1910, Wilson nhanh chóng trở thành Thống đốc bang New Jersey.

Bề ngoài, Wilson vẫn nghiêm khắc chỉ trích Phố Wall lũng đoạn tài chính cho dù thực tế trong lòng ông ta cũng hiểu rằng địa vị và tiền đồ chính trị của ông ta sẽ phải hoàn toàn dựa vào thế lực của các nhà tài phiệt ngân hàng. Còn đám tài phiệt thì ra bộ khoan dung và kiềm chế một cách lạ thường trước sự đả kích của Wilson. Dường như hai bên đã duy trì một sự ngầm hiểu khéo léo mà chẳng cần phải nói ra.

Trong khi uy tín và thanh danh của Wilson ngày càng lên cao, các nhà tài phiệt ngân hàng trống đồng cờ mở nhằm gây quỹ tranh cử Tổng thống cho ông. Dodge thành lập một văn phòng quyên quỹ tranh cử cho Wilson tại số 42 đại lộ Broadway New York, mở tài khoản ngân hàng, đồng thời đóng góp một tấm chi phiếu trị giá

1.000 đô-la. Bằng phương thức chuyển phát nhanh, Dodge đã quyền góp được một khoản kinh phí cực lớn, và 2/3 số kinh phí đó đều do 7 nhà tài phiệt ngân hàng lớn nhất Phố Wall đóng góp.

Sau khi được đề cử Tổng thống, trong niềm vui khó kiềm chế nổi, Wilson viết thư cho Dodge và nói rằng “Thật không thể tưởng tượng niềm vui của tôi.” Từ đây, Wilson đã hoàn toàn dốc sức cho hoài bão của các nhà tài phiệt ngân hàng. Với tư cách là người tham gia tranh cử của Đảng Dân chủ, Wilson mang trên vai mình trọng trách cùng niềm hy vọng vô cùng của Đảng này. Cơn khát quyền lực của Đảng Dân chủ vốn đánh mất chiếc ghế Tổng thống trong nhiều năm cũng chẳng khác gì cơn khát của Wilson.

Thách thức lớn nhất lúc này của Wilson chính là đương kim Tổng thống Taft. Chưa có nhiều người biết Wilson, nên rõ ràng Taft có lợi thế hơn rất nhiều. Taft đang tự tin chuẩn bị bước vào nhiệm kỳ thứ hai và tỏ ý chưa sẵn sàng bật đèn xanh cho đạo luật của Aldrich thì một sự việc kỳ lạ chưa từng thấy đã xảy ra: cựu Tổng thống Roosevelt (cha) – người tiền nhiệm của Taft đột nhiên chen ngang để tham gia tranh cử Tổng thống. Thật là họa vô đơn chí cho Taft của Đảng Cộng hòa lẫn người “thay ca” do Roosevelt (cha) lựa chọn. Năm đó, nhờ ép buộc cơ quan chứng khoán miền Bắc giải thể mà Roosevelt (cha) trở nên nổi tiếng. Ông được tiếng là cương quyết với nạn lũng đoạn, và sự xuất hiện đột ngột của ông sẽ xâm hại nghiêm trọng lên phiếu bầu của Taft.

Trên thực tế, sau lưng của ba ứng cử viên này đều có sự ủng hộ của các nhà tài phiệt ngân hàng. Dưới sự dàn xếp của Phố Wall, Roosevelt (cha) quả nhiên “không cẩn thận” đã gây hại nặng nề cho Taft, khiến Wilson trúng cử thuận lợi. Màn kịch này tuy khúc điệu có khác nhưng cách diễn thì lại hay như màn kịch của năm 1992, khi Bush bị Perry cướp mất một lượng lớn phiếu bầu dẫn đến thất bại bất ngờ trước đối thủ mới Clinton.



KẾ HOẠCH B

Với sự sắp đặt hết sức cơ mật và linh cảm nghề nghiệp vượt trội, các ông trùm ngân hàng ở đảo Jekyll chuẩn bị sẵn hai kế hoạch. Kế hoạch thứ nhất chính là kế hoạch do Thượng nghị sĩ Nelson Aldrich chủ trì, chịu trách nhiệm tấn công nghị binh, để thu hút hòa lực của phía phản đối, Đảng Cộng hòa là phe ủng hộ kế hoạch Aldrich. Một phương án khác được gọi là “Kế hoạch B” mới là hướng tấn công chính thực sự, đây chính là Đạo luật Cục Dự trữ Liên bang Mỹ sau này, còn Đảng Dân chủ là lực lượng ủng hộ chủ yếu.

Thực ra, cả hai kế hoạch này không có sự khác nhau về bản chất, chỉ có cách diễn đạt là khác nhau mà thôi.

Cuộc tranh cử Tổng thống cũng được phát triển xoay quanh mục tiêu hạt nhân này. Mối quan hệ giữa Thượng nghị sĩ Aldrich với Phố Wall là chuyện ai ai cũng biết. Trong bầu không khí phản đối Phố Wall mạnh mẽ phủ rộng khắp nước, đạo luật cải cách tài chính do ông đề xuất tất nhiên là thất bại. Còn Đảng Dân chủ rời xa trung tâm quyền lực đã lâu, luôn đóng vai phê phán kịch liệt sự lũng đoạn tài chính. Thêm vào đó là hình ảnh tươi mới của Wilson. Tất cả những điều này khiến cho Đạo luật Cục Dự trữ Liên bang Mỹ do Đảng Dân chủ ủng hộ có cơ hội được thông qua. Bằng một thiết kế khéo léo tạo ra cuộc khủng hoảng năm 1907, họ buộc cả hai đảng nhận ra rằng, cần phải cải cách thể chế tài chính, xuôi theo ý dân. Lúc này các nhà ngân hàng phải hy sinh Đảng Cộng hòa, và chuyện ủng hộ Đảng Dân chủ tất nhiên là việc làm hết sức logic.

Để tiến thêm một bước trong việc mị dân, các nhà tài phiệt ngân hàng sử dụng cao chiêu khiến cho hai đảng công kích lẫn nhau. Thượng nghị sĩ Aldrich chủ trì phe chống đối, dùng những lời lẽ nghiêm khắc chỉ trích đề án của Đảng Dân chủ vốn có ý thù địch với ngân hàng, và

không có lợi cho Chính phủ. Ông ta tuyên bố mọi chính sách tiền tệ pháp định quay lưng lại với hệ thống bản vị vàng đều là thách thức nghiêm trọng đối với các nhà tài phiệt ngân hàng. Tạp chí Nation ngày 23 tháng 10 năm 1908 đăng lời nhận xét rằng: “Chế độ tiền tệ pháp định của Chính phủ không được bảo đảm bằng vàng mà Ngài Aldrich phản đối cũng chính là kế hoạch do ông ta đề xuất năm 1908. Ông ta nên biết rằng, trên thực tế Chính phủ không liên quan đến việc phát hành tiền tệ, các quy định đạo luật trong thảo luận Ủy ban Cục Dự trữ Liên bang toàn quyền khống chế việc phát hành tiền tệ.”

Sự chỉ trích của Đảng Dân chủ đối với đề án của Aldrich cũng khiến thiên hạ hả hê. Họ cho rằng thứ mà Aldrich đang bảo vệ chính là lợi ích và địa vị lũng đoạn tài chính của các nhà ngân hàng Phố Wall, còn đề án Cục Dự trữ Liên bang Mỹ do Đảng Dân chủ đề xuất là nhằm “xây dựng nên một hệ thống ngân hàng trung ương hoàn mỹ phân quyền phân lập, trong đó Tổng thống bổ nhiệm, Quốc hội thẩm duyệt, các nhà ngân hàng đưa ra ý kiến chuyên môn, khống chế lẫn nhau.” Do không am tường nhiều về công việc tài chính nên Wilson tin rằng, phương án này phá tan sự lũng đoạn của các nhà ngân hàng Phố Wall đối với ngành tài chính.

Chính nhờ sự phản đối và chỉ trích kịch liệt của Aldrich và Vanderlip cũng như Phố Wall mà đạo luật Cục Dự trữ Liên bang Mỹ của Đảng Dân chủ chiếm trọn thiện cảm của dân chúng.

ĐỀ ÁN CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG MỸ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT - MONG ĐẸP CỦA CÁC NHÀ TÀI PHIỆT NGÂN HÀNG THÀNH HIỆN THỰC

Đồng thời với sự kiện Wilson trúng cử Tổng thống, kế hoạch B chính thức được khởi động.



Ngày 26 tháng 6 năm 1913, tức là chỉ 3 tháng sau khi Wilson bước vào Nhà Trắng, Carter Glass – một nhà tài phiệt ngân hàng đồng thời là Hạ nghị sĩ của bang Virginia, chính thức tung ra kế hoạch B tại Hạ viện: *Dự luật Glass* (The Glass Bill). Ông ta cố ý tránh dùng những từ quá kích động như ngân hàng trung ương, và thay vào đó là “Cục Dự trữ Liên bang.” Ngày 18 tháng 9, dự luật này được Hạ viện thông qua với tỉ lệ 287 phiếu thuận và 85 phiếu chống trong tình hình đa số Hạ nghị sĩ chẳng hiểu gì bản chất của vấn đề.

Sau khi trình lên Thượng viện, dự luật này mang tên *Dự luật Glass-Owen*. Bản thân Thượng nghị sĩ Robert Owen cũng là một nhà tài phiệt ngân hàng. Ngày 19 tháng 12 năm 1913, Thượng viện cũng thông qua dự luật này. Tuy nhiên, vẫn còn hơn 40 điểm khác nhau chờ giải quyết. Theo quy định của hai viện, trong vòng một tuần trước lễ Giáng sinh, Quốc hội sẽ không thông qua các dự luật quan trọng và các thành viên chỉ có thể đợi đến năm sau mới có thể bàn tiếp. Vì thế, rất nhiều nghị sĩ phản đối dự luật này đã nhao nhao rời Washington về nhà nghỉ lễ.

Lúc này, ở Quốc hội có một văn phòng làm việc tạm thời do Paul Warburg chỉ huy trực tiếp. Paul nắm đúng cơ hội ngàn năm có một này, phát động một trận chiến sấm chớp. Ông cho mời các nghị sĩ đến văn phòng tạm thời để thương thảo các bước tiếp theo. Tối thứ

Bây giờ ngày 20 tháng 12, cả hai viện triệu tập hội nghị liên tịch tiếp tục thương thảo các điểm bất đồng quan trọng. Lúc này, ai cũng muốn thông qua dự luật bằng mọi giá trước kỳ nghỉ Giáng sinh. Thậm chí ngày 17 tháng 12, Nhà Trắng tuyên bố bắt đầu cân nhắc đến danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Cục Dự trữ Liên bang khóa I. Nhưng mãi đến giữa đêm ngày 20, những bất đồng quan trọng vẫn chưa thể giải quyết.



Dưới sự thúc ép của các nhà tài phiệt ngân hàng, hội nghị liên tịch quyết định sẽ tiếp tục họp trọn ngày Chủ nhật – tức ngày 21, nếu không giải quyết được vấn đề thì không nghỉ.

Đến nửa đêm ngày 20, hầu như cả hai viện vẫn chưa thể thống nhất một số vấn đề quan trọng. Những bất đồng này bao gồm: Số lượng ngân hàng địa phương của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, lượng vàng dự trữ được đảm bảo chắc chắn như thế nào, tỉ lệ dự trữ vàng, vấn đề kết toán tiền tệ trong mâu dịch quốc nội và quốc tế, đề án cải cách dự trữ vàng, tiền tệ do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ phát hành có thể đổi thành vàng dự trữ của ngân hàng thương mại hay không, tỉ lệ trái phiếu Chính phủ làm sản phẩm thế chấp để phát hành tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang, vấn đề lạm phát tiền tệ.⁶¹

Sau một ngày, sáng thứ Hai ngày 22, tờ *New York Times* đăng một bài báo quan trọng *Dự luật tiền tệ hôm nay có thể trở thành luật*. Bài báo này nhiệt liệt tán dương hiệu suất làm việc của Quốc hội, “với một tốc độ làm việc chưa từng có, hội nghị liên tịch đã hóa giải sự bất đồng đối với dự luật của hai viện, mọi thứ đã hoàn tất vào sáng sớm hôm nay.” Thời gian mà bài báo này đề cập trong khoảng từ 1 giờ 30 đến 4 giờ sáng ngày thứ Hai. Một dự luật quan trọng rồi đây sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của mỗi người dân Mỹ được tiến

⁶¹ Eustace Mullins, *The Secrets of the Federal Reserve*, John McLaughlin, 1993.

hành dưới sự vội vàng và áp lực, tuyệt đại đa số các nghị sĩ không thể đến kịp để đọc kỹ những chỗ sửa đổi, chứ đừng nói đến việc chỉnh sửa dự luật.

4 giờ 30 sáng ngày 22, văn kiện cuối cùng đã giao đến nhà in. Đúng 7 giờ, các nghị sĩ đối chiếu bản thảo lần cuối.

2 giờ chiều, văn kiện đã in xong đặt trên bàn làm việc của các nghị sĩ với thông báo cuộc họp sẽ bắt đầu lúc 4 giờ chiều.

4 giờ chiều, hội nghị bắt đầu.

Đúng 6 giờ, báo cáo cuối cùng của hội nghị liên tịch được đưa ra, lúc này đại đa số nghị sĩ đã đi ăn cơm tối, trên hội trường chỉ còn lác đác mấy nghị sĩ.

7 giờ 30 tối, Glass bắt đầu đọc bài diễn văn kéo dài 20 phút, sau đó bước vào giai đoạn tranh luận.

11 giờ đêm, mọi người bắt đầu biểu quyết. Cuối cùng, Hạ viện đã thông qua với số phiếu áp đảo 298/60.

Ngày 23, hai ngày trước lễ Giáng sinh, Thượng viện cũng biểu quyết thông qua Dự luật Cục Dự trữ Liên bang với tỉ lệ 43/25 (vắng 27 nghị sĩ). Để báo đáp ơn tri ngộ của các nhà tài phiệt Phố Wall, Tổng thống Wilson chính thức đặt bút ký vào dự luật này chỉ một giờ sau khi Thượng nghị viện thông qua dự luật Cục Dự trữ Liên bang Mỹ.

Phố Wall và thành phố tài chính London tức khắc reo mừng hoan hô.

Trong bài diễn thuyết hôm đó, Nghị sĩ Charles August Lindbergh nói rằng: “Dự luật Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đã trao quyền tín dụng lớn nhất trên Trái Đất. Ngay sau khi Tổng thống đặt bút ký vào dự luật này, quyền lực của tiền tài vốn dĩ chẳng xem Chính phủ ra gì này sẽ được hợp pháp hóa. Người dân trong thời gian ngắn sẽ không thể biết điều này, nhưng sau mấy năm nữa họ sẽ nhận ra tất cả. Đến

lúc đó, người dân cần phải tuyên bố “Tuyên ngôn độc lập” lại lần nữa mới có thể giải phóng mình ra khỏi quyền lực của đồng tiền. Thứ quyền lực này cuối cùng sẽ khống chế cả Quốc hội. Nếu như các thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ chúng ta không lừa gạt Quốc hội, thì Phố Wall không thể lừa dối chúng ta. Nếu chúng ta thật sự có một Quốc hội của dân thì người dân sẽ có đời sống ổn định. Sự phạm tội lớn nhất của Quốc hội chính là dự luật hệ thống tiền tệ (dự luật Cục Dự trữ Liên bang Mỹ). Dự luật ngân hàng này là sai lầm lập pháp nghiêm trọng nhất trong thời đại của chúng ta. Giới chóp bu của hai đảng đã một lần nữa tước đoạt mất cơ hội nhận những điều tốt đẹp từ Chính phủ của chính họ.”⁶²

Còn các nhà tài phiệt ngân hàng thì không ngớt lời ca ngợi dự luật này. Oliver Sands – Chủ tịch American National Bank nói một cách tràn trề nhiệt tình rằng: “Việc thông qua dự luật tiền tệ này sẽ tạo ra ảnh hưởng tích cực đối với quốc gia và giúp ích cho hoạt động thương nghiệp. Theo tôi thấy, đây là sự bắt đầu cho một thời đại phồn vinh rộng khắp.”

Trong bài trả lời phỏng vấn tạp chí Independent tháng 7 năm 1914, Thượng nghị sĩ Aldrich tiết lộ: “Trước khi dự luật Cục Dự trữ Liên bang Mỹ được thông qua, các nhà tài phiệt ngân hàng New York chỉ có thể kiểm soát nguồn vốn của vùng này. Bây giờ, họ có thể chi phối dự trữ vàng trong ngân hàng của cả quốc gia. Trải qua hơn 100 năm đối đầu quyết liệt với Chính phủ Mỹ, cuối cùng các nhà tài phiệt ngân hàng quốc tế đã đi đến mục tiêu của họ: khống chế triệt để quyền phát hành tiền tệ quốc gia của nước Mỹ. Và mô hình của Ngân hàng Anh cuối cùng đã được phục chế thành công tại Hoa Kỳ.”

⁶² Charles Lindberg (cha), Diễn văn nhậm chức ngày 23/12/1913.

AI NẮM GIỮ CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG MỸ?

Nhiều năm nay, vấn đề ai đang nắm giữ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ vẫn luôn là một đề tài kín như bưng. Bản thân Cục Dự trữ Liên bang Mỹ thì luôn quanh co úp mở. Giống như Ngân hàng Anh, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ cũng giữ kín thông tin về các cổ đông. Hạ nghị sĩ Wright Patman đảm nhận chức Chủ tịch Ngân hàng Hạ viện và Ủy ban tiền tệ đến 40 năm, trong đó có 20 năm liền ông không ngừng đề xuất phương án phế bỏ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, và ông cũng luôn đề ý đến vấn đề rốt cuộc ai đang nắm giữ Cục Dự trữ Liên bang.

Bí mật này cuối cùng được hé lộ. Eustace Mullins – tác giả cuốn sách *Secrets of Federal Reserve* (tạm dịch: Bí mật của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ) – trải qua hơn nửa thế kỷ nghiên cứu và thu thập 12 giấy phép kinh doanh (Organization Certificates) sớm nhất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, trên đó ghi rõ ràng giá trị mỗi một cổ phần cấu thành của Cục Dự trữ Liên bang.

Ngân hàng New York của Cục Dự trữ Liên bang là ngân hàng khổng lồ thực tế hoạt động của hệ thống Cục Dự trữ Liên bang Mỹ. Tổng lượng cổ phần phát hành theo đăng ký trong văn bản gửi cơ quan kiểm toán ngày 19 tháng 5 năm 1914 là 203.053 cổ phần, trong đó:



Trụ sở Cục Dự trữ Liên bang Mỹ tại Washington

- **National City Bank of New York** dưới sự khống chế của công ty Rockefeller và Kuhn Loeb, tức là tiền thân của Ngân hàng Hoa Kỳ, nắm giữ số cổ phần lớn nhất – 30.000 cổ phần.
- **First National Bank của Morgan** nắm giữ 15.000 cổ phần.

Sau khi sáp nhập vào năm 1955 thành Ngân hàng Hoa Kỳ, hai công ty nắm giữ gần $\frac{1}{4}$ số cổ phần của Ngân hàng New York thuộc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, và trên thực tế nó đã quyết định chiếc ghế Chủ tịch của Cục Dự trữ Liên bang. Việc Tổng thống bổ nhiệm chức Chủ tịch chỉ là hình thức mà thôi, còn việc lấy ý kiến Quốc hội lại càng giống một màn kịch.

- **Ngân hàng Thương mại Quốc gia New York (National Bank of Commerce of New York City)** của Paul Warburg nắm giữ 21.000 cổ phần.
- **Hanover Bank** của dòng họ Rothschild đảm nhận chức Chủ tịch với quyền sở hữu 10.200 cổ phần.
- **Chase National Bank** nắm giữ 6.000 cổ phần. The Bold Bank Robbery nắm giữ 6.000 cổ phần.

Tổng cộng, sáu ngân hàng này nắm giữ 40% cổ phần Ngân hàng New York thuộc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, đến năm 1983, họ nắm giữ tổng cộng là 53% lượng cổ phần. Sau khi điều chỉnh, tỉ lệ nắm giữ cổ phần của họ là: Ngân hàng Hoa Kỳ 15%, Chase Manhattan 14%, Morgan Guaranty Trust 9%, Manufacturers Hanover Corporation 7%, Chemical Bank 8%.⁶³

Tổng vốn đăng ký của Ngân hàng New York thuộc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ là 143 triệu đô-la, nhưng việc các ngân hàng kể trên có chi ra khoản tiền này hay không vẫn là một câu đố. Một số nhà sử học cho rằng các ngân hàng chỉ chi ra một nửa tiền mặt, trong khi

⁶³ Eustace Mullins, *The Secrets of the Federal Reserve*, John McLaughlin, 1993.

một số nhà sử học khác thì cho rằng, về cơ bản, các ngân hàng không chi ra bất cứ khoản tiền mặt nào mà chỉ dùng hối phiếu, và tài khoản của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ mà bản thân họ đang sở hữu chỉ là biến động của mấy con số mà thôi, còn sự vận hành của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ thực ra chính là việc “dùng giấy thế chấp phát hành ra giấy.” Chẳng thế mà một nhà sử học đã mỉa mai rằng, hệ thống ngân hàng dự trữ liên bang không mang tính chất “liên bang”, cũng chẳng có “dự trữ”, và cũng không phải là “ngân hàng” nốt.

Ngày 15 tháng 6 năm 1978, Ủy ban Đối ngoại của Chính phủ Thượng nghị viện Mỹ công bố báo cáo về lợi tức của các công ty chủ chốt của nước Mỹ. Báo cáo này cho thấy rằng, 470 vị trí thành viên Hội đồng quản trị là do người của 130 công ty chủ chốt nhất của Mỹ nắm giữ. Tính bình quân tại mỗi một công ty chủ chốt có 3,6 ghế trong hội đồng quản trị thuộc về các nhà tài phiệt ngân hàng.

Trong đó, Ngân hàng Hoa Kỳ khống chế 97 ghế Hội đồng quản trị, công ty J.P Morgan – 99 ghế, Chemical Bank – 96 ghế, Chase Manhattan – 89 ghế, Hanover Manufacturers – 89 ghế.

Ngày 3 tháng 9 năm 1914, khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ quyết định bán cổ phần ra công chúng, tờ *New York Times* công bố cơ cấu cổ phần của các ngân hàng chủ yếu như sau:

National City Bank phát hành 250.000 cổ phiếu, James Stillman nắm giữ 47.498 cổ phiếu, Công ty J.P Morgan nắm giữ 14.500 cổ phiếu, William Rockefeller nắm giữ 10.000 cổ phiếu, John Rockefeller nắm giữ 1.750 cổ phiếu.

Ngân hàng Thương mại Quốc gia New York phát hành 250.000 cổ phiếu, George Berk nắm giữ 10.000 cổ phiếu; công ty J.P Morgan – 7.800 cổ phiếu; Mary Harriman – 5.650 cổ phiếu; Paul Warburg – 3.000 cổ phần; Jacob Schiff – 1.000 cổ phần, J.P Morgan con – 1.000 cổ phiếu.

Chase Bank, George Berk nắm giữ 13.408 cổ phiếu.

Hanover Bank, James Still nắm giữ 4.000 cổ phiếu, William Rockefeller nắm giữ 1.540 cổ phiếu.

Kể từ khi thành lập vào năm 1913 đến nay, Cục Dự trữ Liên bang cho thấy một sự thật không thể bao biện rằng các nhà tài phiệt ngân hàng đang thao túng mạch máu tài chính, công thương nghiệp và chính trị của nước Mỹ. Hơn thế nữa, các nhà tài phiệt Phố Wall đều có mối quan hệ mật thiết với dòng họ Rothschild của thành London.

Benjamin Strong – CEO của Bankers Trust – được chọn làm Chủ tịch Hội đồng quản trị của ngân hàng New York thuộc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ khóa thứ nhất. “Dưới sự khống chế của Strong, hệ thống dự trữ liên bang đã hình thành mối quan hệ khăng khít chặt chẽ với Ngân hàng Anh và Ngân hàng Pháp. Benjamin Strong giữ chức Chủ tịch ngân hàng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ ở New York mãi đến năm 1928 thì đột ngột tử vong trong khi Quốc hội đang điều tra hội nghị bí mật của Cục Dự trữ Liên bang cũng như giới chóp bu của ngân hàng trung ương châu Âu. Những hội nghị bí mật này dẫn đến cuộc đại suy thoái năm 1929.”⁶⁴

⁶⁴ Ferdinand Lundberg, *America's 60 families*, Halcyon House, 1939.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KHÓA MỘT CỦA CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG MỸ

Về sau, Wilson tự thừa nhận rằng, ông ta chỉ được phép chỉ định một thành viên trong Hội đồng quản trị của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ và các thành viên còn lại đều do các nhà tài phiệt ngân hàng của New York lựa chọn. Trong quá trình đề cử và bổ nhiệm Paul Warburg vào vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thượng nghị viện yêu cầu ông phải có mặt tại Quốc hội để trả lời chất vấn vào tháng 6 năm 1914, chủ yếu là tìm hiểu vai trò của ông trong quá trình soạn thảo dự luật Cục Dự trữ Liên bang, nhưng rốt cuộc, Paul từ chối thẳng thừng. Trong thư gửi cho Quốc hội, ông tuyên bố rằng việc trả lời bất cứ chất vấn nào theo yêu cầu đều có thể sẽ ảnh hưởng đến vai trò của ông trong Hội đồng Thống đốc Cục Dự trữ Liên Bang, vì vậy ông quyết định từ chối việc tiếp nhận đề cử vào chức Chủ tịch Hội đồng Thống đốc Cục Dự trữ Liên Bang Mỹ. Tờ New York Times ngay lập tức lên tiếng minh oan cho Paul, và trong số ra ngày 10 tháng 7 năm 1914, tờ báo này đã chỉ trích Thượng nghị viện không nên chất vấn Paul một cách hồ đồ như vậy.

Hiển nhiên Paul là nhân vật trung tâm của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ. Nếu không có ông, chắc chẳng có người thứ hai nào biết được Cục Dự trữ Liên bang Mỹ rốt cuộc vận hành như thế nào. Đối mặt với thái độ cứng rắn của ông, Quốc hội chỉ còn cách gặt đầu và đưa ra một danh sách các câu hỏi trước khi ông nhậm chức, và nếu như cảm thấy câu hỏi nào đó “sẽ ảnh hưởng đến vai trò của mình”, Paul có thể không trả lời, và cuối cùng thì Paul đành miễn cưỡng đồng ý, nhưng yêu cầu gặp mặt phi chính thức.

Ủy ban hỏi: Tôi biết Ngài là người của Đảng Cộng hòa, nhưng ngay khi Roosevelt tham gia tranh cử thì Ngài lại trở thành người đồng tình và ủng hộ Wilson (Đảng Dân chủ)?

Paul đáp: Đúng vậy.

Ủy ban hỏi: Nhưng anh của Ngài [Felix Warburg] lại ủng hộ Taft (Đảng Cộng hòa)?”

Paul đáp: Đúng vậy.⁶⁵

Điều thú vị là, ba cổ đông của Kuhn, Loeb & Co. lại ủng hộ ba người khác nhau ra tranh cử Tổng thống, trong số đó Otto Kahn ủng hộ Roosevelt cha. Giải thích của Paul là ba người này không can thiệp vào quan điểm chính trị của nhau, bởi vì “tài chính và chính trị không liên quan đến nhau.”

Paul vượt qua cuộc điều trần của Quốc hội một cách thuận lợi, trở thành Chủ tịch thứ nhất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, sau đó trở thành Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngoài Paul ra, bốn thành viên khác của hội đồng là:

Adolph Casper Miller – nhà kinh tế học, xuất thân từ Đại học Chicago do Rockefeller tài trợ và Đại học Harvard do Morgan tài trợ.

Charles Sumner Hamlin – từng đảm nhiệm chức trợ lý Bộ trưởng Tài chính.

Frederick Adrian Delano – thông gia của Roosevelt, nhà tài phiệt ngân hàng đường sắt.

William Proctor Gould Harding – Chủ tịch First National Bank của Atlanta.

Thomas David Jones được Tổng thống Wilson đích thân tiến cử bị Bộ Tư pháp Mỹ điều tra và khởi tố, về sau tự rút lui khỏi Hội đồng quản trị.

Hai thành viên khác là Bộ trưởng Tài chính và Kiểm toán viên tiền tệ.

⁶⁵ Eustace Mullins, *The Secrets of the Federal Reserve*, John McLaughlin 1993.

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN LIÊN BANG

Hội đồng tư vấn liên bang là một chiếc camera bí mật được Paul Warburg dày công thiết kế nhằm khống chế Hội đồng Thống đốc Cục Dự trữ Liên Bang Mỹ. Trong quá trình vận hành hơn 90 năm của Cục Dự trữ Liên bang, Hội đồng tư vấn liên bang đã thực hiện hết sức xuất sắc ý tưởng năm đó của Paul, hầu như chưa có ai để ý cơ cấu này và sự vận hành của nó, cũng chưa có nhiều công trình nghiên cứu đáng tin cậy.

Năm 1913, Hạ nghị sĩ Glass ra sức quảng cáo cho Hội đồng tư vấn liên bang. Ông ta nói: “Ở đây không thể có thứ gì gian ác. Mỗi năm Hội đồng Thống đốc Cục Dự trữ Liên Bang sẽ hội đàm 4 lần với Hội đồng tư vấn của các nhà tài phiệt ngân hàng, mỗi một thành viên đại diện cho Cục Dự trữ Liên bang địa phương nơi mình sống. Chúng ta còn có thể bảo vệ lợi ích của công chúng tốt hơn sự sắp đặt này không?” Bản thân Hạ nghị sĩ Glass là một nhà tài phiệt ngân hàng, và ông ta không giải thích hoặc cung cấp bất cứ chứng cứ nào cho thấy các nhà ngân hàng từng bảo vệ lợi ích gì của công chúng trong lịch sử của nước Mỹ.

Hội đồng tư vấn liên bang do 12 nhà tài phiệt ngân hàng địa phương thuộc Cục Dự trữ Liên bang tiến cử hợp thành, mỗi năm hội đàm 4 lần với thành viên của Hội đồng Thống đốc Cục Dự trữ Liên Bang tại Washington. Các nhà tài phiệt ngân hàng đề xuất “kiến nghị” chính sách tiền tệ cho các thành viên Hội đồng quản trị của Cục Dự trữ Liên bang, mỗi đại biểu đại diện cho lợi ích kinh tế của địa phương mình, mỗi người đều có quyền bỏ phiếu như nhau, đơn giản mà hoàn toàn kín kẽ về lý thuyết, nhưng trong sự khốc liệt tàn bạo của ngành ngân hàng thì đó hoàn toàn lại là một bộ “quy tắc ngầm” khác.

Thật khó tưởng tượng tại sao một nhà ngân hàng nhỏ của Cincinnati lại ngồi chung một bàn hội nghị với các trùm tài chính quốc tế như Paul Warburg, Morgan để đề xuất “kiến nghị chính sách tiền tệ” với các ông trùm tài chính này? Chỉ cần tiện tay móc trong túi ra một tấm chi phiếu, rồi ngoạch lên đó hai nét bút thì bất cứ ai trong số hai ông trùm tài chính này cũng đủ khiến cho các nhà tài phiệt ngân hàng nhỏ khuynh gia bại sản. Trên thực tế, sự sinh tồn của mỗi một nhà tài phiệt ngân hàng nhỏ trong 12 khu vực liên bang đều hoàn toàn phụ thuộc vào sự ban ơn của 5 ngân hàng lớn ở Phố Wall. Năm ông trùm này có ý đem đa số các giao dịch lớn với các ngân hàng châu Âu chuyển thành các giao dịch nhỏ lẻ cho các “ngân hàng vệ tinh” trong các khu vực của mình. Và càng có nhiều thương vụ béo bở thì “các ngân hàng vệ tinh” càng thêm phục tùng nghe theo các ông trùm. Đương nhiên, năm ông trùm kia cũng có quyền nắm giữ cổ phần của những ngân hàng nhỏ này. Nói chung chúng ta không cần phải tưởng tượng nhiều cũng có thể biết được kết quả mỗi khi các ngân hàng nhỏ “đại diện cho lợi ích khu vực của mình” cùng nhau thảo luận chính sách tiền tệ của Mỹ với năm ông trùm tài chính.

Cho dù “kiến nghị” của Hội đồng tư vấn liên bang chẳng có sức trói buộc lắm với quyết sách của Hội đồng Thống đốc Cục Dự trữ Liên Bang, nhưng đều đặn mỗi năm 4 lần, các nhà tài phiệt ngân hàng không ngại khổ cực vi hành đến Washington để hội họp với năm ông trùm Phố Wall. Có phải họ đến Washington chỉ để gặp gỡ trà nước với năm nhà tài phiệt đó? Nên nhớ rằng, họ là những con người vô cùng bận rộn cùng lúc phải kiêm nhiệm chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị của 63 công ty như Morgan. Nếu như sự “kiến nghị” của họ không nhận được bất cứ sự suy xét nào, mà họ vẫn vui vẻ, đó thực sự là điều hết sức kỳ lạ.

CHÂN TƯỚNG Ở ĐÂU?

Tuyệt đại đa số người Mỹ hoàn toàn không thể hiểu được chính xác phương thức vận hành của các thể chế cho vay quốc tế. Sổ sách của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ vốn dĩ chưa từng được kiểm tra. Nó hoàn toàn vận hành bên ngoài phạm vi khống chế của Quốc hội, và nó đang thao túng nguồn cung ứng tín dụng của nước Mỹ



Thượng nghị sĩ Barry Goldwater

Để tạo ra giá cao, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ chỉ cần hạ thấp lãi suất xuống, nhằm mở rộng hoạt động tín dụng và tạo nên một thị trường cổ phiếu phồn vinh. Ngay sau khi ngành công thương đã quen với môi trường lãi suất như vậy, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ lại quyết định nâng cao lãi suất một cách tùy ý nhằm chấm dứt sự phồn vinh này.

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ và các nhà tài phiệt ngân hàng nắm giữ Cục Dự trữ Liên bang có thể dùng khả năng điều chỉnh lãi suất nhẹ nhàng khiến cho giá thị trường dao động lên xuống một cách hài hòa như con lắc, cũng có thể điều chỉnh mạnh lãi suất khiến cho giá cả thị trường dao động dữ dội. Bất kể là tình hình nào, nó sẽ nắm giữ tin tức nội bộ của tình hình tài chính và biết trước sự thay đổi sắp đến của sự việc.

Đây là điều mà không có một Chính phủ nào có thể có được [quyền biết trước thông tin thị trường]. Và đây cũng là điều kỳ lạ nhất và nguy hiểm nhất mà giai cấp đặc quyền thiểu số nắm giữ. Hệ thống này là thuộc tư hữu, toàn bộ mục đích vận hành của nó chính là lợi dụng tiền của người khác để thu được lợi nhuận lớn nhất có thể.

Họ biết được khi nào thì cần tạo ra khủng hoảng để thu lợi. Tương tự, họ cũng biết phải dùng khủng hoảng vào lúc nào. Khi tài chính được khống chế thì lạm phát tiền tệ và siết chặt tiền tệ đều có hiệu quả như nhau đối với mục đích của họ



Hạ nghị sĩ Charles Lindbergh

Mỗi một phiếu dự trữ liên bang (Federal Reserve Note) đều đại diện cho một khoản nợ chưa trả của một đồng đô-la Cục Dự trữ Liên bang



Báo cáo tiền tệ

Ngân hàng khu vực của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ không phải là cơ cấu Chính phủ mà là công ty độc lập do tư nhân nắm giữ và địa phương kiểm soát



Lewis và Chính phủ Mỹ, 1982

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ là một trong những cơ cấu hủ bại nhất trên thế giới. Trong số những người có thể nghe chúng ta nói (diễn thuyết của Quốc hội), chẳng một ai biết được trên thực tế quốc gia của chúng ta đang bị các nhà tài phiệt ngân hàng quốc tế thống trị. Có một số người cho rằng, ngân hàng Cục Dự trữ Liên bang là cơ cấu của Chính phủ Mỹ. Trên thực tế, ngân hàng Cục Dự trữ Liên bang không phải là cơ cấu Chính phủ mà là cơ cấu lũng đoạn hoạt động tín dụng do tư nhân chỉ đạo. Cục Dự trữ Liên bang đang bóc lột nhân dân Mỹ vì lợi ích của bản thân họ cũng như lợi ích của những kẻ bịp bợm ngoại quốc



Hạ nghị sĩ Louis McFadden

Khi viết chi phiếu, trong tài khoản của bạn và tôi cần phải có đủ tiền để bảo đảm cho kim ngạch⁶⁶ của chi phiếu đó. Thế nhưng, khi xuất chi phiếu, trong tài khoản của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ chẳng có bất cứ món tiền nào để bảo đảm. Đây cũng là lúc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ sáng tạo ra tiền tệ



Ngân hàng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Boston

Từ năm 1913 đến năm 1949, nguồn vốn của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ từ 143 triệu đô-la đã tăng vọt lên 45 tỉ đô-la. Số tiền này trực tiếp chảy vào hấu bao của các cổ đông ngân hàng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ



L'Estaque Mullins

Rất nhiều vị tổng thống đưa ra lời cảnh báo về sự đe dọa của quyền lực tiền tệ. Nhiều ghi chép của Quốc hội và các án lệ pháp luật đã nói rõ ràng tính chất tư hữu của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, nhưng có bao nhiêu người dân Mỹ, người dân Trung Quốc cũng như các quốc gia khác biết điều này? Đây mới là điểm đáng sợ của vấn đề! Chúng ta cho rằng giới truyền thông uy quyền của phương Tây “tự do công bằng” sẽ phơi bày tất cả, nhưng trên thực tế, chân tướng của vấn đề luôn bị giới truyền thông cố ý “bỏ qua.” Vậy còn sách giáo khoa của nước Mỹ thì sao? Vốn dĩ các loại sách giáo khoa Mỹ đều lấy việc lựa chọn những “nội dung lành mạnh” cho thế hệ sau mà bỏ qua các loại quỹ mang danh nghĩa của các nhà ngân hàng quốc tế.

⁶⁶ Quy định về mặt giá trị thể hiện bằng tiền tệ đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của một nước hay một khu vực trong một thời kỳ nhất định.

Trước khi qua đời, Tổng thống Wilson thừa nhận rằng mình đã bị lừa dối trong các vấn đề liên quan đến Cục Dự trữ Liên bang Mỹ. Ông day dứt khi nói rằng: “Tôi đã vô ý hủy hoại Tổ quốc mình.”

Khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ chính thức đi vào hoạt động ngày 25 tháng 10 năm 1914, Chiến tranh Thế giới thứ nhất bùng nổ. Lại một sự “trùng hợp” hoàn hảo về thời gian! Các cổ đông của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đang hồ hởi chờ một mẻ cá lớn!

